

CÔNG TY TNHH QUANG VINH



CÔNG TY
TNHH
QUANG
VINH.

Digitally signed by CÔNG TY
TNHH QUANG VINH.
DN: C=VN, S=Bình Dương,
CN=CÔNG TY TNHH QUANG
VINH.,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:3700596880
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025-01-23 15:17:28
Foxit Reader Version: 9.0.1

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

**“CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CÔNG TY TNHH QUANG VINH
(CHỢ QUANG VINH 2)”**

(Tổng diện tích 20.023,40 m², trong đó: Đất thương mại dịch vụ 2.212,7 m², đất ở 9.049,4 m² khoảng 392 người, diện tích còn lại là cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, HLAT đường bộ)

Địa điểm thực hiện: Ấp 1, Khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Bình Dương, tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH QUANG VINH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

“CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CÔNG TY TNHH QUANG VINH (CHỢ QUANG VINH 2)”

(Tổng diện tích 20.023,4 m², trong đó: Đất thương mại dịch vụ 2.212,7 m²,
đất ở 9.049,4 m² khoảng 392 người, diện tích còn lại là cây xanh, hạ tầng kỹ thuật,
giao thông, HLAT đường bộ)

Địa điểm thực hiện: Ấp 1, Khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình,
thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

CHỦ DỰ ÁN:

CÔNG TY TNHH QUANG VINH



Lê Quang Vinh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TỔNG HỢP LÂM ANH



Nguyễn Ngô Tùng Lâm

Bình Dương, tháng 1 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
1.1. Tên chủ dự án	1
1.2. Tên dự án:	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án:.....	14
1.3.1. Công suất hoạt động của dự án.....	14
1.3.2. Công nghệ sản xuất, vận hành	15
1.3.3. Sản phẩm của dự án.....	16
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:	16
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án	16
1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước và nhu cầu sử dụng của Công ty.....	17
1.4.2.1. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng	17
1.4.2.2. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng.....	18
1.4.2.3. Phương án cấp nước:	21
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	21
1.5.1. Tình hình hoạt động hiện nay của dự án	21
1.5.2. Tổng mức đầu tư của dự án:	21
1.5.2. Quy trình quản lý, vận hành của dự án.....	21
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	25
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	25
2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	26
Chương III	32
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	32
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	32
3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa:.....	32
3.1.2. Thu gom và thoát nước thải:.....	34
3.1.3. Xử lý nước thải:	36
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:	44
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG:	46

3.3.1. Công trình lưu giữ, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình hoạt động của chợ và khu phố chợ:	46
3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	49
3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:	50
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	51
3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối các HTXL nước thải:	51
3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố do quá tải kho chứa chất thải rắn:	56
3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:	57
3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:	57
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:	59
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:	59
CHƯƠNG IV	61
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	61
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	61
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	62
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	62
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:	64
Chương V	65
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	65
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	65
5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	65
5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	65
5.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật	66
5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	66
CHƯƠNG VI	67
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	67

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	– Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 ⁰ C -đo trong 5 ngày.
BTNMT	– Bộ Tài nguyên và Môi trường.
BVMT	– Bảo vệ môi trường.
BYT	– Bộ Y tế.
BTCT	– Bê tông cốt thép.
COD	– Nhu cầu oxy hóa học.
CTNH	– Chất thải nguy hại.
CTR	– Chất thải rắn.
DO	– Oxy hòa tan.
ĐTM	– Đánh giá tác động môi trường.
KVA	– Kilo Volt Ampe.
HTXL	– Hệ thống xử lý
NTSH	– Nước thải sinh hoạt.
PCCC	– Phòng cháy chữa cháy.
QLMT	– Quản lý môi trường.
QCVN	– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
TCVN	– Tiêu chuẩn Việt Nam.
TDS	– Tổng chất rắn hoà tan.
TNHH	– Trách nhiệm hữu hạn.
TT	– Thông tư.
TXLNT	– Trạm xử lý nước thải
TSS	– Tổng chất rắn lơ lửng.
XLNT	– Xử lý nước thải.
UBND	– Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 2. Quy mô sử dụng đất của chợ và Khu nhà ở thương mại	15
Bảng 1.5. Nguyên vật liệu, hóa chất của dự án	17
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	19
Bảng 1. 9. Bảng cân bằng nước của dự án thời điểm tối đa.....	20
Bảng 3.1. Hạng mục công trình của hệ thống thoát nước mưa	33
Bảng 3.2. Hạng mục công trình của hệ thống thu gom và thoát nước thải	35
Bảng 3.3. Hạng mục công trình của HTXLNT công suất 150 m ³ /ngày	39
Bảng 3.4. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước thải công suất 150 m ³ /ngày.đêm	40
Bảng 3.5. Thành phần và khối lượng hóa chất sử dụng xử lý nước thải.....	43
Bảng 3 8. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt	47
Bảng 3.9. Bảng nguồn phát sinh, thành phần và khối lượng của CTNH.....	49
Bảng 3. 10. Kịch bản sự cố và phương án ứng phó sự cố HTXL nước thải	52
Bảng 3. 12. Những nội dung sai khác so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....	60
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	62
Bảng 5. 1. Thời gian, vị trí và thông số quan trắc nước thải vận hành thử nghiệm	65
Bảng 5. 2. Kinh phí giám sát môi trường giai đoạn hoạt động	66

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí tọa độ ranh góc dự án	2
Hình 3. 1. Hình ảnh minh họa đường thu gom và thoát nước mưa của dự án	33
Hình 3. 2. Hình ảnh minh họa đường thu gom và thoát nước thải của dự án	35
Hình 3. 4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty	37
Hình 3. 5. Hình ảnh HTXL nước thải của Công ty	39
Hình 3. 6. Hình ảnh khu tập kết rác sinh hoạt	49
Hình 3. 7. Hình ảnh nhà kho chứa chất thải CTNH	50
Hình 3. 8. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	58

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

- Chủ dự án: **Công ty TNHH Quang Vinh**
- Địa chỉ văn phòng: Số 199/F, tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Ông Lê Quang Vinh
- + Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân.
- + Số giấy chứng thực cá nhân: 001067016689 Ngày cấp: 14/03/2021
- Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- + Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: E6 khu phố 5, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- + Chỗ ở hiện tại: E6 khu phố 5, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700596880 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2004, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/06/2023.

1.2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: “**Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh (chợ Quang Vinh 2)**”

(Tổng diện tích 20.023,40 m², trong đó: Đất thương mại dịch vụ 2.212,7 m², đất ở 9.049,4 m² khoảng 392 người, diện tích còn lại là cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, HLAT đường bộ).

Theo báo cáo ĐTM đã phê duyệt tại Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 18/6/2008, Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết chợ và khu nhà ở thương mại số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND thành phố Tân Uyên thì tổng diện tích quy hoạch 20.137,9 m² tuy nhiên theo Quyết định điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 số 6862/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 và số 7064/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND TP Tân Uyên thì dự án 20.023,4 m² (giảm 114,5 m² so với quy hoạch được duyệt).

- Địa điểm thực hiện dự án: Ấp 1, Khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp: Đường Khánh Bình 66

+ Phía Nam giáp: Đường ĐH 418

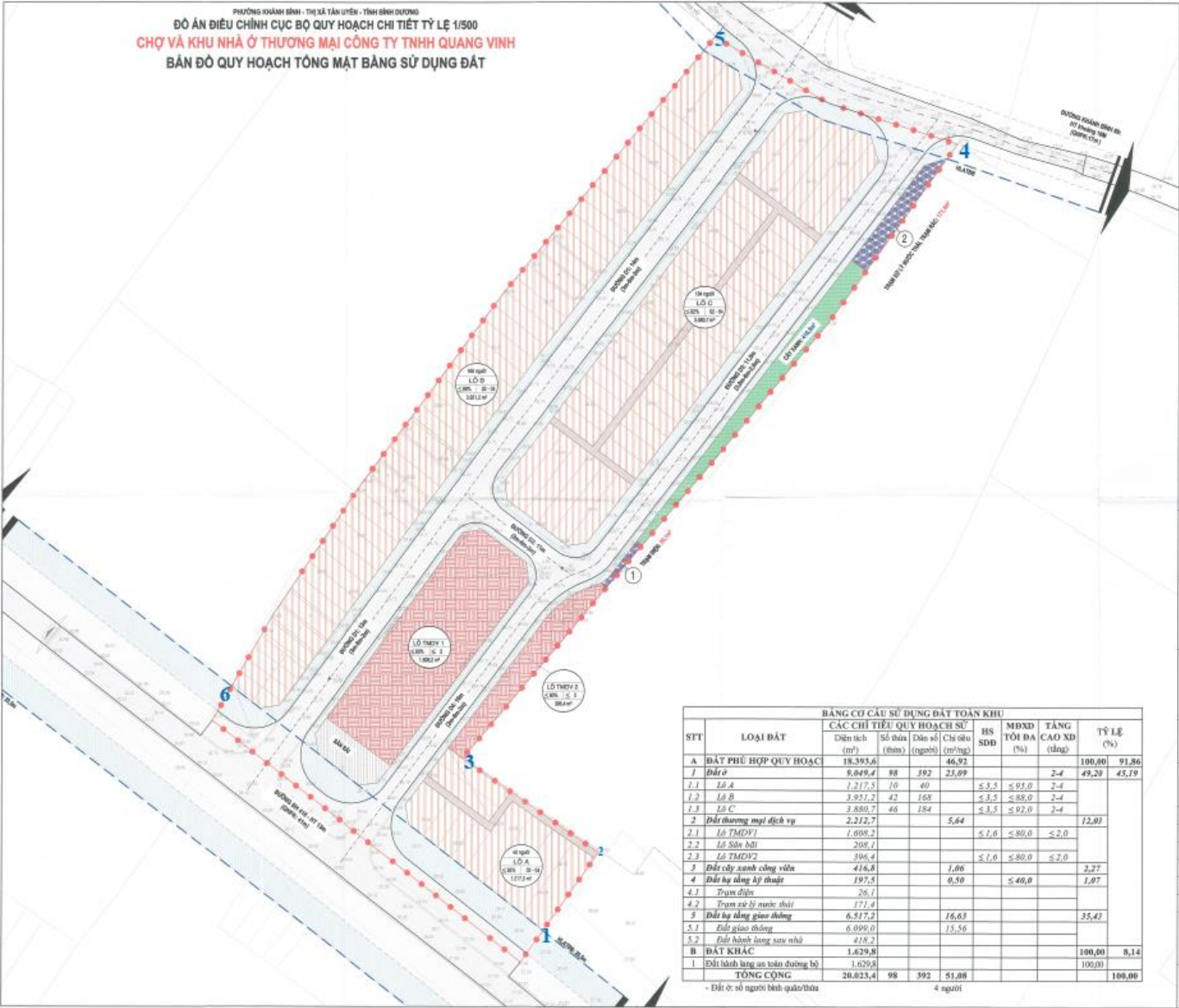
+ Phía Đông giáp: Công ty TNHH MTV Kim Long Tấn Bình Dương

- + Phía Tây giáp: Công ty TNHH xây dựng An Tâm
- + Tọa độ ranh góc dự án:

Bảng 1. 1. Tọa độ ranh góc dự án (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45’ múi chiếu 3°)

Ký hiệu	Tọa độ	
	X (m)	Y(m)
1	12.20.374	06.10.061
2	12.20.396	06.10.095
3	12.20.424	06.10.055
4	12.20.598	06.10.197
5	12.20.629	06.10.128
6	12.20.493	06.09.988

(Nguồn: Bản đồ trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 110-2017)



Hình 1. 1. Vị trí tọa độ ranh góc dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700596880 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2004, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/06/2023.
- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: UBND tỉnh Bình Dương
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:
 - + Công văn số 1660/UBND-KTTH ngày 10/04/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc địa điểm đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên;
 - + Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 529/TD-PCCC ngày 20/8/2007 của Công an tỉnh Bình Dương cho dự án chợ và khu nhà ở thương mại công ty TNHH Quang Vinh.
 - + Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, xã Khánh Bình-huyện Tân Uyên;
 - + Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Quang Vinh để đầu tư xây dựng Chợ và Khu nhà ở thương mại tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
 - + Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 về việc điều chỉnh thời gian sử dụng đất của Công ty TNHH Quang Vinh tại Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 09/08/2007 và Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh.
 - + Công văn số 3073/UBND-KTTH ngày 31/08/2016 của UBND thị xã Tân Uyên về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên;
 - + Quyết định số 6862/QĐ-UBND ngày 06/09/2017 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình;
 - + Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình;
 - + Công văn số 2744/SKHĐT-KTĐN ngày 11/11/2017 của Sở kế hoạch và đầu tư về việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 252/TD-PCCC ngày 03/05/2018 của cảnh sát PCCC Bình Dương.

+ Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao đất và điều chỉnh hình thức sử dụng đất, diện tích, vị trí các loại đất thuộc dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên;

+ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên).

+ Công văn số 43/UBND-KT ngày 25/04/2023 của UBND phường Khánh Bình về việc chấp thuận đầu nối thoát nước mưa của dự án vào đường Khánh Bình 66.

+ Công văn số 2474/SKHĐT-KTĐN ngày 07/09/2023 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương về việc phúc đáp nội dung kiến nghị của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Giấy phép xây dựng số 880/GPXD ngày 21/11/2023 của UBND thành phố Tân Uyên cấp cho dự án chợ và khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh.

+ Văn bản số 4937/UBND – KTTH ngày 27/9/2024 của UBND thành phố Tân Uyên về việc đầu nối nước thải sau xử lý của dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh vào hệ thống thoát nước trên đường ĐH 418, phường Khánh Bình.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô A, B, C của phần đất dân cư và khu thương mại (gồm khu nhà lồng chợ, khu kios và khu bãi đậu xe):

***Lô A (đất dân cư):**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 526599 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 1 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240301 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 2 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 526597 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 3 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 526596 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 4 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 457263 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 5 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 457262 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 6 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240303 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 7 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 526594 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 8 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO457265 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 9 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 457264 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 10 lô A – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

***Lô B (đất dân cư):**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 457261 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 1 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 457260 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 2 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 457259 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 3 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125265 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 4 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125264 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 5 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 125263 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 6 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125262 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 7 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125261 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 8 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 125260 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 9 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125259 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 10 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125258 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 11 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125257 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 12 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125257 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 13 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125255 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 14 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125254 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 15 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125253 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 16 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125252 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 17 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125251 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 18 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125250 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 19 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125249 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 20 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125248 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 21 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125247 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 22 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125246 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 23 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125245 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 24 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125244 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 25, lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125243 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 26, lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240304 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 27, lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125242 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 28, lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125241 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 29, lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125240 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 30, lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125239 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 31, lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240305 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 32 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125238 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 33 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125237 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 34 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125236 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 35 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125235 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 36 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125234 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 37 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125233 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 38 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125232 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 39 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125231 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 40 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125230 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 41 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240324 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 42 lô B – Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

***Lô C (đất dân cư):**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240318 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 1, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240329 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 2, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240316 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 3, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240315 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 4, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240330 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 5, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240313 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 6, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125279 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 7, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125280 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 8, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125281 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 9, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125282 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 10, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125283 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 11, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125284 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 12, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125285 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 13, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125286 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 14, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125287 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 15, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125288 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 16, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125289 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 17, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125290 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 18, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125291 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 19, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125292 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 20, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240327 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 21, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240326 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 22, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240325 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 23, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240319 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 24, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240302 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 25, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240321 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 26, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240322 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 27, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240323 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 28, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125267 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 29, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125268 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 23, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125269 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 31, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125270 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 32, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240331 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 33, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125272 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 34, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240328 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 35, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125274 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 36, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125275 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 37, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125276 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 38, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125277 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 39, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 125278 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 40, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240308 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 41, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240309 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 42, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240311 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 43, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240310 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 44, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240312 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 45, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 240307 ngày 05/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho thửa đất thuộc ô 46, lô C - Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

***Khu chợ (nhà lồng chợ, kios và sân bãi):**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 010750 ngày 01/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho khu nhà lồng chợ thuộc Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 010751 ngày 01/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho khu sân bãi thuộc Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 010752 ngày 01/04/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho lô TMDV2 (kios) thuộc Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3700586880 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/06/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- + Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 18/06/2008 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng Chợ và Khu nhà ở Thương mại, tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quang Vinh;

- + Công văn số 4654/STNMT-CCBVMT ngày 31/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xin điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại (chợ Quang Vinh 2);

- Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ của dự án: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật và nhà ở sau đó chuyển nhượng lại cho người dân; xây dựng kiot và nhà lồng chợ để kinh doanh.

- Quy mô của dự án: Tổng vốn đầu tư của dự án là 3.747.527.000 VNĐ nên theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công thì quy mô dự án thuộc nhóm C.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Nước thải sau xử lý xả ra sông phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt nên thuộc đối tượng nhạy cảm về môi trường.

- Phân nhóm đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật BVMT: Với ngành nghề đầu tư là Chợ và Khu nhà ở thương mại nên dự án không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên do dự án có tính nhạy cảm về môi trường nên theo mục 3 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05:2025/NĐ-CP thì dự án đầu tư thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích khu đất: 20.023,40 m². Trong đó:

+ Đất phù hợp quy hoạch: 18.393,6 m².

- Đất ở: 9.049,4 m² (98 thửa, 392 người). Công ty xây dựng nhà theo mẫu chung và chuyển nhượng lại cho người dân.
- Đất thương mại dịch vụ (chợ): 2.212,7 m²
- Đất cây xanh, công viên: 416,8 m²
- Đất hạ tầng kỹ thuật: 197,5 m²
- Đất hạ tầng giao thông: 6.517,2 m²

+ Đất hành lang an toàn đường bộ: 1.629,79 m².

Cụ thể quy hoạch sử dụng đất của dự án như sau:

Bảng 1. 2. Quy mô sử dụng đất của chợ và khu nhà ở thương mại

Stt	Loại đất	Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất			Tầng cao XD (tầng)	Tỷ lệ (%)
		Diện tích (m ²)	Số thửa	Dân số (người)		
I	ĐẤT PHÙ HỢP QUY HOẠCH	18.393,6				100
1	Đất ở	9.049,4	98	392	2-4	49,20
	Lô A	3.013,00	10	40		
	Lô B	2.435,04	42	168		
	Lô C	1.088,51	46	184		
2	Đất chợ	2.212,7			1-2	12,03
	Lô TMDV1 (nhà lồng chợ)	1.608,2				
	Lô TMDV2 (kios)	396,4				
	Đất sân bãi (bãi đậu xe)	208,1				
3	Đất cây xanh công viên	416,8			1	2,27
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	197,5				1,07
	Trạm điện	26,1				
	Trạm xử lý nước thải	146,88				
	Kho chất thải sinh hoạt	20,16				
	Kho chất thải nguy hại	6,38				
5	Đất hạ tầng giao thông	6.517,2			1	35,43
	Đất giao thông	6.099				
	Đất hành lang sau nhà	418,2				
II	ĐẤT KHÁC	1.629,8				
	Đất HLAT đường bộ	1.629,8				
	TỔNG CỘNG	20.023,4	98	392		

(Nguồn: Thuyết minh điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết TL 1/500 dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, 01/2023)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh gồm các hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại 98 căn hộ (khoảng 392 người) và các đối tượng dân cư lân cận.

Về hoạt động của chợ thì Công ty TNHH Quang Vinh chia làm 2 khu vực: Khu vực 1 là nhà lồng chợ có diện tích 1.608,2 m² chia làm 20 sạp, khu vực 2 diện tích 396,4 m² chia làm 09 kios cho các tiểu thương thuê lại.

Toàn bộ nước thải phát sinh của các tiểu thương trong chợ và của các hộ dân trong khu nhà ở thương mại được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án và được Công ty TNHH Quang Vinh xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhằm xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Việc quản lý và vận hành toàn bộ hệ thống xử lý nước thải do chủ đầu tư – Công ty TNHH Quang Vinh chịu trách nhiệm trước pháp luật.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm của dự án khi đi vào hoạt động bao gồm:

- Khu nhà ở thương mại diện tích 9.049,6 m² được chia làm 98 căn nhà liên kế (392 người). Chủ đầu tư xây dựng nhà theo khuôn mẫu sau đó chuyển nhượng lại cho người dân.

- Chợ có diện tích 2.212,7 m² được chia làm 2 khu vực:

- + Khu nhà lồng chợ diện tích 1.816,3 m² được chia ra làm 20 sạp bán hàng và sân bãi.

- + Khu thương mại diện tích 396,4 m² chia làm 09 kios.

Hiện nay dự án mới quy hoạch xong, chưa có dân tụ tập buôn bán. Theo kế hoạch kinh doanh thì khu chợ Quang Vinh 2 chỉ **thu hút các tiểu thương bán hàng quần áo, dày dép, ... (chợ khô)**; hoàn toàn **không bán các mặt hàng cá, tôm, cua, thịt,... (chợ ướt)**.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án

Đối với loại hình hoạt động chợ thì trong quá trình hoạt động sẽ có các hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa phục vụ cho nhu cầu cuộc sống con người.

Riêng đối với khu dân cư thì trong quá trình hoạt động chủ yếu có các loại thức ăn uống hàng ngày, giấy vệ sinh, nước lau sàn, rửa chén, giấy in, mực in sử dụng cho loại hình dịch vụ ngân hàng, nhớt xe máy, bình xịt côn trùng,...

Quá trình hoạt động của chủ hạ tầng dự án chủ yếu sử dụng hóa chất xử lý nước thải, các nguyên vật liệu cho văn phòng như: giấy vệ sinh, nước lau sàn, giấy in, mực máy in, máy photo, pin đồng hồ, clorin khử trùng, dinh dưỡng cấp cho xử lý nước thải. Nhu cầu sử dụng hầu như không cố định. Sau đây chúng tôi chỉ thống kê 1 số loại nguyên vật liệu, hóa chất tiêu biểu thường xuyên sử dụng trong quá trình hoạt động:

Bảng 1.3. Nguyên vật liệu, hóa chất của dự án

TT	Tên nguyên vật liệu, hóa chất	Đơn vị/năm	Số lượng sử dụng	
			Hiện nay	Tối đa cấp phép MT
1	Giấy vệ sinh (lốc 12 cuộn)	Lốc	456	600
2	Nước lau sàn	Lít	400	506
3	Nước rửa chén, bát	Lít	700	930
4	Giấy in A4-A5 các loại	Thùng	60	60
5	Hộp mực máy in	Hộp	10	16
6	Chai xịt côn trùng	Chai	192	195
7	Nhớt động cơ xe máy, oto	Lít	240	400
8	Pin	Kg	2	3
9	Clorin 70% khử trùng nước thải	Lít	180	260
10	Mật ri đường xử lý nước thải, men vi sinh cung cấp dưỡng chất	Kg	80	Lượng sử dụng tùy thực tế vi sinh hoạt động
11	Chế phẩm vi sinh khử mùi khu tập kết rác	Lít	12	12
12	Than hoạt tính xử lý khí thải	kg	0	150-200

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước và nhu cầu sử dụng của Công ty

1.4.2.1. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng

– *Nguồn cung cấp điện:* Nguồn cung cấp điện cho khu quy hoạch lấy từ lưới điện quốc gia qua đường dây trung thế 22kV trên đường ĐH 418, từ đó hạ trạm biến áp 180 KVA cung cấp cho dự án.

– Mạng lưới điện phân phối cho các lô nhà dùng điện bố trí dọc theo các trục đường chính phân phối đi dọc đến các hộ liên tục.

– Tuyến điện trung thế đi nổi sử dụng cáp AsEV (3x50mm²+As: 1x50mm²).

– Tuyến điện hạ thế đi nổi sử dụng cáp ABC 4x120mm² và cáp ABC 4x95mm².

– Mạng lưới chiếu sáng đi nổi trên trụ điện hạ thế, sử dụng loại cần treo trên các trụ hạ thế dọc các tuyến đường chiếu sáng trong khu quy hoạch.

– *Trạm biến áp:* dự án bố trí 01 trạm biến áp 3 pha với công suất 100kVA.

– *Nhu cầu tiêu thụ điện:* Đối với khu dân cư thì các hộ dân tự ký hợp đồng và mua bán điện với đơn vị cấp điện qua đồng hồ riêng. Đối với chợ thì Chủ đầu tư gắn đồng hồ

điện riêng và chịu trách nhiệm thanh toán với đơn vị cung cấp điện. Dự án chợ gắn 2 đồng hồ điện gồm: 1 đồng hồ cho khu xử lý nước thải và 1 đồng hồ cho khu chợ và kios. Theo số liệu thống kê từ đồng hồ điện thì nhu cầu sử dụng điện của chợ hiện nay khoảng 5.000 kWh/tháng và của trạm xử lý nước thải khoảng 1.700 kwh/tháng (*hóa đơn tiền điện đính kèm phụ lục báo cáo*), nhu cầu sử dụng điện khi dự án hoạt động tối đa khoảng 7.000 kW/tháng.

1.4.2.2. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng

• *Nguồn cung cấp*: Nguồn cấp nước cho quá trình hoạt động của dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước D150 hiện hữu trên đường ĐH 418 từ nhà máy nước Nam Tân Uyên công suất 30.000 m³/ngày.đêm.

• *Mục đích sử dụng nước*: Sinh hoạt, tưới cây, PCCC.

• *Nhu cầu sử dụng*: Đối với các hộ dân thuộc khu phố chợ thì mỗi căn hộ có đồng hồ nước riêng, tự ký hợp đồng và thanh toán với công ty cấp nước. Riêng khu chợ thì Công ty TNHH Quang Vinh chịu trách nhiệm gắn đồng hồ nước cấp và thanh toán cho đơn vị cấp nước. Do vậy, dựa vào hóa đơn tiền nước sử dụng trong năm 2024 cho khu chợ cho thấy nhu cầu sử dụng nước của chợ hiện nay như sau: (*hóa đơn tiền nước sử dụng được đính kèm phụ lục báo cáo*).

Bảng 1. 4. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn năm 2024

Tháng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /tháng)	Tháng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /tháng)
1	103	7	194
2	133	8	236
3	123	9	156
4	124	10	48
5	85	11	2
6	194	12	0

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Nhận xét: Như vậy qua số liệu thống kê lượng nước sử dụng trong năm 2024 cho thấy từ tháng 1 đến tháng 11 số lượng nước sử dụng dao động từ 2-236 m³/tháng, nhưng qua tháng 12 thì lượng nước sử dụng bằng 0. Nguyên nhân do từ tháng 1-11 năm 2024 Công ty xây dựng hạ tầng dự án nên có sử dụng nước, việc xây dựng kết thúc trong tháng 11 nên qua tháng 12 năm 2024 thì hóa đơn sử dụng nước khu nhà lồng chợ 0 m³ do chợ hoàn toàn không có người buôn bán.

• Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, khu chợ công ty dự kiến thu hút những tiểu thương bán hàng khô, không bán thịt cá (không hoạt động loại hình chợ ướt). Do vậy

nguồn nước thải của dự án chủ yếu nước thải sinh hoạt của các tiểu thương bán trong chợ và những người dân đi chợ.

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

Stt	Hạng mục sử dụng	Quy mô		Định mức sử dụng	Lưu lượng sử dụng (m ³ /ngày)		Lưu lượng xả thải (m ³ /ngày)		Lượng thải tối đa với hệ số không điều hòa K=2
		Hiện hữu	Tối đa		Hiện hữu	Tối đa	Hiện hữu	Tối đa	
1	Nước cấp cho khu nhà ở thương mại (dân cư)	170 người	392 người	180 lít/người	31	70	31	70	140
2	Nước cấp cho khu chợ	2.12,7 m ²		2 lít/m ²	0	4,4	0	4,4	9,8
3	Nước vệ sinh khu chứa rác sinh hoạt				0	0,2	0	0,2	0,2
4	Nước tưới cây	416,8 m ²		3 lít/m ² /lần tưới	1,2		0		-
5	Nước vệ sinh sân bãi, giao thông	6.099 m ²		4 lít/m ² /lần	3,2	24,4	0		-
6	Nước PCCC	Không thường xuyên, chỉ sử dụng khi có sự cố cháy					0		-
	Tổng cộng				35,3	100	31	75	150

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Giải trình chi tiết nhu cầu sử dụng nước của dự án như sau:

(1) Nước cấp cho khu nhà ở thương mại (dân cư):

Nước cấp cho sinh hoạt của khu phố chợ: Theo bảng 2 của TCVN 13606:2023/BXD về cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế, định mức sử dụng nước cho quá trình sinh hoạt là 180 lít/người/ngày. Tổng số lượng người dân sinh sống tại khu phố chợ thời điểm hiện nay là 170 người, tối đa 392 người. Vì vậy, tổng lượng nước sinh hoạt sử dụng tại khu phố chợ là:

$$\text{Hiện nay: } Q_{sh1} = 170 \text{ người} \times 180 \text{ lít/người/ngày} = 31 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

$$\text{Tối đa: } Q_{sh2} = 392 \text{ người} \times 180 \text{ lít/người/ngày} = 70 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

(2) Nước cấp cho chợ:

Hiện nay khu chợ chưa hoạt động nên nhu cầu sử dụng nước bằng 0.

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định thì nhà lồng chợ không thu hút loại hình chợ ướt, chỉ có chợ khô nên ước tính lượng nước sử dụng 2 lít/m². Với quy mô diện tích chợ 2.212,7 m² thì lưu lượng nước cấp sinh hoạt là 4,4 m³/ngày.

(3) Nước vệ sinh khu tập kết rác sinh hoạt:

Hiện nay, nhà dân ở tạm bợ nên rác sinh hoạt dân tự trang bị thùng rác bên trong nhà sau đó tập kết ra phía trước nhà để đơn vị thu gom rác nên hiện nay chưa có nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thùng, sành khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, rác tập trung vào thùng chứa và nhà tập kết rác nên phát sinh nước vệ sinh sành, thùng chứa, ước tính lượng nước thải từ nguồn này sau khi hoạt động ổn định khoảng 0,2 m³/ngày.

(4) Nước tưới cây:

Nước sử dụng cho nhu cầu tưới cây xanh theo bảng 3 trang 18 của TCVN 13606:2023/BXD về cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế thì định mức sử dụng nước cho nhu cầu tưới cây là 3 lít/m²/lần tưới. Do đó lượng nước sử dụng tối đa cho 416,8m² cây xanh của dự án là:

$Q_{tc} = 3 \text{ lít/m}^2/\text{lần tưới} \times 416,8 \text{ m}^2 = 1,2 \text{ m}^3/\text{lần tưới}$. Giả sử công tần suất tưới vào ngày nắng 1 lần/ngày thì nhu cầu sử dụng nước tưới cây là **1,2 m³/ngày**.

(5) Nước rửa sân bãi

Nước sử dụng cho nhu cầu rửa đường theo bảng 3 trang 18 của TCVN 13606:2023/BXD về cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế, đối với phương pháp tưới bằng thủ công (dùng ống mềm) thì định mức sử dụng nước cho nhu cầu rửa đường là 0,3 - 0,4 lít/m²/lần. Do đó, với diện tích giao thông là 6.099 m² thì lượng nước sử dụng rửa đường lớn nhất là:

$Q_{rd} = 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{lần} \times 6.099 \text{ m}^2 = 24,4 \text{ m}^3/\text{lần}$. Giả sử công tần suất tưới vào ngày nắng 1 lần/ngày thì nhu cầu sử dụng nước để rửa đường là **24,4 m³/ngày**.

(6) Nước cho chữa cháy

Công ty Bố trí 5 trụ chữa cháy D100 với bán kính phục vụ 120m. Lượng nước chữa cháy đảm bảo dập tắt 02 đám cháy xảy ra đồng thời với lưu lượng q=10 l/s, trong khoảng thời gian 3 giờ, tương đương 108 m³/h (Theo QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình).

Bảng 1. 6. Bảng cân bằng nước của dự án thời điểm tối đa

Stt	Hạng mục	Lượng sử dụng	Lượng thải	Lượng hao hụt	Ghi chú
-----	----------	---------------	------------	---------------	---------

1	Khu nhà ở thương mại (dân cư)	70	70	0	Thải 100%
2	Khu chợ	4,4	4,4	0	
4	Vệ sinh khu lưu giữ CTRSH	0,2	0,2	0	
5	Rửa đường sân bãi	24,4	0	24,4	Thấm vào đất 100%
6	Tưới cây xanh	1,2	0	1,2	
	Tổng cộng	100	75	125,6	

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

1.4.2.3. Phương án cấp nước:

Nước cấp cho khu dân cư bằng ống HDPE D60-100mm.

Nước cấp cho nhà vệ sinh khu chợ bằng ống uPVC D27-60mm.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Tình hình hoạt động hiện nay của dự án

Đối với khu vực nhà lồng chợ: từ khi thành lập đến nay do nhiều nguyên nhân khách quan, không khai thác hoạt động kinh doanh được. Hiện tại, chưa có hoạt động buôn bán, kinh doanh nào đối với khu vực nhà lồng chợ.

Đối với khu nhà ở thương mại: hiện tại một số hộ dân có dựng nhà tạm, tiền chế mái tôn tự phát, chủ yếu phục vụ mục đích cho thuê để kinh doanh (bán hàng tạp hóa, giày dép, quần áo) và để ở. Tuy nhiên, năm 2021 đại dịch Covid 19 xảy ra, đồng thời, do chợ nhiều năm không hoạt động được nên số lượng người thuê để kinh doanh được rất ít và không liên tục, gần như không có hoạt động kinh doanh. Từ những năm 2021-2022, có khoảng 20 người sau đó tăng dần đến tháng 10/2023 được 50 người và từ tháng 7/2024 đến hiện nay thì có khoảng 170 người với tổng số căn hộ dựng tạm hiện tại là 50 căn.

1.5.2. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 3.747.527.000 VNĐ. Trong đó chi phí đầu tư các hạng mục công trình như sau:

- Hệ thống giao thông: 1.410.000.000 VNĐ
- Hệ thống thoát nước mưa: 392.920.000 VNĐ
- Hệ thống thoát và xử lý nước thải: 880.940.000 VNĐ
- Hệ thống cấp nước: 240.317.000 VNĐ
- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng: 746.350.000 VNĐ

- Hệ thống thông tin liên lạc: 77.000.000 VNĐ

1.5.3. Quy trình quản lý, vận hành của dự án

a) Quản lý vận hành

Quản lý vận hành là công việc thường nhật diễn ra trong chợ. Cụ thể ban quản lý chợ phải làm các công việc như:

- Quản lý các thiết bị, cơ sở vật chất trong chợ như: thiết bị âm thanh, điện, nước...
- Xây dựng nội quy để vận hành chợ
- Hỗ trợ, thiết kế phương án kinh doanh để tăng hiệu suất và doanh thu cho chợ
- Trong phạm vi thẩm quyền của mình, ban quản lý sẽ có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý các các sự cố xảy ra. Trường hợp vụ việc nằm ngoài thẩm quyền, ban quản lý sẽ có trách nhiệm chuyển giao cho bộ phận có thẩm quyền để giải quyết.

b) Quản lý hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị

Quản lý hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị nhằm giảm thiểu các sự cố kỹ thuật có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của chợ. Các công việc trong quy trình quản lý này bao gồm:

- Tiến hành kiểm tra và sửa chữa đối với các sự cố phát sinh
- Kiểm tra, bảo trì thiết bị bơm, lọc nước, ...
- Bảo trì nhà lồng chợ, kiểm tra định kỳ đối với các thiết bị phòng cháy, chữa cháy
- Kiểm tra hệ thống chiếu sáng

c) Tiếp thị và cho thuê

Mục đích chính của các hoạt động tiếp thị và cho thuê nhằm nâng cao giá trị, hình ảnh thương hiệu của chợ Quang Vinh 2 trên thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động này giúp khai thác triệt để các giá trị của chợ bằng cách:

- Tìm kiếm các khách hàng đang có mong muốn thuê mặt bằng tại chợ
- Hợp tác cùng bộ phận Kinh doanh để xây dựng, triển khai, đánh giá kế hoạch tiếp thị, quảng cáo thương hiệu, truyền thông hình ảnh của chợ
- Giám sát các thông tin, tình trạng của mặt bằng tại chợ
- Hỗ trợ quá trình tư vấn, hướng dẫn sử dụng và bàn giao mặt bằng cho khách hàng
- Tham gia tư vấn, hỗ trợ về mặt thủ tục hành chính, pháp lý liên quan đến vấn đề ký kết, sử dụng mặt bằng

d) Quản lý tài chính

Quản lý tài chính nhằm thông báo cho công ty chủ quản về tình trạng kinh doanh và hỗ trợ xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả hơn thông qua các công việc:

- Kiểm tra, thống kê các chi phí dịch vụ quản lý khu chợ, phí điện nước, thuê mặt bằng...
- Hỗ trợ thúc đẩy việc hoàn thành các khoản thu từ khách hàng một cách hiệu quả, lịch sự
- Ban Quản lý chợ thông báo cho chủ đầu tư tình hình tài chính theo từng kỳ
- Xây dựng kế hoạch để điều chỉnh nguồn ngân sách hàng năm
- Xây dựng chính sách để nâng cao doanh thu từ công việc kinh doanh mặt bằng chợ.

e) Chăm sóc khách thuê mặt bằng, gian hàng

Để hướng tới mối quan hệ win - win giữa đôi bên, ban quản lý chợ thiết kế một chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp, chi tiết.

- Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ các cửa hàng kinh doanh tại chợ
- Khẳng định, củng cố lòng tin của khách thuê mặt bằng, gian hàng bằng cách xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động
- Kịp thời thông tin đến khách hàng về các loại chi phí và tin tức quan trọng
- Kịp thời xử lý, phản hồi các khiếu nại từ khách hàng (nếu có)

f) Quản lý an toàn, an ninh

Sự an toàn của khách hàng khi mua sắm tại chợ cũng là một trong những nhiệm vụ mà ban quản lý cần thực hiện. Do đó, ban quản lý triển khai các hoạt động sau để đảm bảo sự an toàn, an ninh của chợ:

- Giám sát sự ra, vào của khách hàng tại chợ
- Quản lý, kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera...
- Triển khai các hoạt động tuyển dụng cũng như đào tạo thường xuyên đội ngũ nhân sự, đảm bảo khả năng xử lý kịp thời các tình huống phát sinh.

g) Quản lý vệ sinh

Một trong những công việc cần thực hiện khi quản lý vận hành chợ chính là giữ cho môi trường của chợ được xanh - sạch - đẹp. Quy trình này bao gồm:

- Tiến hành triển khai các hoạt động nhằm giữ gìn vệ sinh các khu vực chung như đường phố, hành lang, lối đi, bãi xe...
- Kiểm tra, giám sát công việc thu gom của tổ vệ sinh môi trường, hợp đồng với đơn vị xử lý rác thải
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước của khu vực chợ, đảm bảo các mương, cống rãnh thoát nước phải thông thoáng, sạch sẽ, đảm bảo hoạt động thường xuyên của trạm xử lý nước thải.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động chăm sóc, cải tạo cảnh quan của chợ

h) Quản trị nhân sự

Để duy trì các hoạt động của Chợ Quang Vinh 2 luôn trong trạng thái ổn định thì nhân sự là một yếu tố không thể thiếu. Ngoài ra, ban quản lý phải giám sát, quản lý hiệu suất làm việc cũng như hiệu quả kinh doanh mà nhân viên đem lại. Bên cạnh đó, chủ đầu tư cũng cần xây dựng một chế độ thưởng, phạt nhân viên một cách hợp lý.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương – Quy định về Bảo vệ Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương, phân vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An, Bến Cát, Tân Uyên (bao gồm cả các sông, suối, kênh, rạch và hành lang bảo vệ sông, suối, kênh, rạch thuộc ranh giới hành chính của các thành phố, thị xã này). Dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh tọa lạc tại Thành phố Tân Uyên, trong quá trình vận hành, Công ty cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường, thực hiện xử lý nước thải đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia hiện hành quy định về nước thải tương ứng đối với từng vùng bảo vệ môi trường, bảo đảm không gây tác động xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 thì vị trí Dự án thuộc quy hoạch đất ở đô thị. Do vậy việc hình thành dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.

Ngoài ra, để đánh giá tính phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án thì phải xét đến các khía cạnh phù hợp về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

- Về điều kiện tự nhiên: Dự án nằm tại phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi: đất đai bằng phẳng; Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm và được chia làm hai mùa rõ rệt (mùa mưa và mùa khô). Bình Dương là tỉnh có hệ thống sông, suối tương đối nhiều, thuận lợi cho việc thoát nước,... Cách dự án khoảng 2,2 km về phía Tây và Tây Nam có suối Cái, đây là nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải của dự án. Nước từ suối Cái chảy ra sông Đồng Nai, khoảng cách từ giao điểm suối Cái với sông Đồng Nai tới giao điểm suối Cái với đường ĐT 746 khoảng 4km đi xen kẽ qua các khu dân cư.

- Về điều kiện kinh tế - xã hội: Dự án nằm trên trục đường chính ĐH 418 và đường Khánh Bình 66 là tuyến đường chính kết nối khu vực với huyện Bắc Tân Uyên và thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Thuận An, Dĩ An. Cách dự án khoảng 1,8km về phía Bắc là KCN Nam Tân Uyên...; tất cả đã tạo nên sự thuận lợi cho thông thương, giao lưu phát triển kinh tế.

- Về mặt môi trường: Đặc thù Dự án hoạt động về loại hình khu dân cư và chợ (chỉ

hoạt động chợ khô, không hoạt động chợ ướt) nên nguồn ô nhiễm chính của dự án là nước thải sinh hoạt và chất thải rắn sinh hoạt. Tuy nhiên, về nước thải thì công ty xây dựng hệ thống thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép xả ra suối Cái, cuối cùng dẫn ra sông Đồng Nai. Đối với chất thải rắn sinh hoạt thì trong khu vực có nhiều hợp tác xã cũng như công ty thu gom xử lý, ... Như vậy xét về yếu tố môi trường thì vị trí hoạt động của dự án thuận lợi và phù hợp.

2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông suối:

Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép được xả ra tuyến cống thoát nước chung trên đường ĐH 418 → suối Cái → sông Đồng Nai. Như vậy: nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là suối Cái và sông Đồng Nai.

Do vậy, đối với dự án này chúng tôi sẽ đánh giá khả năng tiếp nhận của sông Đồng Nai và suối Cái. Việc đánh giá được xét cả về nồng độ chất ô nhiễm và lưu lượng.

a) Đánh giá khả năng tiếp nhận về nồng độ chất ô nhiễm đối với sông Đồng Nai:

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, và Điều 82 của Thông tư 02:2022/TT-BTNMT. Cụ thể của phương pháp gián tiếp như sau:

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

+ L_{tn} (kg/ngày) là khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm;

+ L_{td} tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông tính toán, đơn vị là kg/ngày;

+ L_{nn} tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông tính toán, đơn vị là kg/ngày;

+ L_{tt} tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải; đơn vị là kg/ngày;

+ F_s là hệ số an toàn.

+ NP_{td} : tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị là kg/ngày.

Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn ($>$) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

Tải lượng tối đa mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = C_{qc} * Q_s * 86,4$$

Trong đó:

+ C_{qc} (mg/l) là giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông; *Do nguồn nước đang đánh giá sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt có qua xử lý và các mục đích khác do đó giá trị C_{qc} được xác định tương ứng với mức A, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.*

+ Q_s (m³/s) là lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá; với sông Đồng Nai vào mùa khô thì $Q_s = 242$ m³/s.

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2. 1. Bảng tải lượng ô nhiễm tối đa của Sông Đồng Nai

TT	CHỈ TIÊU	Q_s (m ³ /s)	C_{tc} (mg/l)	L_{td} (kg/ngày)
01	TSS	242	100	2.090.880
02	BOD ₅	242	6	125.453
03	Amoni	242	0,3	6.273

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận được tính theo công thức:

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$$

Trong đó:

+ Q_s : (m³/s) lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá; *tương tự như trên, $Q_s = 242$ m³/s.*

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

+ C_{nn} : (mg/l) kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt; tham khảo giá trị trung bình của kết quả phân tích chất lượng nước mặt sông Đồng Nai do Trung Tâm quan trắc –

kỹ thuật môi trường thực hiện quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương, 3/2024 (đối với thông số BOD₅ do không có trong chương trình quan trắc nước mặt của tỉnh nên chúng tôi tham khảo từ kết quả phân tích nước mặt định kỳ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của chợ Quang Vinh 1 BOD₅= 5 mg/l).

Bảng 2. 2. Nồng độ chất ô nhiễm có trong nguồn nước mặt sông Đồng Nai tại vị trí họng thu nước nhà máy nước Tân Hiệp (vị trí gần dự án nhất so với tất cả các điểm quan trắc)

Stt	Thông số	Thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người													Trung bình	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2)
		Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3		
		2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2024	2024	2024		
1	Amoni	0,01	0,02	0,01	0,01	0,1	0,01	0,16	0,01	0,45	0,01	0,08	0,52	0,01	0,12	0,3
2	Nitrit	0,004	0,014	0,04	0,033	0,014	0,044	0,028	0,01	0,043	0,015	0,019	0,026	0,01	0,03	0,05
3	Fe	0,13	0,13	0,18	0,07	0,71	0,39	0,62	0,68	0,48	0,03	0,06	0,16	0,01	0,30	0,5
4	pH	7	6,8	6,9	7	6,9	6,7	6,6	6,3	6,7	6,4	6,6	6,5	6,6	6,69	6,5-8,5
5	COD	6	6	6	6	6	7	6	5	10	5	4	7	9	6,38	≤15
6	TSS	8	9	8	15	21	29	47	23	27	9	6	15	6	15,94	≤ 100
7	DO	5,8	6,2	6,1	6,3	5,6	5,5	6,4	6,2	5,3	5,2	5,9	5,5	5,8	5,83	>5
8	Coliform	2450	2100	3350	2450	2450	2450	2450	2100	2100	1300	1200	2200	1450	2.157	≤ 5000
9	Tổng N	-	-	-	-	-	-	3,29	4,8	2,74	2,2	1,9	1,39	1,54	2,55	≤ 0,1
10	Tổng P	-	-	-	-	-	-	0,06	0,04	0,14	0,01	0,01	0,01	0,01	0,04	≤ 0,6

(Nguồn: Báo cáo quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Trung tâm quan trắc kỹ thuật môi trường Bình Dương, 3/2024)

Bảng 2. 3. Bảng tải lượng ô nhiễm có trong nguồn nước mặt sông Đồng Nai

TT	CHỈ TIÊU	Q _s (m ³ /s)	C _{nn} (mg/l)	L _{nn} (kg/ngày)
01	TSS	242	15,94	333.286
02	BOD ₅	242	5	104.544
03	Amoni	242	0,12	2.509

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (L_{tt}):

Tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải:

$$L_{tt} = L_t + L_d + L_n$$

Trong đó: Các giá trị L_d và L_n được xác định trên cơ sở xem xét gộp dựa vào phương trình cân bằng vật chất $L_d + L_n + LB - NP = L_y - L_{y0}$, với sông Đồng Nai tạm tính LB, NP, L_y, L_{y0} có giá trị bằng 0 nên $L_d + L_n = 0 \Rightarrow L_{tt} = L_t$

Tải lượng ô nhiễm của một chất ô nhiễm cụ thể từ nguồn xả thải đưa vào nguồn nước tiếp nhận được tính theo công thức:

$$L_t = Q_t * C_t * 86,4$$

Trong đó:

+ Q_t (m³/s) lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông; Theo công suất xây dựng tối đa của hệ thống là 150 m³/ngày.đêm = 0,0017 m³/s.

+ C_t (mg/l) kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông; hiện nay dự án mới vừa xây dựng xong nên chưa có kết quả phân tích chất lượng nước sau xử lý do vậy chúng tôi tạm lấy kết quả C_t theo giá trị lớn nhất bằng cột A của QCVN 14:2008/BTNMT (K=1).

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2. 4. Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải đưa vào nước mặt sông Đồng Nai

TT	CHỈ TIÊU	Q_t (m ³ /s)	C_t (mg/l)	L_t (kg/ngày)
01	TSS	0,0017	50	7,27
02	BOD ₅	0,0017	30	4,36
03	Amoni	0,00187	5	0,80

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Khả năng tiếp nhận nước thải

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức gián tiếp:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$$

F_s : là hệ số an toàn có giá trị trong khoảng $0,3 < F_s < 0,7$. Chọn $F_s = 0,4$ do có nhiều yếu tố không thể định lượng như việc khai thác, sử dụng nước ở sông Đồng Nai hàng ngày phải tiếp nhận một khối lượng lớn nước thải từ các nguồn khác nhau như các KCN, các cơ sở sản xuất ngoài KCN, ... nên các yếu tố không chắc chắn lớn và nguy cơ rủi ro cao do đó chọn hệ số an toàn thấp.

NP_{td} chọn bằng 0 do không xác định chính xác được lượng chất ô nhiễm mất đi do quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông.

Bảng 2. 5. Khả năng tiếp nhận của sông Đồng Nai sau khi tiếp nhận nước thải của dự án

TT	CHỈ TIÊU	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
01	TSS	2.090.880	333.286	7,27	703.034,7
02	BOD ₅	125.453	104.544	4,36	8.361,9

03	Amoni	6.273	2.509	0,80	1.505,3
----	-------	-------	-------	------	---------

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Nhận xét: Như vậy qua bảng số liệu tính toán trên cho thấy sông Đồng Nai vẫn còn đủ khả năng tiếp nhận các thông số ô nhiễm chính sử dụng tính toán.

b) *Đánh giá khả năng tiếp nhận về nồng độ chất ô nhiễm đối với suối Cái:*

Việc đánh giá khả năng tiếp nhận về nồng độ chất ô nhiễm đối với suối Cái được thực hiện tương tự như đối với sông Đồng Nai. Với dữ liệu đầu vào để tính toán như sau:

C_{qc} (mg/l) được xác định tương ứng với mức B, bảng 2 và bảng 1 của QCVN 08:2023/BTNMT. $C_{TSS} = 100$ mg/l; $C_{BOD_5} = 6$ mg/l; và $C_{amoni} = 0,3$ mg/l)

Q_s (m³/s) là lưu lượng dòng chảy: Đối với suối Cái thì không có số liệu tham khảo từ các đề tài nghiên cứu, công ty Lâm Anh đã tiến hành đo đạc bằng phương pháp xác định vận tốc dòng chảy và tiết diện mặt cắt ngang của 1 sới vị trí trên suối Cái cho giá trị lưu lượng từ 2,1-3,2 m³/s.

C_{nn} : (mg/l) kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt; tham khảo giá trị trung bình của kết quả phân tích chất lượng nước mặt suối Cái do Trung Tâm quan trắc – kỹ thuật môi trường thực hiện quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương, 3/2024 (đối với thông số BOD₅ do không có trong chương trình quan trắc nước mặt của tỉnh nên chúng tôi tham khảo từ kết quả phân tích nước suối Cái định kỳ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của chợ Quang Vinh 1 BOD₅= 5 mg/l).

Bảng 2. 6. Nồng độ chất ô nhiễm có trong nguồn nước mặt suối Cái tại cầu Bến Sắn

Stt	Thông số	Thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người													Trung bình	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2)
		Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3		
		2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2023	2024	2024	2024		
1	Amoni	1,57	2,68	1,6	1,29	1,02	0,66	1,45	0,85	0,88	1,35	1,51	2,56	0,17	0,35	0,3
2	Nitrit	0,36	0,164	0,125	0,157	0,15	0,111	0,086	0,055	0,062	0,3	0,093	0,144	0,21	0,16	0,05
3	Fe	0,91	0,76	1,09	0,31	1,05	1,02	1,09	1,08	1,05	0,49	0,9	1,29	0,3	0,87	0,5
4	pH	7,2	6,6	7	6,9	6,6	6,9	6,2	6,7	6,7	6,8	6,8	6,7	6,6	6,75	6,5-8,5
5	COD	6	20	6	10	12	6	4	6	14	20	4	6	16	10	≤15
6	TSS	33	33	70	36	60	63	87	76	10	87	47	25	26	50,23	≤ 100
7	DO	3,4	5,5	3,4	4,2	4,5	4,3	4,2	3,4	4,2	2,5	3,9	2,8	3,1	3,80	>5
8	Coliform	2300	2300	3900	2100	2800	2800	2300	2100	1700	2400	2100	2400	1100	2.331	≤ 5000

9	Tổng N	-	-	-	-	-	-	7,55	6,8	3,62	5,5	5,6	9,4	5,56	6,29	≤ 0,1
10	Tổng P	-	-	-	-	-	-	0,23	0,13	0,2	0,18	0,19	0,11	0,3	0,19	≤ 0,6

(Nguồn: Báo cáo quan trắc nước mặt sông suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Trung tâm quan trắc kỹ thuật môi trường Bình Dương, 3/2024)

Bảng 2. 7. Khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của mương thoát nước sau khi tiếp nhận nước thải của dự án

TT	CHỈ TIÊU	L _{td} (kg/ngày)	L _{mn} (kg/ngày)	L _t (kg/ngày)	L _{tn} (kg/ngày)
01	TSS	27.648	13.888	7,27	5.501,1
02	BOD ₅	1.089	907	4,36	71,1
03	Amoni	83	97	0,80	-5,9

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Tổng hợp Lâm Anh tổng hợp tính toán)

Nhận xét: Qua số liệu tính toán trên cho thấy suối Cái còn khả năng tiếp nhận thông số ô nhiễm TSS, BOD, riêng chỉ tiêu amoni thì dòng suối không còn khả năng tiếp nhận.

c) Khả năng tiếp nhận lưu lượng:

Dự án mới xây dựng xong, khu chợ chưa đi vào hoạt động riêng khu dân cư thì có khoảng 170 người sinh sống tạm bợ, trong thời gian hạ tầng đã xây dựng vừa qua cho thấy khu vực không xảy ra tình trạng ngập úng, sông Đồng Nai và suối Cái vẫn đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực.

2.2.2. Khả năng tiếp nhận khí thải của dự án:

Đối với loại hình hoạt động chợ và khu dân cư thì khí thải chủ yếu phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, mùi hôi thối từ quá trình phân hủy kỵ khí của chất thải rắn sinh hoạt (dự án không hoạt động chợ ướt (hàng thịt cá, hải sản,...)).

Do vậy nguồn ô nhiễm này không đáng quan tâm, chỉ cần áp dụng biện pháp quản lý thì sẽ giảm nguồn ô nhiễm này. Do vậy, việc hoạt động của dự án không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí khu vực.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

3.1.1.1. Thu gom và thoát nước mưa hiện hữu:

Hiện hữu dân tự dựng nhà tạm ở nên nước mưa thoát tự nhiên. Đối với nhà lồng chợ và văn phòng ban quản lý chợ thì Công ty mới xây dựng hoàn thiện vào tháng 11/2024 nên hệ thống thu gom và thoát nước mưa đã được xây dựng hoàn thiện. Đồng thời chúng tôi cũng đã lắp đặt sẵn ống chờ thoát nước mưa tại mỗi lô đất, dự kiến tháng 3/2025 bắt đầu xây dựng nhà thì hệ thống thoát nước mưa từ nhà dân được đấu nối vào ống chờ để thoát ra môi trường theo quy hoạch chung của toàn khu dự án.

3.1.1.2. Thu gom và thoát nước mưa giai đoạn hoạt động ổn định dự án:

- Nguồn phát sinh: Nước mưa phát sinh từ khu dân cư, từ khu chợ

- Nguồn tiếp nhận: Dự án chia làm 2 khu vực thoát nước riêng:

+ Khu vực phía Bắc: Một phần khu vực phía bắc của dự án nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước trên đường Khánh Bình 66 tại 1 vị trí có tọa độ X=12.20.605; Y=06.10.191 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°).

+ Khu vực phía Nam: Phía Nam và các khu còn lại của Dự án nước mưa được thu gom và đấu nối vào đường ĐH 418 tại 3 điểm có tọa độ lần lượt như sau:

* Điểm số 1: tọa độ X=12.20.425; Y=06.09.996

* Điểm số 2: tọa độ X=12.20.419; Y=06.10.001

* Điểm số 3: tọa độ X=12.20.402; Y=06.10.023

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°).

- Giải pháp thiết kế:

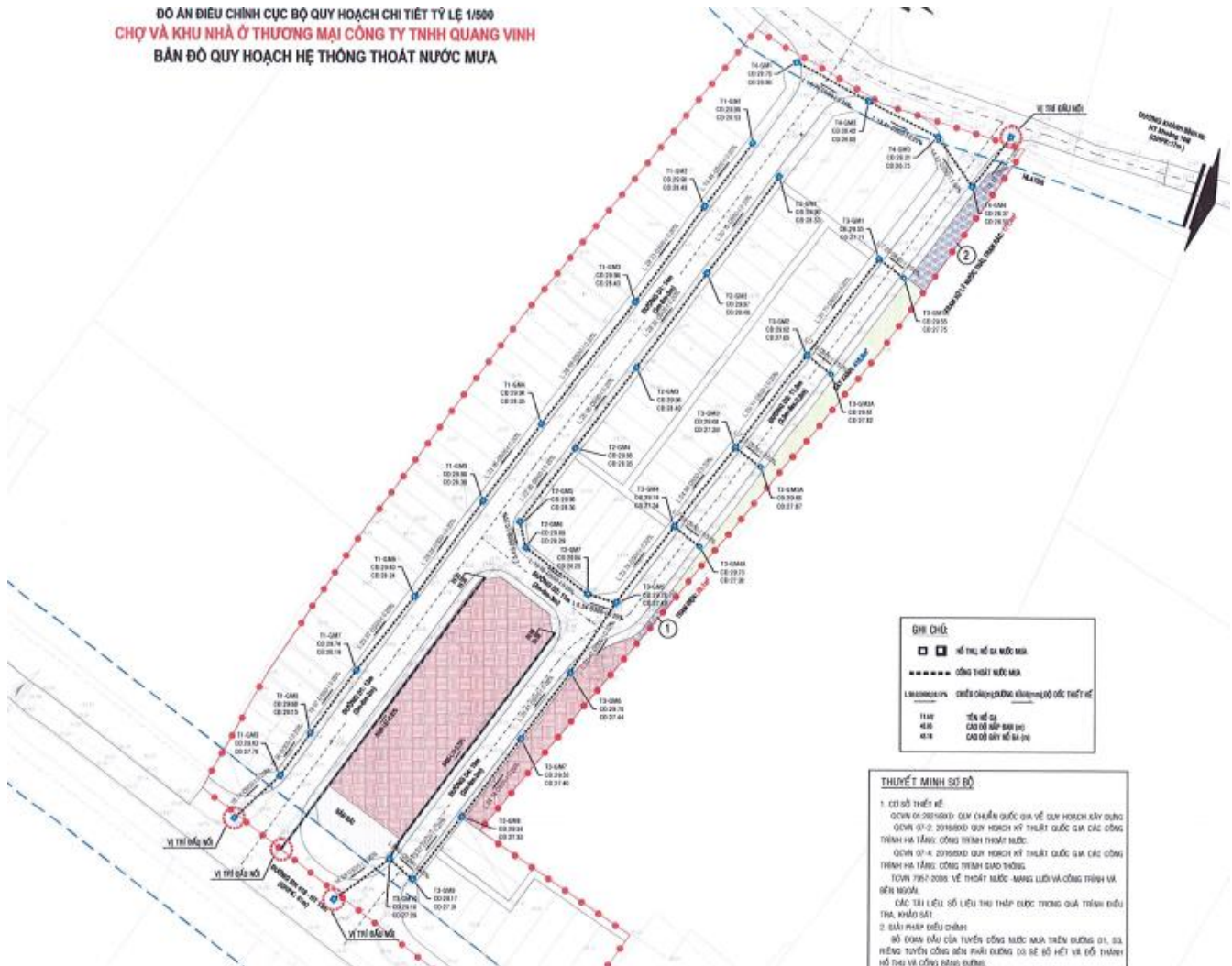
+ Hệ thống thoát nước của khu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng, chia làm 2 khu vực:

+ Phía Bắc: Hệ thống thoát nước của khu quy hoạch được thu gom và thoát về phía bắc khu đất hướng ra đường Khánh Bình 66 tại 1 điểm.

+ Phía Nam: Phía Nam và các khu còn lại của Dự án nước mưa được thu gom và đầu nối vào đường ĐH 418 tại 3 điểm.

+ Công thoát nước của khu vực quy hoạch sử dụng loại công tròn bê tông cốt thép đúc sẵn đường kính D500 và mương thoát B=400mm.

(Bản vẽ quy hoạch thoát nước mưa được đính kèm phụ lục báo cáo)



Hình 3. 1. Hình ảnh minh họa đường thu gom và thoát nước mưa của dự án

Bảng 3.1. Hạng mục công trình của hệ thống thoát nước mưa

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
1	Cống BTCT D500mm	613	m
2	Mương có nắp đan B400mm	162	m
2	Hố ga BTCT 1300x1300	34	Cái
4	Hố ga (1000x1100)	4	Cái

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

3.1.2. Thu gom và thoát nước thải:

3.1.2.1. Thu gom và thoát nước thải hiện hữu:

Căn cứ quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt, giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật được UBND Thành phố Tân Uyên cấp ngày 21/11/2023 cho dự án, Kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nhà ở liền kề dự án do phòng QLĐT- Thành Phố Tân Uyên cấp ngày 06/3/2024, Công ty TNHH Quang Vinh tiến hành xây dựng hạ tầng kỹ thuật được cơ quan chức năng nghiệm thu và nhà theo mẫu được duyệt, sau đó chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDD) sang tên cá nhân. Hiện tại, các nền đất đã được cấp GCNQSDD cho từng lô nền riêng với chủ sở hữu là Công ty TNHH Quang Vinh. Dự kiến tháng 3/2025 Công ty TNHH Quang Vinh sẽ thông báo cho các nhà dân ở tạm có kế hoạch di dời để thi công nhà theo mẫu được duyệt, sau đó sẽ tiến hành nghiệm thu và làm thủ tục chuyển nhượng GQSDDD và nhà sang tên cá nhân trong năm 2025.

Hiện trạng, Công ty TNHH Quang Vinh mới hoàn thành việc xây dựng hạ tầng giao thông, thoát nước mưa, nước thải vào tháng 11/2024. Mỗi lô đất đã được lắp sẵn 2 ống chờ (gồm 1 ống chờ đầu nối nước thải và 1 ống chờ đầu nối nước mưa vào hệ thống thoát nước riêng biệt của dự án). Hiện tại, 50 hộ dân ở tạm bộ, tự xây dựng nhà tạm để ở và xây dựng nhà vệ sinh, nước thải sinh hoạt từ các hộ dân chưa chảy vào tuyến cống chờ, nước thải chưa dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án. Hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng hoàn thiện vào tháng 12/2024, tuy nhiên hệ thống đang chạy thử nghiệm để nghiệm thu máy móc thiết bị công trình với nhà thầu xây dựng, chưa có nước thải xả ra môi trường.

3.1.2.2. Thu gom và thoát nước thải giai đoạn dự án đi vào hoạt động ổn định:

a) Thu gom nước thải:

- Giải pháp thiết kế:

+ Khu vực thu gom là toàn bộ khu quy hoạch gồm chợ và khu nhà ở thương mại của dự án.

+ Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế tách biệt với đường nước mưa.

+ Toàn bộ nước thải hộ dân cư được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại ba ngăn trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của công ty.

+ Tuyến cống thu gom nước thải là cống tròn uPVC D200-300mm dẫn từ các nhà vệ sinh của khu dân cư, của nhà vệ sinh chợ về hệ thống xử lý nước thải của dự án.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh thùng chứa rác sinh hoạt cũng như vệ sinh sàn nhà khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt sau mỗi lần đơn vị thu gom vận chuyển rác đi xử lý tần suất 1 lần/ngày được dẫn theo ống uPVC D114mm vào bể thu gom của HTXL nước thải.



. . .

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
1	Cống uPVC D200mm	300	m
2	Cống uPVC D300mm	237	m
3	Cống uPVC D114mm	26	m
4	Hố ga (800x800)	25	Cái
5	Hố ga (1000x1000)	1	Cái

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

b) Thoát nước thải:

Công ty đã bố trí đường ống thoát nước thải sau xử lý riêng biệt với ống nước mưa.

Nước thải sau xử lý được dẫn theo ống HDPE D200mm, dài 283m thoát ra đường ĐH 418, dẫn về suối Cái và cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai (bản vẽ thoát nước thải sau xử lý đính kèm phụ lục báo cáo).

Điểm đầu nối nước thải sau xử lý vào đường ĐH 418 có tọa độ X = 12.20.400 m, Y = 06.10.022 m (theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

3.1.3. Xử lý nước thải:

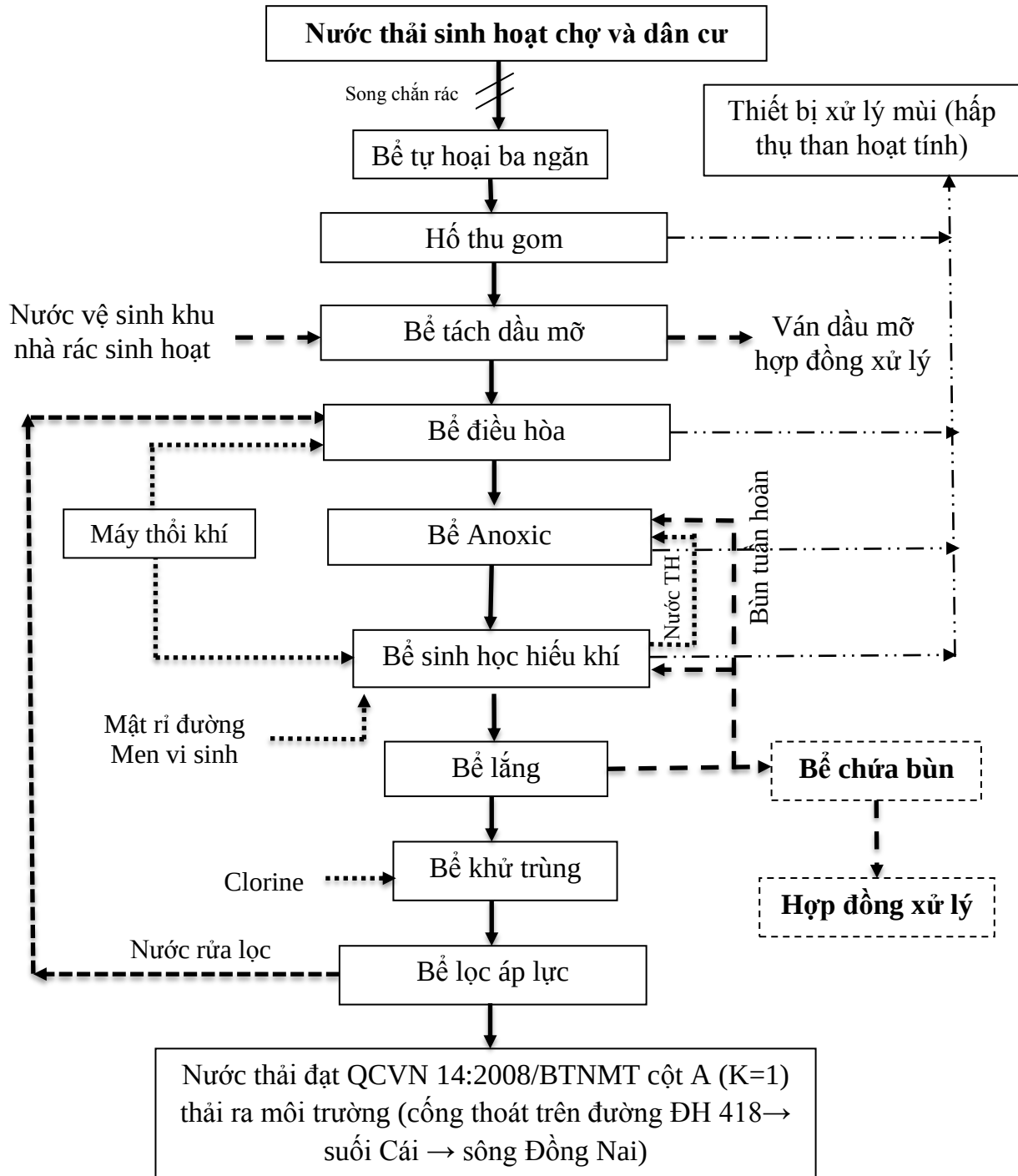
- Tiền xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Đối với khu chợ thì Công ty bố trí 1 nhà vệ sinh gồm có 1 bể tự hoại ba ngăn kích thước D x R x C = 1,8 x 1,7 x 1,9 = 5,8 m³.

+ Đối với dân cư thuộc khu nhà ở thương mại thì nhà dân tự xây dựng theo quy chế xây dựng chung. Mỗi căn hộ được bố trí 1 bể tự hoại ba ngăn để tiền xử lý nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của toàn khu quy hoạch.

- Xử lý nước thải sản xuất:

Hiện tại dự án đã xây dựng 1 HTXL nước thải sinh hoạt, công suất 150 m³/ngày.



Hình 3. 3. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty

Thuyết minh quy trình xử lý:

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của các hộ kinh doanh trong chợ, cùng với nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại từ khu dân cư trong khu vực dự án sau khi qua song chắn rác sẽ được thu gom về hố thu gom để tách các tạp chất có kích thước lớn. Nước thải từ hố thu gom tự chảy qua bể tách mỡ.

Bể tách dầu mỡ sẽ gạn ván dầu bên trên đưa sang xử lý theo dạng CTNH. Tại bể vớt dầu mỡ sẽ tiến nhận thêm nguồn nước thải từ quá trình vệ sinh thùng chứa chất thải rắn sinh

hoạt, sản nhà kho chứa chất thải rắn sinh hoạt. Nước từ bể tách dầu mỡ sẽ được đưa sang bể điều hòa.

Bể điều hòa có chức năng ổn định, điều hòa lưu lượng nước thải, đảm bảo an toàn cho các hạng mục phía sau, từ bể điều hòa nước thải tiếp tục được bơm qua bể sinh học thiếu khí Anoxic.

Bể thiếu khí Anoxic có chức năng xử lý tổng N và P nhờ vào sự hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nước thải từ bể Anoxic được dẫn sang bể hiếu khí.

Bể sinh học hiếu khí có vật liệu đệm cố định: Tại đây, quá trình xử lý sinh học được diễn ra nhờ các vi sinh vật hiếu khí. Ở bề mặt của vật liệu lọc và ở các khe hở giữa chúng các cặn bẩn được giữ lại và tạo thành màng – gọi là màng vi sinh. Lượng oxy cần thiết để oxy hóa các chất hữu cơ thâm nhập vào bể cùng với nước thải khi ta bơm và qua hệ thống phân phối khí ở đáy bể. Vi sinh hấp thụ chất hữu cơ và nhờ có oxy mà quá trình oxy hóa được thực hiện. Những màng vi sinh đã chết sẽ cùng với nước thải ra khỏi bể và được giữ lại ở bể lắng (để đảm bảo vi sinh hoạt động tốt, cần duy trì tỷ lệ $BOD : N : P = 100 : 5 : 1$). Hầu hết các chất ô nhiễm hữu cơ được sử dụng để duy trì sự sống của vi khuẩn tại bể sinh học này. Để đảm bảo đủ dinh dưỡng duy trì quá trình hoạt động hiệu quả của vi sinh, công ty có châm bổ sung thêm chất dinh dưỡng như mật rỉ đường, bổ sung men vi sinh. Nước thải sau khi trải qua quá trình xử lý sinh học sẽ theo ống dẫn qua bể lắng (lắng đứng vách nghiêng).

Ở bể lắng, nước đi vào từ ống phân phối trung tâm, bùn được phân phối ở đáy và thu nước ở bề mặt bể. Quá trình hoạt động của bể là quá trình liên tục, bùn sinh ra trong quá trình lắng (bùn vi sinh) một phần được xả về bể chứa bùn và một phần tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí để duy trì nồng độ bùn trong bể hiếu khí đạt MSLVSS từ 3.000-3.500 mg/l.

Nước sau khi lắng sẽ tràn vào máng răng cưa và tự chảy sang bể khử trùng. Tại bể khử trùng một lượng Chlorine được châm vào nhằm tiêu diệt các vi trùng gây bệnh có trong nước thải. Cuối cùng nước thải từ bể khử trùng bơm qua bồn lọc áp lực nhằm loại bỏ hoàn toàn hàm lượng cặn chưa lắng hết ở bể lắng (vật liệu lọc tổng hợp gồm cát bể dày 30cm, sỏi kích thước viên 5-10mm có bể dày 30cm). Nước thải sau khi qua bể lọc sẽ đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (k=1), trước khi thải ra đường thoát nước trên đường DH418.

– Về công tác xử lý bùn và cặn rác

+ Bùn vi sinh dưới đáy của bể lắng một phần bơm tuần hoàn trở về bể sinh học hiếu khí, một phần được bơm đến bể chứa bùn. Với thời gian lưu thích hợp, bùn được lắng xuống từ

nồng độ 1 % lên 2 – 2,5 %, sau đó định kỳ được xe hút bùn đến hút đem đi xử lý theo đúng quy định. Nước dư từ bể chứa bùn được đưa về bể điều hòa để tiếp tục quá trình xử lý.

– *Công tác xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải*: Đối với công nghệ xử lý nước thải thì mùi phát sinh từ các đơn nguyên như: Bể thu gom, điều hòa, Anoxic và hiếu khí. Để hạn chế mùi công ty xây bể kín có nắp đậy, khí từ quá trình phân hủy kỵ khí gây mùi hôi được thu gom xử lý qua tháp than hoạt tính.

Một số hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của Công ty:



Hình 3. 4. Hình ảnh HTXL nước thải của Công ty

Bảng 3.3. Hạng mục công trình của HTXLNT công suất 150 m³/ngày

STT	Hạng Mục	Thông số kỹ thuật	ĐV	SL	Thời gian lưu nước (giờ)
01	Hố thu gom	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 1,7m x 1,3m x 4,0m; V=8,8 m ³ . – Vật liệu: BTCT	BỂ	01	1,41
02	Bể tách dầu mỡ;	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 2,0m x 1,7m x 4,0m; V=13,6 m ³ . – Vật liệu: BTCT	BỂ	1	2,18
03	Bể điều hòa	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 3,5m x 3,0m x 4,0m; V=42 m ³ . – Vật liệu: BTCT	BỂ	1	6,72
04	Bể anoxic	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 3,5m x 2,1m x	BỂ	1	4,7

		4,0m; V=29,4 m ³ . – Vật liệu: BTCT			
05	Bể Aerotank	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 4,6m x 3,5m x 4,0m; V=64,4m ³ . – Vật liệu: BTCT	Bể	01	10,3
06	Bể lắng	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 3,5m x 2,8m x 4,0m; V=39,2 m ³ . – Vật liệu: BTCT	Bể	01	0,99
07	Bể khử trùng	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 1,3m x 1,2m x 4,0m; V=6,2 m ³ . – Vật liệu: BTCT	Bể	01	-
09	Bể chứa bùn	– Xây âm 3,5m, dương 0,5m – Kích thước: LxBxH: 2,1m x 1,3m x 4,0m; V=11 m ³ . – Vật liệu: BTCT	Bể	01	-
09	Nhà điều hành	– Tường xây gạch, cửa sắt; – Mái lợp tôn, nền tráng xi măng. – Diện tích (11,3m ²);	Nhà	01	

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Bảng 3.4. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm

TT	Hạng mục	Mô tả chi tiết	Xuất xứ	Đơn vị	SL
1	Bể thu gom - TK01				
1.1	Bơm nước thải hồ gom	Thông số kỹ thuật: - Q = 12,0 m ³ /h - Cột áp H = 8m - Nhiệt độ chất bơm: 0 ~ 40°C. - Vật liệu: Thân Gang / INOX - Buồng bơm gang. - Điện áp: 3pha, 380V, 50Hz, hoặc 220V, 50Hz - Công suất : 0.75kW. - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đài Loan	HCP - Đài Loan CO/CQ	Cái	2
1.2	Thiết bị tách rác tinh	- Kiểu: giỏ tách rác, khe lược 2,0-6,0mm - Vật liệu: Thép không gỉ SS304	Việt Nam	Cái	1
2	Bể tách mỡ, điều hòa - TK02, TK03				
1.2	Bơm nước thải điều hòa	Thông số kỹ thuật: - Công suất : 0.375kW ; - Điện áp: 1pha- 220V ; 50Hz hoặc 3pha- 380V; 50Hz. - Q = 6-8 m ³ /h;	HCP - Đài Loan CO/CQ	Cái	2

		- H = 4-6 m - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đà Loan			
3	Bể thiếu khí & hiếu khí Aeortank - T04, T05				
3.1	Máy khuấy	Thông số kỹ thuật: - Máy khuấy phôi giảm tốc : 1/100 - 1/50 - Trục và cánh khuấy vật liệu : INOX 201. - Công suất : 1.0Hp - Điện áp: 380V/220 - Xuất xứ : Gia công chế tạo	Gia công chế tạo	bộ	2
3.2	Máy thổi khí	Thông số kỹ thuật: - Máy thổi khí cột áp: 45 kPa - Công suất: 3.75 kW = 5Hp - Số lượng : 02 máy - Xuất xứ : Longtech hoặc tương đương.	Longtech CO/CQ	Cái	2
3.3	Đĩa khuếch tán khí	Thông số kỹ thuật: - Đĩa khuếch tán bọt khí mịn - Kích thước: 240mm - Vật liệu màng: EPDM; - Đầu nối ren 27mm - Lưu lượng: 2 - 4,5 m ³ /h	Đài Loan	Cái	30
3.4	Bơm tuần hoàn Nitrat	Thông số kỹ thuật: - Công suất : 0.375kW ; - Điện áp: 3pha, 380V - Q = 6-8 m ³ /h; H=4-6 m - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đà Loan	HCP - Đà Loan CO/CQ	Cái	1
4	Bể lắng sinh học - TK06				
4.1	Bơm bùn sinh học	Thông số kỹ thuật: - Công suất : 0.375kW ; - Điện áp: 1pha- 220V hoặc 3pha- 380V; 50Hz. - Q = 6-8 m ³ /h; H=4-6 m - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đà Loan	HCP - Đà Loan CO/CQ	Cái	1
4.2	Máy khuấy chậm 1/1000 - 1/5000	- Máy giảm tốc, giảm 2 cấp - Công suất : 1/8-1/4Hp. - Điện áp: 380V/220 . - Giảm tốc : 1/1000 – 1/5000 . - Xuất xứ : Gia công chế tạo	Gia công chế tạo	bộ	1
4.3	Thanh gạt bùn đáy	- Kích thước: D/H : 3200/3500 - Vật tư : INOX 201 - Thép định hình cố định, và các phụ kiện,...	Gia công chế tạo	bộ	01

		- Xuất xứ : Gia công chế tạo			
4.4	Tấm chắn bùn, máng răng cưa	- Vật liệu: SS304, dày 1.2mm - Gia công chế tạo	Việt Nam	Hệ	01
4.5	Ống trung tâm	Kích thước (D & H) - Đường kính D = 300mm - Chiều cao H = 1,5m. - Vật liệu: SS304; dày 1.0mm	Việt Nam	Cái	01
4.6	Thiết bị hút bùn nổi	- Vật liệu: nhựa - Gia công chế tạo	Việt Nam	Hệ	01
5	Lọc áp lực				
5.1	Thiết bị đo lưu lượng	- Đồng hồ đo lưu lượng - Dạng cơ - DN100 - Vật liệu: gang	Asia	Cái	01
5.2	Bồn lọc áp lực	- Kích thước: D x C = 0,75 x 1,8 m - Đường kính D = 0,75m - Chiều cao tổng H = 1,8m - Vật liệu: composite - Bao gồm cát sỏi lọc - Xuất xứ : Gia công chế tạo	Gia công chế tạo	Cái	01
5.3	Bơm lọc áp lực	Thông số kỹ thuật: - Q = 8,0 -15m ³ /h - Cột áp : H = 8,0 - 15 m - Điện áp: 3pha 380V, 50Hz hoặc 1pha 220V, 50Hz - Công suất : 1.0 - 1.5Hp - Xuất xứ : HCP - Đài Loan hoặc bơm trực ngan Ebara	HCP hoặc Ebara CO/CQ	Cái	02
6	Khử trùng				
6.1	Bơm hóa chất Chlorine	- Lưu lượng: 18-20 lít/giờ - Công suất điện: 200W - Điện áp : 220V / 50Hz - Xuất xứ: Hanna - Rumania	Hanna CO/CQ	cái	01
6.2	Bồn pha hóa chất	- Dạng bồn đứng - Thể tích: 500lit - Vật liệu: nhựa	Việt Nam	cái	01
7	Tủ điện động lực và điều khiển	- Vỏ tủ bằng thép sơn tĩnh điện (Việt Nam); - Linh kiện chính: MCCB, MCB, Contactor, Relay nhiệt, LS,... - Đèn báo, nút nhấn, công tắc chuyển mạch, relay trung gian; Idec / Mitsubishi / Việt Nam,... - Cấp điện trong tủ: Cadivi / Lion; Việt Nam - Bảo vệ mất pha, quá áp, thiếu áp;... - Vật tư, Phụ kiện; VN /Taiwan / China.	Lắp ráp tại Việt Nam	Tủ	1

8	Hệ thống dây điện kỹ thuật	- Cấp điện: Xuất xứ: CADIVI. - Cấp điện Cadivi ruột đồng - 2 lõi, 3 lõi, kích cỡ dây 1.0mm, 1.5mm, 2.5mm, 4.0mm tương ứng đúng thiết bị, và công suất thiết bị,... - Bảo vệ cáp: ống PVC, ống ruột gà, Máng kẽm,... <i>**Chỉ bao gồm cáp điện từ tủ điện của hệ thống xử lý nước thải đến các thiết bị trong hệ thống;</i> - Số lượng : 01 hệ - Xuất xứ : Gia công lắp đặt.	Việt Nam	Hệ	1
9	Hệ thống đường ống công nghệ xử lý nước thải	- Ống dẫn nước thải, bùn có áp: PVC Bình Minh. Ø42, Ø49, Ø60,... tùy theo hiện trạng. - Ống dẫn nước thải, bùn không áp: PVC Bình Minh. Ø60, Ø90, Ø114,... tùy theo hiện trạng. - Ống dẫn hóa chất, nước sạch: uPVC, PVC Bình Minh. Ø21, Ø27,... - Ống dẫn khí: kim loại chịu nhiệt trên mặt nước và PVC phần ngập nước. Ø27, Ø60, Ø90, ...	Việt Nam	Hệ	1
10	Hệ thống khử mùi	- Ống dẫn khí mùi hôi PVC D90mm. - Bộ khử mùi : Than hoạt tính; Kích thước : 500 x 500 x 300mm - Quạt hút: 100w. - Vật tư : Việt Nam	Việt Nam	Hệ	1

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

c) Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng và định mức

Bảng 3.5. Thành phần và khối lượng hóa chất sử dụng xử lý nước thải

Stt	Tên hoá chất	Định mức	Nhu cầu xin cấp phép MT (kg/năm)
1	Clorin 70% (Ca(OCl) ₂)	3 g/m ³	162
2	Men vi sinh và mật rỉ đường	-	Không bổ sung thường xuyên, khi nào vi sinh yếu mới bổ sung
	Tổng cộng		162

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

d) Định mức tiêu hao năng lượng:

Dựa theo máy móc, thiết bị sử dụng điện phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ước tính định mức lượng điện tiêu hao để xử lý khoảng ,3 Kwh/m³ nước thải tương đương 5.850 Kwh/tháng.

e) Yêu cầu quy chuẩn nước thải đạt được sau xử lý

Nước thải sau xử lý của Công ty phải đạt quy chuẩn - QCVN 14:2008/BTNMT cột A (K=1) trước khi xả ra môi trường.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Loại hình dự án chợ và khu dân cư nên không có công trình xử lý bụi, khí thải.

Trong quá trình hoạt động của dự án có mùi hôi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực tập kết rác sinh hoạt. Cụ thể như sau:

a) Mùi hôi từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

Với công nghệ xử lý nước thải của dự án bằng phương pháp sinh học thì mùi hôi phát sinh do quá trình phân hủy kỵ khí từ các đơn nguyên sau:

- + Bể thu gom
- + Bể điều hòa
- + Bể thiếu khí
- + Bể hiếu khí

–Quá trình phân huỷ của nước và bùn thải tại Trạm xử lý nước thải dự án có thể gây ra mùi hôi với nồng độ khoảng 3 - 10 OU (Đơn vị mùi) (*đánh giá bằng phương pháp nhạy cảm khứu giác trên cơ sở kết quả Đề tài nghiên cứu xác định các chỉ tiêu ô nhiễm mùi do ENTEC thực hiện trong năm 1999/2000*), phát hiện khá dễ dàng. Tuy nhiên, trạm xử lý nước thải được chọn ở vị trí cuối hướng gió, giáp với khu xử lý nước thải là nhà tập kết rác sinh hoạt và khu giữ xe, nhà vệ sinh chung và khu công viên cây xanh. Do đó hạn chế được sự ảnh hưởng mùi hôi đến các đối tượng xung quanh. Ngoài ra, để hạn chế thấp nhất sự ảnh hưởng này thì trong quá trình hoạt động Công ty sử dụng chế phẩm vi sinh EM để khử mùi hôi khu vực xung quanh hệ thống xử lý nước thải.

–Ngoài ra, các bể xử lý được xây dựng kín có nắp đậy, khí phát sinh từ bể thu gom, bể điều hòa, bể thiếu khí và bể hiếu khí được thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ qua than hoạt tính.

–Thông số kỹ thuật của hạng mục xử lý khí thải

Bảng 3. 6. Thông số kỹ thuật của hạng mục của tháp hấp thụ than hoạt tính

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Tháp hấp thụ than hoạt tính	- Kích thước: 500 x 500 x 300 mm	1 cái
2	Quạt hút	- Công suất: 100W - Lưu lượng: 50 m ³ /giờ	1 cái

3	Ống thu gom	uPVC D90mm	3 m
4	Ống thải	uPVC D90mm	1,5 m

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)



Hình 3. 5. Hình ảnh hệ thống xử lý mùi từ quá trình xử lý nước thải

b). Mùi hôi từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt:

Toàn bộ rác sinh hoạt của khu dân cư và chợ Quang Vinh 2 đều được tập trung về nhà chứa rác chung kế bên hệ thống xử lý nước thải. Trong quá trình lưu trữ (chờ thu gom) chất thải sinh hoạt sẽ phát sinh các khí gây mùi khó chịu từ việc lên men phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ. Thông thường, chất thải rắn sẽ phân hủy sau một ngày lưu trữ. Thành phần các khí chủ yếu sinh ra từ quá trình phân hủy chất hữu cơ bao gồm: NH₃, H₂S, NH₄, Mercaptan,... Trong đó, các khí gây mùi chủ yếu là NH₃, H₂S và Mercaptan. Để hạn chế mùi hôi này, đơn vị quản lý chợ có những biện pháp quản lý như sau:

Công ty TNHH Quang Vinh chịu trách nhiệm thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý. Hiện nay Công ty đã hợp đồng với hợp tác xã dịch vụ môi trường Khánh Bình để thu gom với tần suất 1 lần/ngày. Việc bố trí tần suất thu gom 1 lần/ngày hạn chế tối đa quá trình phân hủy các chất hữu cơ.

Đồng thời sau khi rác được vận chuyển đi thì người dọn vệ sinh của khu phải đến vệ sinh thùng chứa, vệ sinh sàn nhà lưu giữ để hạn chế nước rỉ rác tồn đọng lâu ngày gây mùi hôi. Nước từ quá trình vệ sinh được đưa về hệ thống xử lý.

Ngoài ra, khoảng 1 tháng/lần công ty cũng mua chế phẩm sinh học EM để phun khử mùi cho thùng chứa cũng như khu vực sàn nhà và khu vực xung quanh kho.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

3.3.1. Công trình lưu giữ, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình hoạt động của chợ và khu phố chợ:

Nguồn gốc phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của khu chợ, của khu dân cư và rác quét đường phố, chăm sóc cây xanh.

Khối lượng và thành phần:

+ Đối với khu dân cư: Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 0,9 kg/người/ngày. Khu dân cư có số người ở tối đa theo phê duyệt quy hoạch 392 người thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 353 kg/ngày = 10.584 kg/tháng.

+ Đối với khu chợ: Lượng phát sinh chất thải từ khu chợ không cố định, theo kế hoạch kinh doanh dự án không thu hút loại hình chợ ướt nên lượng chất thải phát sinh ít và thành phần ô nhiễm cũng ít. Ước tính lượng CTRSH từ chợ khoảng 8.000 kg/tháng.

+ Rác từ nguồn quét dọn đường phố, chăm sóc cây xanh phát sinh 700 kg/tháng.

+ Bùn thải từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải khoảng 230 kg/tháng.

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

Trước khi mùa mưa đến Công ty tiến hành nạo vét đường công thu gom và thoát nước mưa để khơi thông dòng chảy, tần suất nạo vét 1 lần/năm. Lượng bùn cặn phát sinh nhiều hay ít phụ thuộc vào chất lượng đường nội bộ trong khuôn viên dự án, sẽ thay đổi tùy theo từng thời điểm. tham khảo quá trình hoạt động của chợ Quang Vinh 1 ước tính lượng bùn thải nạo vét đường nước mưa khoảng 6 tấn/lần, tạm tính trung bình 0,5 tấn/tháng.

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét tuyến cống thu gom nước thải:

Để khơi thông dòng chảy cũng như hạn chế việc tích tụ chất thải lâu ngày phân hủy kỵ khí gây mùi thì Công ty chúng tôi đã có kế hoạch nạo vét bùn tần suất 6 tháng/lần. Qua số liệu tham khảo từ chợ Quang Vinh 1 ước tính lượng bùn thải nạo vét từ đường ống thu gom nước thải khoảng 1 m³/lần. Như vậy với tần suất 6 tháng/lần thì lượng bùn thải tạo thành khoảng 2 m³/lần. Ước tính khối lượng riêng của bùn khoảng 1,2 tấn/m³ thì lượng bùn thải tạo ra khoảng 2,4 tấn/năm ~ 0,2 tấn/tháng.

+ Váng dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ của hệ thống xử lý nước thải. Theo số liệu tham khảo từ chợ Quang Vinh 1 thì lượng váng dầu mỡ khoảng 130 kg/tháng. Tuy nhiên chợ

Quang Vinh 2 không thu hút loại hình chợ ướt nên dầu mỡ ít hơn, ước tính khoảng 100 kg/tháng.

⇒ Như vậy tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án là: 20.314 kg/tháng.

Thành phần: Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn sinh hoạt bao gồm:

Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, thức ăn dư thừa, rau quả,...

Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống

Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh,...

Các hợp chất có nguồn gốc kim loại: vỏ hộp lon chai đựng đồ ăn thức uống...

Có thể tham khảo thành phần chất thải rắn sinh hoạt theo kết quả điều tra của Trung tâm Centema (ĐHDL Văn Lang) năm 2012.

Bảng 3 7. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt

TT	Thành phần	Tỷ lệ (%)	
		Khoảng dao động	Trung bình
1	Thực phẩm	61,0 – 96,6	79,17
2	Giấy	1,0 – 19,7	5,18
3	Carton	0 – 4,6	0,18
4	Nilon	0 – 36,6	6,84
5	Nhựa	0 – 10,8	2,05
6	Vải	0 – 14,2	0,98
7	Gỗ	0 – 7,2	0,66
8	Cao su mềm	0	0
9	Cao su cứng	0 – 2,8	0,13
10	Thủy tinh	0 – 25,0	1,94
11	Lon đồ hộp	0 – 10,2	1,05
12	Sắt	0	0
13	Kim loại màu	0 – 3,3	0,36
14	Sành sứ	0 – 10,5	0,74
15	Bông băng	0	0
16	Xà bần	0 – 9,3	0,69
17	Styrofoam	0 – 1,3	0,12

(Nguồn: Trung tâm Centema, 2012)

Tác động: Rác thải sinh hoạt có hàm lượng hữu cơ cao, dễ phân hủy nếu không được thu gom xử lý tốt, kịp thời sẽ gây tác động xấu cho môi trường không khí, nước và đất. Vì các chất hữu cơ phân hủy kỵ khí trong điều kiện tự nhiên tạo ra các hợp chất có mùi hôi

như H₂S, mercaptan,... ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Các loại chất thải rắn là môi trường thuận lợi cho vi trùng phát triển, là nguồn phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (ruồi, chuột, kiến, gián,...). Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt của con người cũng như vẻ mỹ quan khuôn viên dự án.

Biện pháp xử lý:

Phân loại rác tại nguồn. Ban quản lý chợ hướng dẫn cho người dân và các tiểu thương trong chợ biết cách phân loại rác tại nguồn. Cụ thể rác sinh hoạt được chia làm 3 loại:

- Chất thải thực phẩm
- Chất thải sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế
- Chất thải sinh hoạt phải xử lý.

Chất thải sau khi phân loại lưu giữ vào thùng chứa và tập trung về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 20,16 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý hàng ngày. Cụ thể như sau:

+ Đối với khu vực chợ chúng tôi bố trí 3 thùng chứa loại 240 lít để thu gom, bao gồm 1 thùng chứa chất thải thực phẩm, 1 thùng chứa chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng và 1 thùng chứa chất thải phải xử lý. Cuối ngày hoặc khi sắp đầy thì người dọn vệ sinh do công ty TNHH Quang Vinh bố trí sẽ di chuyển rác về khu vực nhà chứa diện tích 20,16 m².

+ Đối với khu dân cư thì người dân tự phân loại rác tại nhà, đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý thì cuối mỗi ngày người dân tự mang ra phía trước nhà, người thu gom chất thải do công ty TNHH Quang Vinh sắp xếp sẽ đi thu gom tập trung rác từ các nhà dân về khu vực kho lưu giữ diện tích 20,16 m²

+ Đối với rác đường phố và chắn sóc cây xanh thì đội vệ sinh tập trung trực tiếp vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

+ Đối với váng dầu mỡ thu gom từ bể tách dầu của HTXL nước thải Công ty thu gom vào thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị xử lý chất thải.

Toàn khu quy hoạch bố trí 1 nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 20,16 m². Kho có mái che và tường bao quanh bằng tôn, cửa ra vào. Bên trong kho bố trí tổng cộng 23 thùng chứa rác loại 240 lít có nắp đậy.

Hiện nay công ty đã hợp đồng với hợp tác xã dịch vụ môi trường Khánh Bình để thu gom, vận chuyển đi xử lý hàng ngày (*hợp đồng số 112KB/HĐ-KB/2024 ngày 01/01/2024 được đính kèm phụ lục báo cáo*).



Hình 3. 6. Hình ảnh khu tập kết rác sinh hoạt

3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Dự án chưa đi vào hoạt động, do đó để ước tính lượng CTNH phát sinh chúng tôi dựa vào chợ Quang Vinh 1 ước tính khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại chợ Quang Vinh 2 như sau:

Bảng 3.8. Bảng nguồn phát sinh, thành phần và khối lượng của CTNH

Thành phần	Khối lượng CTNH (kg/năm)	Mã CTNH
Thiết bị điện tử có chứa các linh kiện điện tử	40 - 200	16 01 13
Bóng đèn huỳnh quang thải	70 - 100	16 01 06
Pin, ắc quy chì thải	60 - 80	19 06 01
Giẻ lau dính dầu nhớt thải	10 - 15	18 02 01
Dầu thủy lực tổng hợp thải	40-60	17 01 06
Hộp mực máy in photo thải	3 - 4	08 02 04
Bao bì mềm thải	20 - 30	18 01 01
Bao bì cứng bằng kim loại	15 - 20	18 01 02
Bao bì cứng bằng nhựa (bao gồm cả thùng nhựa đựng clorin xử lý nước thải)	12 - 15	18 01 03
Chất hấp phụ đã qua sử dụng (than hoạt tính)	100 - 150	18 02 01
Tổng cộng	370 – 674	

(Nguồn: Công ty TNHH Quang Vinh)

Biện pháp quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại dự án:

Tuyên truyền nâng cao nhận thức phân loại chất thải ngay tại nguồn, mỗi hộ gia đình tự tách riêng rác nguy hại ra khỏi rác sinh hoạt. Buổi tối hàng ngày sẽ tập kết ra trước nhà và đội vệ sinh của khu dân cư sẽ đi thu gom về khu tập kết chất thải. Đối với rác sinh hoạt thì lưu giữ vào khu rác sinh hoạt và đối chất thải nguy hại thì sẽ tập trung về khu lưu giữ chất thải nguy hại.

Công ty bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 6,38 m². Kho lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng quy định của pháp luật: có tường xung quanh, có gờ xung quanh để ngăn không cho chất lỏng rò rỉ ra bên ngoài, nền chống thấm, có biển ghi chú, biển cảnh báo nguy hiểm và mã chất thải.

Bên trong kho bố trí 7 thùng chứa bằng nhựa 120 lit để lưu giữ các loại chất thải nguy hại khác nhau.

Toàn bộ chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định của pháp luật. Hiện nay công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Sen Vàng để thu gom xử lý (*hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo*).



Hình 3. 7. Hình ảnh nhà kho chứa chất thải CTNH

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển ra vào chợ và khu dân cư, từ máy bơm, máy thổi khí khu xử lý nước thải, từ tiếng nói của người đi chợ, từ âm thanh của loa thùng các hộ dân sinh sống trong khu phố chợ Khánh Bình,... Do đó, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn như sau:

- Giảm tốc độ đối với các phương tiện vận tải ra vào khu dân cư, chợ.
- Bố trí quỹ đất trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn:
 - + Môi trường xung quanh: QCVN 26:2010/BTNMT: từ 6 giờ đến 21 giờ (70 dBA); từ 21 giờ đến 6 giờ (55 dBA).
 - + Môi trường bên trong chợ: QCVN 24:2016/BTNMT giới hạn tối đa 85 dBA.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

Công ty TNHH Quang Vinh, chủ đầu tư dự án xây dựng “Chợ và khu nhà ở thương mại công ty TNHH Quang Vinh” chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và các kịch bản ứng phó sự cố môi trường của dự án. Kế hoạch ứng phó sự cố này sẽ được gửi đến ban phòng chống và tiềm kiểm cứu nạn Thành phố Tân Uyên, UBND phường Khánh Bình.

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành chính thức:

3.6.1.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm:

Hiện nay Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày. Lưu lượng nước thải tập trung về hệ thống xử lý nước thải phụ thuộc vào tình hình dân ở trong dự án. Hiện nay, số lượng dân ở khoảng 170 dân và khu nhà lồng chợ thì chưa có người thuê. Do vậy, lưu lượng nước thải tập trung về hệ thống xử lý nước thải của dự án tối đa ước tính cũng chỉ 40-75 m³/ngày. Như vậy, trong quá trình vận hành thử nghiệm nếu có xảy ra sự cố thì nước thải được lưu giữ lại trong các bồn bể của công trình xử lý nước thải. Với công suất xây dựng hệ thống xử lý nước thải 150 m³/ngày mà thời điểm vận hành thử nghiệm dự báo lượng nước chỉ đạt 40-75 m³/ngày do vậy các bể của hệ thống xử lý nước thải có thể lưu giữ thêm 1 ngày. Công ty nhanh chóng khắc phục sự cố để đưa hệ thống vận hành ổn định trở lại.

Trong trường hợp xấu nhất sau 1 ngày các bồn bể của hệ thống đã đầy mà Công ty vẫn không thể khắc phục sự cố, chất lượng nước sau xử lý không đạt yêu cầu xả thải thì phải liên hệ với đơn vị dịch vụ có chức năng để hút vận chuyển đi xử lý đúng quy định của pháp luật.

3.6.1.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL nước thải khi dự án đi vào vận hành chính thức:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Công ty vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên theo dõi giám sát hoạt động của bể vi sinh nhằm đảm bảo quá trình xử lý các chất ô nhiễm đạt tối ưu.
- Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra.
- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị. Định kỳ khoảng 1-2 tháng tiến hành bảo trì bảo dưỡng máy móc, thiết bị một lần.
- Các máy móc thiết bị hoạt động chính (máy bơm, máy thổi khí) được lắp đặt đồng thời 2 máy để hoạt động luân phiên nhằm mục đích tăng cường tuổi thọ đồng thời sử dụng trong trường hợp có sự cố 1 máy bị hư hỏng thì máy còn lại hoạt động liên tục.
- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được chúng tôi tuyển chọn là công nhân đã được đào tạo chuyên ngành về môi trường, có kinh nghiệm trong vấn đề vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhân viên quản lý môi trường tại Công ty sẽ được tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức.

b) Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

Đối với công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp vi sinh kỵ khí và hiếu khí thì sự cố các kích bản sự cố và phương án ứng phó sự cố như sau:

Bảng 3. 9. Kích bản sự cố và phương án ứng phó sự cố HTXL nước thải

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
I	Sự cố chung của toàn bộ HTXL nước thải			
SC1	Sự cố HTXL phải ngưng hoạt động trong thời gian dài	-Máy móc, thiết bị hư hỏng -Chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.	-Thực hiện kiểm tra toàn bộ máy móc, thiết bị trong HTXL -Kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra.	–Nhân viên vận hành đóng cửa xả, lưu giữ nước thải tại các hạng mục công trình xử lý. – Trường hợp các hạng mục của công trình xử lý đã lưu giữ đầy nhưng công ty vẫn chưa khắc phục xong thì phải thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý. –Tìm nguyên nhân tiến hành đưa ra quy trình khắc phục. –Trong quá trình khắc phục sự cố thì luôn đảm bảo các bể sinh học luôn có nước thải, duy trì DO trong

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
				bể từ 1,5 – 2,5mg/l. Bổ sung các chất dinh dưỡng vào trong các bể sinh học nếu cần thiết. – Khi khắc phục xong sự cố sẽ hoạt động trở lại.
SC2	Sự cố nước thải không đạt quy chuẩn đầu ra	Có thể do nhiều nguyên nhân như: Hiệu quả xử lý sinh học không đạt yêu cầu: Vi sinh chết, không đảm bảo dinh dưỡng cho vi sinh hoạt động; xảy ra hiện tượng sốc tải; máy móc thiết bị bị hư hỏng không phát hiện kịp thời....	-Thực hiện kiểm tra toàn bộ máy móc, thiết bị. -Kiểm tra tổng thể các bể xử lý -Lấy mẫu kiểm tra chỉ số DO, MLSS, SVI, F/M tại các bể xử lý sinh học. -Lấy mẫu kiểm tra pH, COD, BOD, TSS tại các công đoạn xử lý,... -Kiểm tra lại quá trình vận hành,....	- Nhân viên vận hành đóng ngay cửa xả, cho nước lưu giữ trong bể sự cố và các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải. Thời gian lưu chứa khoảng 1 ngày. -Đến đây NVVH gọi điện thông báo quản lý để tìm nguyên nhân, đưa ra phương hướng giải quyết kịp thời. – Trường hợp sự cố cần khắc phục kéo dài hơn 1 ngày thì Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý. - Khi khắc phục xong sự cố, nước thải lưu chứa tại các bể sẽ được quay vòng xử lý đến khi nào đạt quy chuẩn mới tiến hành xả thải.
SC3	Sự cố rò rỉ hóa chất	-Do người vận hành không đảm bảo kỹ thuật trong lúc pha chế hóa chất. -Do quá trình vận chuyển bao bì đựng hóa chất bị rách -Do đường ống châm hóa chất bị hư hỏng dẫn đến rò rỉ	Kiểm tra bồn chứa hóa chất và đường ống	Dự án chỉ sử dụng duy nhất chlorine khử trùng. Do vậy, sự cố xảy ra ở mức độ nhẹ. Nhân viên vận hành sử dụng bảo hộ lao động, dùng xẻng trộn đều cát với hóa chất rồi xúc cho vào bao rồi dùng vòi nước sạch xịt rửa khu vực bị rò rỉ + Sửa chữa hoặc thay thế đường ống bị rò rỉ. + Mở van tay ra và bật công tắc bơm. + Khi hóa chất bắn vào người thì phải sử dụng vòi nước sạch xịt vào người, xịt vào các khu vực bị hóa chất bắn vào và di chuyển đến trung tâm y tế gần nhất (nếu trong trường hợp nặng)
II Sự cố tại cụm bể vi sinh và bể lắng				
SC4	Bùn nổi trên bề mặt bể lắng	Vi sinh sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn	Nếu SVI <100, có thể không phải do nguyên nhân 1a, dùng kính hiển vi để kiểm tra xem có vi sinh vật dạng sợi trong bùn hay không.	Nếu DO tại bể aerotank <1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể để duy trì DO trong > 2 mg/l. Giảm F/M. Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn Bổ sung thiếu hụt dinh dưỡng để tỷ số đạt tỷ số BOD:N:P =100:5:1. Tăng pH đến 7.

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
				Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC5	Trong bể aerotank có váng bọt màu nâu đen	Do chỉ số F/M thấp	- Kiểm tra F/M	Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải và phải kiểm tra vừa phải Giảm lưu lượng bùn hồi lưu Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC6	Trong bể aerotank có lớp sóng bọt trắng dày	MLSS quá thấp Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học	Kiểm tra MLSS. Nếu MLSS phù hợp thì có thể do chất hoạt động bề mặt	Giảm bùn thải để tăng MLSS. Giám sát nguồn thải có chứa chất hoạt động bề mặt Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC7	Bùn trong bể aerotank có xu hướng trở nên đen	Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối	Kiểm tra DO Kiểm tra bể và độ mở van máy thổi khí	Tăng mức độ thổi khí Kiểm tra đường ống phân phối khí. Rửa sạch những đĩa phân phối khí bị nghẽn Tăng công suất máy thổi khí nếu không đủ. Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC8	Có nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể aerotank bọt bị kết thành khối	Một số đầu phân phối khí bị tắc hoặc vỡ	Kiểm tra hệ thống phân phối khí	Rửa sạch nếu bị tắc Thay thế các đĩa, ống phân phối khí nếu bị vỡ, hư hỏng Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện, dự kiến thời gian khắc phục trong ngày
SC9	Vi sinh trong bể aerotank bị chết	Vi sinh chết có thể do các nguyên nhân sau: + Do bị sốc tải + Do thiếu dinh dưỡng + Không cấp đủ khí. + Môi trường nước thải có độc hoặc pH không đảm bảo Dấu hiệu khi vi sinh chết: + Bùn nổi lên bề mặt bể + Bùn trong bể có dấu hiệu đen dần	Kiểm tra chỉ số F/M Kiểm tra DO Kiểm tra tỷ lệ BOD:N:P	Nếu thiếu dinh dưỡng thì bổ sung thêm dinh dưỡng cho vi sinh đảm bảo tỷ lệ BOD:P:N=100:5:1 Nếu DO tại bể <1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể để duy trì DO trong khoảng 1,5 – 4 mg/l. Nếu pH trong bể không đảm bảo thì thực hiện điều chỉnh pH đến 7. Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện, dự kiến thời gian khắc phục trong ngày. – Trong trường hợp khắc phục chưa xong, thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển đi xử lý.
III	Sự cố máy móc, thiết bị			
SC10	Hư máy	- Bơm không chạy.	- Chưa cung cấp điện cho động cơ.	- Đóng CP, ấn nút khởi động bơm. - Chờ nước đầy.

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
	bom	-Bom nước không lên	- Nước trong bể ít. - Van máy bơm chưa mở - Kiểm tra công tắc phao. - Đầu đẩy bị sút. -Đường ống bị nghẹt. - Cột áp không đạt. -Cánh bơm bị nghẹt rác.	- Kiểm tra van - Đặt lại đúng vị trí. - Gắn lại ống đẩy. - Vệ sinh ống. - Chỉnh nhỏ van hồi lưu (nếu có) hoặc đóng mở van chính cho đạt thiết kế. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC11	Máy thổi khí	- Máy không hoạt động. - Áp lực khí không đủ. - Áp lực khí quá lớn. - Quá nhiệt, tiếng ồn bất thường	-Kiểm tra điện cung cấp. -Dây đai bị giãn. -Bộ lọc khí bị nghẹt. -Xem xét bộ phân phối khí. -Kiểm tra dầu, kiểm tra bạc đạn	- Nếu đã có điện mà không chạy, kiểm tra động cơ. - Tăng đai, thay đai. - Vệ sinh bộ lọc khí. - Kiểm tra lại đường ống khí, xả nước ngưng, xả bột khí. - Thay dầu nếu hết dầu, thay bạc đạn nếu bị hư. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện.
SC12	Bơm định lượng	- Bom hoá chất không lên. - Đầu bơm bị rò. - Lượng hoá chất vượt quá yêu cầu.	-Luppê bị nghẹt. - Hở tại các nối (đầu hút). - Chưa mở máy. - Mặt bích đầu bơm không siết chặt hoặc màng bơm bị hỏng. - Bộ điều chỉnh bị hỏng. -Điều chỉnh quá mức thiết kế.	- Vệ sinh luppê. - Nối lại chắc chắn. - Khởi động bơm. - Siết lại đầu bơm hoặc tháo đầu bơm, kiểm tra, thay màng. - Sửa chữa bộ điều chỉnh, điều chỉnh lại ở mức quy định. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC13	Bộ phân phối khí.	- Áp lực không đạt (trị số DO). - Phân phối khí không đều.	-Máy nén không đảm bảo đúng áp lực khí. -Bị nghẽn do bùn, rác. -Độ mở van chưa hợp lý.	- Điều chỉnh tốc độ động cơ. Chỉnh van cấp khí. - Xả bùn trong ống bằng cách mở van xả căn cuối đường ống. - Chỉnh lại van tại mỗi ống phân phối. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện
SC14	Đường ống	- Nước chảy. không rõ nguyên nhân. - Không có nước (hoặc hoá chất) chảy qua ống. - Ống bị biến dạng,	- Đường ống bị thủng. -Đầu nối không chắc chắn, không siết chặt cổ dê. - Ống bị nghẹt. -Van ở trạng thái	- Thay ống dẫn. - Siết lại cổ dê, trét keo tại các vị trí nối ống có rò rỉ. - Vệ sinh ống. - Mở van. - Mở bơm cho hoạt động. - Gia cố ống, bọc vật liệu chịu hoá

Ký hiệu	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân/dấu hiệu sự cố	Kiểm tra	Phương án ứng phó
		trở nên mỏng, mềm.	đóng. -Bơm không chạy (với ống đẩy – hút của bơm.) -Hoá chất thuộc loại ăn mòn. - Nhiệt độ dòng chảy trong ống quá cao. - Chịu tác dụng của ngoại lực (đất lún, vật nặng tụt lên ống, nước rác chảy với tốc độ cao đập vào ống...)	chất, chịu nhiệt. - Thay đổi hướng đặt ống tránh các lực tác động. -Nhân viên vận hành khắc phục sự cố ngay tại thời điểm phát hiện, dự kiến thời gian hoàn thành trong ngày

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với HTXL khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi đi vào hoạt động:

Hệ thống xử lý mùi hôi từ các bể xử lý nước thải được thu gom, xử lý bằng phương pháp hấp phụ qua than hoạt tính. Đối với công nghệ xử lý này thì sự cố có thể xảy ra là do hư quạt hút và do quá trình vận hành không tuân thủ yêu cầu kỹ thuật trong vấn đề thay than hoạt tính. Do vậy trong giai đoạn vận hành thử nghiệm cũng như giai đoạn hoạt động chính thức cần bảo trì quạt hút và thay than theo định kỳ, tuân thủ yêu cầu kỹ thuật của nhà thiết kế.

3.6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố do quá tải kho chứa chất thải rắn:

Công ty đã bố trí kho tập trung chất thải rắn sinh hoạt chiếm diện tích 20,16 m². Với lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của dự án kho chỉ chứa mới 50% diện tích, còn lại 50% diện tích trống. Tuy nhiên, trong hợp đồng thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì tần suất vận chuyển rác 1 lần/ngày. Do vậy trong các dịp lễ tết lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh nhiều gấp đôi thì kho vẫn đáp ứng được khả năng lưu chứa.

Ngoài ra, khu tập kết rác sinh hoạt thiết kế cho cả khu dân cư và khu chợ nên thường dịp lễ lớn hoặc tết Nguyên Đán thì các hộ gia đình hay di chuyển về quê ăn tết. Do vậy, thường lượng rác thải khu chợ tăng thì rác thải từ nhà dân giảm xuống nên trong thời gian hoạt động vừa qua Công ty chưa khi nào xảy ra tình trạng quá tải kho chứa chất thải rắn.

Mặc khác, vào những dịp lễ tết chợ đông người, lượng chất thải rắn nhiều nên Ban quản lý chợ tăng cường nhắc nhở giữ gìn vệ sinh chung cũng như theo dõi lượng rác tập trung tại kho chứa, trường hợp kho chứa sắp đầy, chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích thì nhanh chóng liên hệ đơn vị hợp đồng tăng tần suất thu gom, tránh tình trạng lưu giữ lâu, tràn đổ ra bên ngoài gây mùi hôi mất mỹ quan khu vực.

3.6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

Công ty chủ hạ tầng chỉ sử dụng hóa chất Clorin khử trùng, hóa chất này mua về với số lượng vừa sử dụng trong thời gian 2 tháng, không lưu trữ nhiều tại khu xử lý nước thải nhằm hạn chế sự cố tràn đổ rò rỉ.

Tại kho chứa hóa chất xử lý nước thải được trang bị những vật dụng để thu gom chất thải lỏng trong trường hợp bị tràn đổ rò rỉ. Ví dụ như cát, bạt cưa, chổi, xi xúc, xô đựng, găng tay, mặt nạ chống độc, kính bảo hộ lao động,...

3.6.5. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

a. Các văn bản về PCCC đã được cơ quan chuyên môn nhà nước cấp:

- + Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 529/TD-PCCC ngày 20/8/2007 của Công an tỉnh Bình Dương cho dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
- + Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 252/TD-PCCC ngày 03/05/2018 của cảnh sát PCCC Bình Dương.

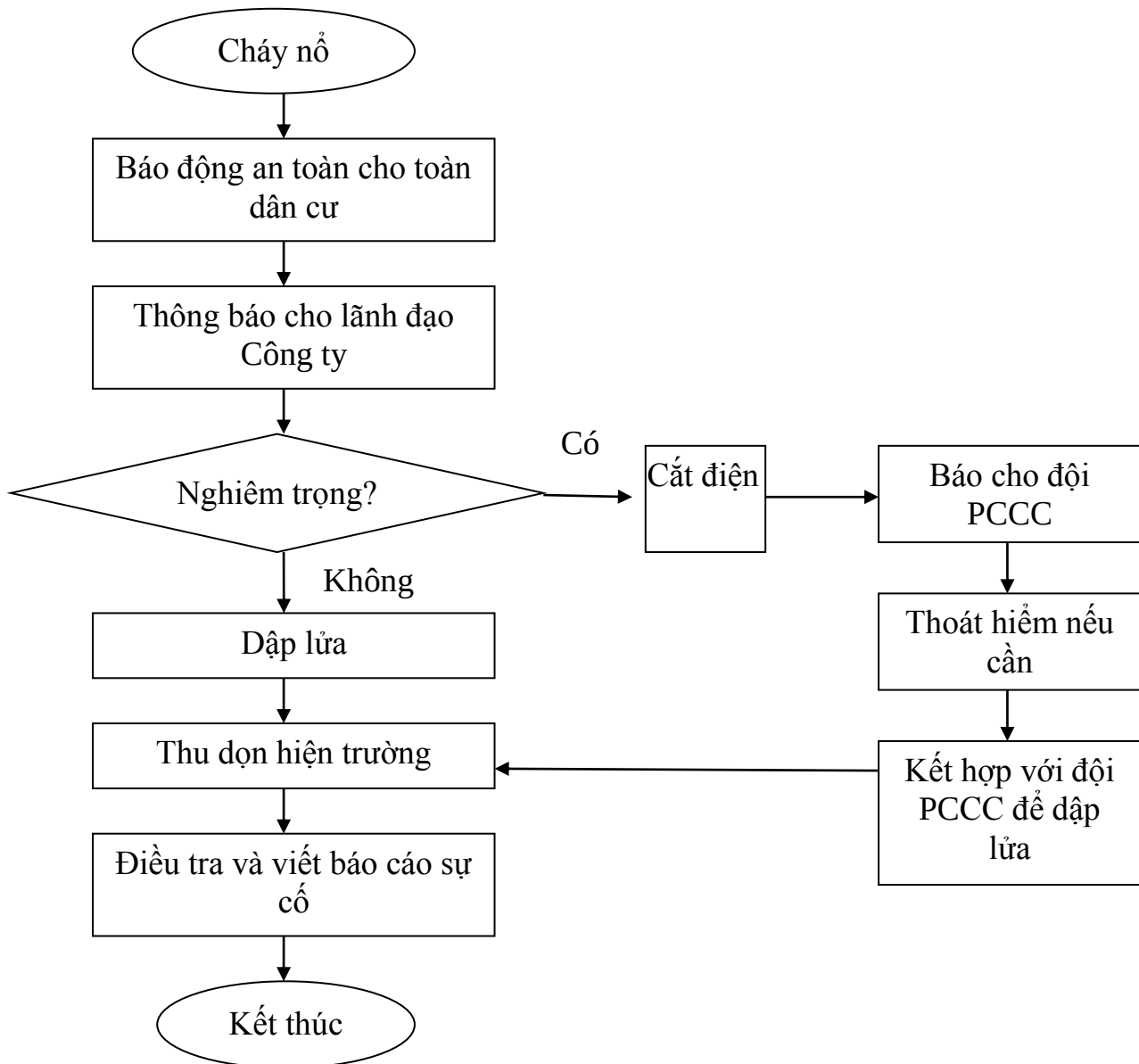
b. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy, nổ:

Để hạn chế các rủi ro xảy ra do sự cố cháy nổ, Chúng tôi đã có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

- Thành lập đội PCCC tại công ty. Hàng năm Công ty phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC tổ chức diễn tập PCCC và tập huấn về kiến thức an toàn phòng chống cháy nổ cũng như thực tập phương án cháy kết hợp theo quy định.
- Công ty tổ chức kiểm tra bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị và kiểm tra công tác an toàn PCCC theo định kỳ.
- Tuyên truyền, giáo dục ý thức PCCC cho người dân bằng cách dán bảng hiệu, bảng thông báo đề phòng sự cố cháy, bảng sơ đồ liên lạc trong tình huống khẩn cấp.
- Về cơ sở vật chất: Công ty đã bố trí trạm bơm, bể chứa nước phòng cháy, hòng nước chữa cháy vách tường với các cuộn vòi chữa cháy, bình PCCC các loại bố trí đều khắp các khu vực chợ và dân cư,...

c. Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:

Trong trường hợp xảy ra sự cố thì tất cả người dân phát hiện ra đều phải khẩn trương thông báo qua điện thoại, chuông báo động hoặc trực tiếp báo cho đội PCCC tỉnh Bình Dương, bảo vệ dự án và lãnh đạo. Quy trình ứng phó sự cố cháy, nổ được tóm tắt qua sơ đồ sau:



Hình 3. 8. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Như vậy, theo sơ đồ quy trình nêu trên, thì khi xảy ra sự cố cháy, Công ty sẽ có các bước thực hiện ứng phó cụ thể như sau:

– Khi xảy ra sự cố cháy tại bất kỳ khu vực nào trong chợ, khu dân cư, tất cả người dân phải tuân thủ theo các bước sau đây:

+ Người phát hiện ra đám cháy đầu tiên phải báo động cho người cùng biết bằng cách hô to khẩu lệnh “Cháy, cháy, cháy”. Sau đó nhấn nút báo động khẩn và điện thoại hotline trên bảng hướng dẫn gắn ở chợ, khu dân cư → liên lạc đến bộ phận quản lý, ban giám đốc → liên lạc với Công an PCCC Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Những khu vực xảy ra cháy phải nhanh chóng cúp ngay cầu dao điện đồng thời sử dụng bình xịt CO₂, bình bột, nước vách tường để chữa cháy ngay ban đầu.

+ Sơ tán người dân ra khỏi khu vực cháy ngay lập tức.

+ Tất cả các thành viên trong đội PCCC của công ty nhanh chóng vào vị trí và triển khai đội hình chữa cháy đã được phân công.

– Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm sau khi xảy ra sự cố: Ban Chỉ huy PCCC có trách nhiệm tổ chức buổi họp sau khi xảy ra sự cố cháy nổ hoặc sau các buổi diễn tập PCCC nhằm rút kinh nghiệm và khắc phục các sai sót (nếu có) trong suốt quá trình đáp ứng với tình huống khẩn cấp. Trong những trường hợp cần thiết, Trưởng Phòng Bảo vệ - PCCC có trách nhiệm bổ sung, sửa đổi các nội dung trong các quy trình xử lý của thủ tục. Đại diện Lãnh đạo Môi trường có trách nhiệm đảm bảo rằng việc sửa đổi các tài liệu được thực hiện đúng theo quy định trong Thủ Tục Quản Lý và Kiểm Soát Tài Liệu.

– Lưu hồ sơ: Các hồ sơ liên quan đến việc đáp ứng các tình huống khẩn cấp cháy nổ sẽ được Ban Chỉ huy PCCC hoặc các Trưởng Bộ phận liên quan ghi vào Biểu Mẫu Ghi Nhận Thông Tin và Sự không phù hợp và chuyển cho đại diện lãnh đạo phụ trách môi trường.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Đối với mùi từ khu chứa rác sinh hoạt và công trình thu gom xử lý nước thải thì công ty có những biện pháp quản lý như sau:

- Dùng chế phẩm vi sinh phun khử mùi khu chứa rác sinh hoạt và xung quanh khu xử lý nước thải.

- Thường xuyên nạo vét bùn ở tuyến cống thu gom nước thải định kỳ 6 tháng/lần. Đối với tuyến cống thu gom nước mưa thì nạo vét bùn trước khi vào mùa mưa.

- Rác sinh hoạt tại kho chứa được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị thu gom rác vận chuyển đi xử lý hàng ngày tránh tình trạng để lâu gây mùi ảnh hưởng tới môi trường không khí khu vực.

- Thường xuyên xịt rửa nhà chứa rác sinh hoạt cũng như vệ sinh các thùng chứa sạch sẽ.

- Thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ đối với người dân trong dự án.

- Đối với khu dân cư thì khuyến khích các hộ dân giữ gìn vệ sinh chung và sử dụng gas, dần dần chuyển sang dùng bếp điện.

3.8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước, công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Dự án xây dựng chợ và khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh không xả nước thải vào công trình thủy lợi nên chúng tôi không đề xuất nội dung này.

3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Dự án xây dựng chợ và khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh không thuộc đối tượng cải tạo, phục hồi môi trường nên chúng tôi không nêu nội dung này.

3.10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 18/06/2008 và văn bản 4654/STNMT-CCBVMТ ngày 31/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng Chợ và Khu nhà ở Thương mại, tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quang Vinh so thực tế hiện nay cho thấy một số điểm sai khác như sau:

Bảng 3. 10. Những nội dung sai khác so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

Stt	Tên hạng mục	Phương án đã duyệt trong báo cáo ĐTM	Thực tế hiện nay	Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước
1	Công suất hệ thống xử lý nước thải	300 m ³ /ngày	150 m ³ /ngày	Văn bản số 4654/STNMT-CCBVMТ ngày 31/10/2017
2	Công nghệ xử lý nước thải	Công suất HTXL nước thải 300 m ³ /ngày: Nước thải từ dự án → Bể điều hòa có sục khí sơ bộ → Bể oxy hóa hiếu khí → Bể lọc cát → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận	Công suất hệ thống xử lý nước thải 150 m ³ /ngày. Nước thải từ dự án → Song chắn rác → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể lọc áp lực → Thải ra môi trường	
3	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	+ Khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích 10 m ² + Tần suất thu gom 2 lần/ngày	+ Diện tích 3,6x5,6=20,16 m ² . +Tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt 1 lần/ngày	
4	Kho chứa chất thải nguy hại	+ Không đề xuất khu lưu giữ chất thải nguy hại	+ Diện tích 2,2x2,9 = 6,38 m ² .	

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư (thuộc dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh) với lưu lượng 140 m³/ngày.đêm (với hệ số không điều hòa K=2) sau khi xử lý qua hầm tự hoại ba ngăn và vớt dầu mỡ được thu gom theo đường ống HDPE D200-300mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của toàn khu quy hoạch.

Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu chợ Khánh Bình với lưu lượng 9,8 m³/ngày.đêm (với hệ số không điều hòa K=2,2) được thu gom theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của toàn khu quy hoạch.

Nguồn số 3: Nước vệ sinh thùng và sàn khu chứa chất thải rắn sinh hoạt với lưu lượng 0,2 m³/ngày được chảy tràn trực tiếp từ sàn nhà kho chứa chất thải rắn sinh hoạt vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

4.1.2. Dòng nước thải, vị trí xả thải:

4.1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào tuyến cống thoát nước chung trên đường ĐH 418 → suối Cái → sông Đồng Nai.

4.1.2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả thải X = 12.20.400 m, Y = 06.10.022 m (theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

4.1.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải).

– Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn theo cống uPVC D200mm dài 283m ra cống thoát nước chung trên đường ĐH 418, dẫn về suối Cái và cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai theo phương thức dùng bơm công suất 1Hp.

– Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày, liên tục.

– Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 14:2008/BTNMT cột A (K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn các chất ô nhiễm	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1.	pH	–	5-9	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2.	BOD ₅	mg/l	30		
3.	TSS	mg/l	50		
4.	TDS	mg/l	500		
5.	Sunfua	mg/l	1,0		
6.	Amoni	mg/l	5		
7.	Nitrat	mg/l	30		
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	10		
9.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10.	Photphat	mg/l	6		
11.	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000		

4.1.2.4. Công nghệ xử lý nước thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý:

Nước thải → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng → Bể lọc áp lực → môi trường (đầu nối vào đường thoát nước trên ĐH 418).

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Clorin, mật rỉ đường, men vi sinh.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (có 4 vị trí thu gom: Bể thu gom, bể điều hòa, bể Anoxic, bể hiếu khí, bể thiếu khí).

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải có lưu lượng 50 m³/giờ

– Tọa độ vị trí xả thải X = 12.20.568 m; Y = 06.10.178 m (theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

– Phương thức xả thải: Khí thải sau xử lý được dẫn thoát ra ngoài môi trường qua ống thải bằng uPVC có đường kính D=90mm, chiều cao 4,5m (so với mặt đất).

– Chế độ xả khí thải: xả liên tục trong quá trình hoạt động.

– Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 19:2009/BTNMT cột A (Kp=1, Kv=0,8) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn các chất ô nhiễm	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Lưu lượng	M ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	H ₂ S	mg/l	40		
3	NH ₃	mg/l	6,0		

4.2.3. Công nghệ xử lý khí thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý:

Khí thải từ HTXL nước thải → đường ống thu gom → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → môi trường (ống thải có D=90mm, H=4,5m (so với mặt đất)).

- Công suất quạt: 1Hp

- Tháp hấp phụ than hoạt tính: vật liệu tôn mạ kẽm, kích thước: DxRxC = 500x500x300mm; 1 lớp than, chiều cao lớp than 30cm.

- Công suất thiết kế: 50 m³/giờ

- Hóa chất sử dụng: than hoạt tính.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: từ máy móc thiết bị khu xử lý nước thải

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ đại diện X = 12.20.567 m; Y = 06.10.177 m

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

4.3.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

4.3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

4.3.3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1.	Thiết bị điện tử có chứa các linh kiện điện tử, bóng đèn led	Rắn	16 01 13	40 - 200
2.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	70 - 100
3.	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	60 - 80
4.	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	10 - 15
5.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	Lỏng	17 02 03	40 - 60
6.	Hộp mực máy in photo thải	Rắn	08 02 04	3 - 4
7.	Bao bì mềm thải	Lỏng	18 01 01	20 - 30
8.	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	18 01 02	15 - 20
9.	Bao bì cứng bằng nhựa (bao gồm cả thùng nhựa đựng clorin xử lý nước thải)	Rắn	18 01 03	12 - 15
10.	Chất hấp phụ đã qua sử dụng (than hoạt tính)	Rắn	18 02 01	100 - 150
	Tổng khối lượng			370 - 674

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1.	Rác sinh hoạt khu dân cư	10.584
2.	Rác sinh hoạt khu chợ	8.000
3.	Rác quét đường, chăm sóc cây xanh	700
4.	Bùn thải HTXL nước thải	230
5.	Bùn thải nạo vét đường ống thu gom nước mưa, nước thải	700
6.	Váng mỡ thải từ bể tách mỡ	100
	Tổng cộng	20.314

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Công ty TNHH Quang Vinh chọn thời gian vận hành thử nghiệm Dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh là 2 tháng (thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm dự kiến tháng 10/2025 bởi vì thời gian thi công nhà ở dự kiến tháng 9/2025 hoàn thiện, bàn giao và dân bắt đầu vào ở, lúc đó mới có nước thải dẫn về hệ thống để xử lý).

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a) Thời gian và vị trí lấy mẫu:

Bảng 5. 1. Thời gian, vị trí và thông số quan trắc nước thải vận hành thử nghiệm

Hạng mục	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc
HTXL nước thải	3 ngày liên tục trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	01 mẫu trước khi vào HTXL nước thải (bể thu gom) trong ngày lấy mẫu đầu tiên	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, dầu mỡ ĐTV, nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, coliform
		03 mẫu nước thải sau xử lý trong 3 ngày liên tục	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, dầu mỡ ĐTV, nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, coliform

b) Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Dự kiến kết hợp với 1 trong số các công ty sau:

Đơn vị thứ 1:

- Tên đơn vị: Trung tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet.
- Địa chỉ: LL 4A Đường Tam Đảo - Phường 15 - Quận 10 - TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38680842, Fax: (08) 38680869
- Email: trungtamcoshet@gmail.com.

Hoặc một số đơn vị quan trắc khác có đủ năng lực theo quy định hiện hành của pháp luật.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau HTXL nước thải (tại hố ga trước khi đầu nối vào đường ĐH 418).
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, dầu mỡ ĐTV, nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, coliforms.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2011/BTNMT, cột A (K=1).

b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí: Kho chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ chất thải được thu gom, phân loại lưu giữ trong kho chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 5. 2. Kinh phí giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

STT	Chương trình giám sát	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền (VNĐ/năm)
1.	Chi phí phân tích mẫu nước thải	1	3.000.000	4	12.000.000
2.	Nhân công lấy mẫu	1	500.000	4	2.000.000
3.	Chi phí vận chuyển	1	1.500.000	4	6.000.000
4.	Thu thập số liệu, viết báo cáo	1	2.000.000	1	2.000.000
Tổng cộng giám sát hàng năm					22.000.000

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Báo cáo thực hiện đúng theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, các nội dung quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết tính chính xác và độ trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong giấy phép môi trường đã đăng ký.

Trong quá trình hoạt động của chợ và khu nhà ở thương mại, Công ty cam kết toàn bộ chất thải phát sinh phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép trước khi xả ra môi trường. Cụ thể như sau:

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với nước thải: Xây dựng đường ống thu gom nước thải tách biệt với nước mưa và xử lý đạt QCVN 14:2011/BTNMT, cột A (K=1) trước khi xả ra môi trường.

- Chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn khu vực sản xuất đạt QCVN 22:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; TCVN 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Thực hiện nghiêm các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống, khắc phục các sự cố do cháy nổ, các rủi ro và các sự cố môi trường khác.

Công ty cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo, đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Báo cáo với cơ quan cấp phép môi trường khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung giấy phép môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan cấp phép.

Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Thực hiện quan trắc môi trường theo tần suất trong báo cáo và cam kết lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm khi dự án đã đi vào hoạt động.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xảy ra vi phạm liên quan đến công tác thực hiện bảo vệ môi trường của dự án

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700596880

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 09 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 26 tháng 06 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUANG VINH.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLORY CO.,LTD.

Tên công ty viết tắt: GV CO.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 199/F, tổ 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 365 3368

Email: bdsquangvinhd@gmail.com

Fax: 0274 365 3369

Website:

3. Vốn điều lệ

138.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ QUANG VINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/05/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001067016689

Ngày cấp: 14/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ QUANG VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001067016689

Ngày cấp: 14/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: E6 Khu phố 5, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1660 / UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 4 năm 2007

V/v địa điểm đầu tư xây dựng chợ và khu
phố chợ tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên

Kính gửi:

- Công ty TNHH Quang Vinh ;
- Sở Thương mại và Du lịch ;
- UBND huyện Tân Uyên

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quang Vinh tại công văn số 25/CV/2007 ngày 02/4/2007 về việc xin chấp thuận địa điểm đầu tư dự án và xin giao đất, ý kiến của UBND huyện Tân Uyên tại công văn số 567/TTr-UBND ngày 29/3/2007, của Sở Thương mại và Du lịch tại công văn số 103/STMDL-QLTM ngày 03/4/2007 ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Về chủ trương, chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh trụ sở chính tại Tổ 5, ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương được đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ tại địa điểm ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên. Diện tích khoảng 20.137 m², nguồn gốc đất của dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do đơn vị chuyển nhượng, nhằm phục vụ cho hoạt động mua bán của nhân dân trong khu vực. Công văn này thay thế công văn số 5109/UBND-KTTH ngày 24/10/2005 của UBND tỉnh .

- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục có liên quan về đất và đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định hiện hành của nhà nước ./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- LĐVP, Lg;
- Lưu VT. 

CHỦ TỊCH^{tx}



Nguyễn Hoàng Sơn

Số: 2744/SKHĐT-KTĐN

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2020

V/v đề nghị quyết định chủ trương đầu tư
dự án chợ và khu nhà ở thương mại
Công ty TNHH Quang Vinh tại
khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình.

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh của Công ty TNHH Quang Vinh tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên.

Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

- Công ty TNHH Quang Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ tại công văn số 1660/UBND-KTTH ngày 10 tháng 4 năm 2007 chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh được đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên). Diện tích khoảng 20.137m², nguồn gốc đất của dân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do đơn vị chuyển nhượng, nhằm phục vụ cho hoạt động mua bán của nhân dân trong khu vực.

- Ngày 31 tháng 12 năm 2007 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 5903/QĐ-UBND về việc giao đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Quang Vinh để đầu tư xây dựng chợ và khu nhà ở thương mại tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên) tỉnh Bình Dương.

- Ngày 26 tháng 12 năm 2018 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3689/QĐ-UBND về việc giao đất và điều chỉnh hình thức sử dụng đất, diện tích đất, vị trí các loại đất thuộc chợ và khu nhà ở thương mại tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên do Công ty TNHH Quang Vinh là chủ đầu tư.

- Theo báo cáo giải trình của Công ty TNHH Quang Vinh. Đến nay, Công ty đã hoàn thành các thủ tục về đất đai: đã được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch được phê duyệt và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng loại đất theo cơ cấu đã được phê duyệt (98 thửa đất ở và 03 thửa đất thương mại dịch vụ). Tuy nhiên, do bị sai lệch tọa độ các công trình tại dự án trong thi công, đồng thời do Nhà nước quy hoạch mở rộng lộ giới các đường ĐT 746 và đường Khánh Bình 26 nên Công ty xin điều chỉnh lại quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án cho phù hợp hiện trạng.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư năm 2014. Dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh của Công ty TNHH Quang Vinh không có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất, do đó không thuộc trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

- Căn cứ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại công văn số 4293/UBND-KTN ngày 03 tháng 9 năm 2020 “*Từ ngày 10/9/2020, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận xử lý và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ đăng ký đầu tư các dự án nhà ở có chuyển mục đích sử dụng đất*”.

Xuất phát từ các lý do trên, đề nghị Công ty TNHH Quang Vinh liên hệ với Sở xây dựng để được hướng dẫn thủ tục điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 theo quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến Công ty TNHH Quang Vinh để biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Xây dựng;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, TH, ĐKKD, KTĐN (L).



GIÁM ĐỐC

Mai Bá Trước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45³ /QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/01/2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;



Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1660/UBND-KTTH ngày 10/04/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về địa điểm đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên;

Căn cứ Công văn số 2744/SKHĐT-KTĐN ngày 11/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình;

Căn cứ Văn bản số 404/SGTVT-KHTĐ ngày 17/11/2022 của Sở GTVT về việc góp ý hồ sơ điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình;

Căn cứ Văn bản số 5040/SXD-QHKT ngày 24/11/2022 của Sở Xây dựng về việc góp ý điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh;

Căn cứ Văn bản số 4478/STNMT-CCQLĐĐ ngày 02/12/2022 của Sở TN-MT về việc góp ý chuyên môn việc điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình;

Căn cứ Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND huyện Tân Uyên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, xã Khánh Bình-huyện Tân Uyên;

Căn cứ Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình;

Xét Báo cáo số 11/BC-QLĐT ngày 18/01/2023, Tờ trình số 05/TTr-QLĐT ngày 18/01/2023 của Phòng Quản lý đô thị về việc điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, cụ thể như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích khu đất

Không thay đổi so với Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 của UBND thị xã.

2. Nội dung điều chỉnh

a) Điều chỉnh hệ thống giao thông:

- Điều chỉnh thể hiện bổ sung phương án đầu tư giao thông tại các vị trí:
 - + Vị trí đường ĐH.418: đầu tư bề rộng đường từ 7m lên khoảng 15,6m, đầu tư vỉa hè 8m.
 - + Vị trí đường Khánh Bình 66: đầu tư bề rộng đường từ 7m lên khoảng 9,7m và vỉa hè 5m.
- Điều chỉnh tăng bán kính bó vỉa đường nội bộ từ 6m lên 8m.

b) Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất:

Việc điều chỉnh phương án đầu tư giao thông dẫn đến cơ cấu sử dụng đất toàn khu có sự thay đổi (do bổ sung các góc vạt) so với quy hoạch đã được phê duyệt theo Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 và Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007, cụ thể như sau:

- Đất ở giảm diện tích từ 9.088,35m² xuống 9.049,4m² (giảm 38,9m²):
 - + Lô A: có diện tích 1.217,5m² chia thành 10 thửa đất, không thay đổi so với quy hoạch đã được duyệt theo Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 và Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007.
 - + Tại Lô B và Lô C có sự thay đổi do điều chỉnh phương án đầu tư giao thông, cụ thể như sau:
 - Lô B: có diện tích 3.951,2m² chia thành 42 thửa đất (Trong đó thửa đất số 42 thay đổi diện tích từ: 169,6m² xuống 161,6m², giảm 8m²).
 - + Lô C: có diện tích 3.880,7 m² chia thành 46 thửa đất (Trong đó: thửa đất số 41 thay đổi diện tích từ: 128,0m² xuống 120,0m², giảm 8m²; thửa đất số 45 thay đổi diện tích từ: 152,2m² xuống 150,7m², giảm 1,5m²; thửa đất số 46 thay đổi diện tích từ: 160,9m² xuống 139,4m², giảm 21,5m²).
- Đất thương mại dịch vụ giảm diện tích từ 2.228,70m² xuống 2.212,7m²

(giảm $16,0m^2$):

+ Điều chỉnh tầng cao tối đa 2 tầng và mật độ xây dựng tối đa 80% đối với Lô TMDV1 và Lô TMDV2.

+ Điều chỉnh diện tích Lô Sân bãi giảm từ $224,08m^2$ xuống $208,1m^2$, giảm $16,0m^2$ do phương án đầu tư giao thông (bổ sung góc vạt).

- Đất hạ tầng kỹ thuật giảm diện tích từ $205,02m^2$ xuống $197,5m^2$ (giảm $7,5m^2$):

+ Diện tích chức năng không thay đổi so với Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 là đất trạm điện ($26,1m^2$).

+ Điều chỉnh diện tích đất trạm xử lý nước thải giảm từ $178,96m^2$ xuống $171,4m^2$, giảm $7,5m^2$ do phương án đầu tư giao thông (bổ sung góc vạt).

- Đất hạ tầng giao thông tăng diện tích từ $6.454,78m^2$ lên $6.517,2m^2$ (tăng $62,4m^2$):

+ Diện tích chức năng không thay đổi so với Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 là đất hành lang sau nhà ($418,2m^2$).

+ Điều chỉnh diện tích đất giao thông tăng từ $6.036,59m^2$ lên $6.099,0m^2$, tăng $62,4m^2$ do phương án đầu tư giao thông (bổ sung góc vạt).

c) Điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

* Cao độ san nền

- Điều chỉnh san lấp cục bộ phần diện tích $2.448,46 m^2$ phía Đông Bắc dự án.

- Điều chỉnh cao độ đoạn đường D1 (đoạn từ nút số 1 đến nút số 3 bản vẽ san nền) thành 2 đoạn dốc có đỉnh tại nút số 3 giữ nguyên cao độ quy hoạch, vượt dốc từ nút số 3 đến nút số 1; điều chỉnh hạ cốt cao độ tại nút số 1 từ 29,91 xuống thành 28,95 (theo hệ tọa độ VN-2000).

- Điều chỉnh cao độ đoạn đường D3 (đoạn từ nút số 2 đến nút số 4 bản vẽ san nền) thành 2 đoạn dốc có đỉnh tại nút số 4 giữ nguyên cao độ quy hoạch, vượt dốc từ nút số 4 đến nút số 2; điều chỉnh hạ cốt cao độ tại nút số 2 từ 29,32 xuống thành 28,18 (theo hệ tọa độ VN-2000).

* Hệ thống thoát nước mưa

- Bỏ đoạn đầu 3 tuyến cống của đường D1 và D3, riêng tuyến cống bên phải đường D3 sẽ bỏ hoàn toàn và thay bằng hố thu và cống băng đường.

- Bổ sung 1 tuyến cống BTCT D500 phía bắc dự án và đầu nối ra hố ga hiện hữu trên đường Khánh Bình 66. Như vậy dự án sẽ chia làm hai lưu vực, lưu vực 1 đầu về đường ĐH.418 như đã duyệt và lưu vực 2 đầu về đường Khánh Bình 66.

* Hệ thống thoát nước thải

- Điều chỉnh thay đổi đường kính ống thoát nước thải D300 thành D200

trên trục đường D1 phía Tây Bắc dự án để phù hợp với nhu cầu thoát nước.

- Điều chỉnh bố trí lại bằng đoạn ống D300 dọc trên vỉa hè đường D3 thành dọc theo hành lang kỹ thuật sau các dãy nhà.

- Ống thoát nước thải sử dụng vật liệu HDPE.

3. Thành phần hồ sơ:

- Thuyết minh điều chỉnh cục bộ.

- Thành phần bản vẽ:

+ Bản vẽ so sánh giữa điều chỉnh quy hoạch và quy hoạch được duyệt.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500;

+ Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan;

+ Bản đồ quy hoạch chia lô, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch cao độ nền, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống chiếu sáng, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật tỷ lệ 1/500;

- đĩa CD lưu toàn bộ thành phần hồ sơ.

4. Các nội dung khác: Vẫn giữ theo Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 của UBND thị xã Tân Uyên.

Điều 2: Sau khi điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên được phê duyệt, Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn có trách nhiệm:

1. Chủ đầu tư

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp các nội dung, văn bản, số liệu không trung thực, sai lệch làm ảnh hưởng đến kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật của đồ án này.

- Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình thuộc dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Thực hiện đúng các quy định về môi trường.

- Trình cấp có thẩm quyền thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định.

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

- Việc đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án và hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực phải đồng bộ. Đề nghị Chủ đầu tư khi triển khai các công trình hạ tầng kỹ thuật, hồ sơ thiết kế kỹ thuật (hồ sơ thiết kế san nền, giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc,...) phải được các cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý chuyên ngành thỏa thuận về đầu nối và có ý kiến thẩm định.

- Trong quá trình thi công xây dựng công trình và sau khi hoàn thành đưa vào hoạt động, Chủ đầu tư, các đơn vị trong khu quy hoạch và các hộ dân phải có những biện pháp để hạn chế ô nhiễm về bụi và tiếng ồn, chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành.

- Khi triển khai thiết kế kiến trúc các công trình ngoài dân dụng và các công trình công cộng phải đảm bảo các yêu cầu của Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các quy định về đầu tư xây dựng hiện hành.

- Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật Đất đai.

- Thực hiện báo cáo tiến độ thực hiện dự án hàng tháng, hàng quý và năm theo quy định.

- Công bố quy hoạch, triển khai thực hiện dự án đúng theo trình tự xây dựng cơ bản và các quy định hiện hành, chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày ký Quyết định phê duyệt quy hoạch.

2. Đơn vị tư vấn

- Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng và các số liệu tính toán trong thuyết minh quy hoạch. Cá nhân người chủ trì và các kỹ sư thiết kế hạ tầng kỹ thuật phải chịu trách nhiệm cá nhân về tính đúng đắn và các giải pháp kỹ thuật, tính chính xác và độ tin cậy của các số liệu phục vụ khảo sát, thiết kế những quy định về kỹ thuật bản vẽ và khái toán.

- Phải thực hiện giám sát tác giả và giải thích những vướng mắc, giải quyết hoàn tất những sai sót giữa hồ sơ thiết kế và thực tế triển khai (nếu có),

đồng thời chịu trách nhiệm về các ý kiến, kết luận khi tham gia các nội dung trên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài nguyên Môi trường, Chủ tịch UBND phường Khánh Bình, Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /: 

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, (D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng Tươi



QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết Chợ và Khu nhà ở thương mại
Công ty TNHH Quang Vinh, xã Khánh Bình – huyện Tân Uyên.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật xây dựng năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND, ngày 4/4/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phân cấp thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 68/2006/QĐ-UBND, ngày 20/03/2006 về việc phê duyệt quy hoạch vùng tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đô thị huyện, và báo cáo thẩm định số 22/BCTĐ-QLĐT, ngày 29/06/2007 về việc thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh, xã Khánh Bình- huyện Tân Uyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết chợ và khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh, địa chỉ ấp 1 - xã Khánh Bình - huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

A./ TÍNH PHÁP LÝ:

1./ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4062001234 do sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương cấp cho công ty TNHH Quang Vinh ngày 27/09/2004.

3./ Công văn số 103/STMDL-QLTM ngày 03/04/2007 của Sở Thương mại – Du lịch Bình Dương về việc đổi chủ đầu tư dự án chợ Khánh Bình;

4./ Công văn số 1660/UBND-KTTH ngày 10/04/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng chợ và khu phố chợ tại ấp 1, xã Khánh Bình huyện Tân Uyên;

5./ Biên bản cuộc họp thông qua quy hoạch dự án đầu tư xây dựng chợ và phố chợ Khánh Bình ngày 08/06/2006 và ngày 15/07/2006,

B. NỘI DUNG THIẾT KẾ :

Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết bao gồm: (theo Thông tư số 15/TT-BXD ngày 19/8/2005 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch xây dựng)

- + 1/22 Quy hoạch cơ cấu và phương án so sánh TL1/1000
- + 2/22 Bản đồ hiện trạng sử dụng đất TL1/500
- + 3/22 Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật TL1/500
- + 4/22 Bản đồ quy hoạch san nền TL1/500
- + 5/22 Bản đồ quy hoạch phân lô TL1/500
- + 6/22 Bản đồ quy hoạch cảnh quan TL1/500
- + 7/22 Bản đồ quy hoạch chỉ giới xây dựng TL1/500
- + 8/22 Bản đồ quy hoạch kiến trúc không gian TL1/500
- + 9/13 Mặt bằng cấp điện tổng thể TL1/500
- + 10/22 Hệ thống thông tin liên lạc TL1/500
- + 11/22 Mặt bằng quy hoạch tổng thể giao thông TL1/500
- + 12/22 Mặt bằng hệ thống chống sét TL1/500
- + 13/22 Mặt bằng cấp nước tổng thể TL1/500
- + 14/22 Mặt bằng thoát nước mưa TL1/500
- + 15/22 Mặt bằng thoát nước bẩn TL1/500
- + 16/22 Mặt bằng hệ thống cấp nước chữa cháy TL1/500
- + 17/22 Mặt bằng tổng hợp đường dây đường ống TL1/500
- + 18/22 Mặt bằng lòng chợ TL1/100
- + 19/22 Mặt đứng và mặt cắt chợ TL1/100
- + 20/22 Nhà phố điển hình TL1/00
- + 21/22 Mặt bằng chợ ngoài trời TL1/100
- + 22/22 Sơ đồ vị trí khu đất TL1/2000
- + Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chi tiết.

1. Mục tiêu:

- Việc đầu tư xây dựng chợ – phố chợ Khánh Bình là để đáp ứng kịp thời các nhu cầu của người dân, góp phần tích cực trong việc giải quyết áp lực về thiếu điểm buôn bán, sinh hoạt tại địa phương. Ngăn ngừa được tình trạng xây dựng tự phát, thiếu quy hoạch. Tạo nên một khu phố kiểu mẫu đạt tính thẩm mỹ cao của cảnh quan đô thị, góp phần xây dựng nếp sống mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho một số lượng lớn công nhân tại các khu công nghiệp lân cận và một số cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH Quang Vinh.

- Đầu tư xây dựng chợ và phố chợ Khánh Bình còn nhằm vào mục đích tái định cư, ổn định đời sống cho một số hộ phải di dời, giải tỏa trong quá trình công nghiệp hóa và chỉnh trang đô thị của Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Tại huyện Tân Uyên, tập

trung một số lượng lớn người lao động có thu nhập trung bình và thấp. Vì thế, có được một lô đất ở và nhà ở hợp pháp phù hợp với kinh tế gia đình, thuận tiện trong sinh hoạt là nhu cầu bức xúc và cũng là mối quan tâm hàng đầu của người lao động trong đời sống hàng ngày.

2. Vị trí, ranh giới khu vực quy hoạch:

Khu đất quy hoạch Khu Nhà Ở Thương Mại Khánh Bình tọa lạc tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vị trí này có những đặc trưng sau:

- Cách trung tâm thị trấn Uyên Hưng khoảng 03 km
- Cách trung tâm thị xã Thủ Dầu Một khoảng 10 km
- Cách quốc lộ 13 khoảng 10 km

Có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường đất đỏ hiện trạng.
- Phía Nam giáp đường ĐH 418 – đường đất đỏ.
- Phía Tây giáp khu công nghiệp.
- Phía Đông giáp khu công nghiệp.

Diện tích toàn bộ khu đất quy hoạch là 20.137,9 m²

3. Cơ cấu tổ chức không gian và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Các thông số về quy hoạch:

Chợ và khu nhà ở thương mại tại ấp 1 xã Khánh Bình được đầu tư xây dựng với các yêu cầu thiết kế sau:

- | | |
|--|------------------------------------|
| • Diện tích Sử dụng | : 20.137m ² |
| • Diện tích xây dựng nhà lồng chợ | : 1401m ² / 88 quầy sạp |
| • Diện tích chợ ngoài trời | : 422m ² |
| • Số lô nhà phố chợ dự kiến | : 98 (lô/hộ 4 người) |
| • Dân số quy hoạch dự kiến cho khu phố chợ | : 400 người |
| • Mật độ dân số | : 200 người /ha |
| • Đất dân dụng bình quân | : 20-30m ² /người |

Tiêu chuẩn đất ở:

Đất được chia thành các loại lô ở khác nhau, thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:

- Lô đất phố chợ có chiều rộng mặt tiền $\geq 5m$. Chiều dài lô đất ở $\leq 30m$
- Lô đất phố chợ có diện tích trung bình từ 80m² đến 150m²

- Đất phố chợ được chia thành nhiều lô với các hướng khác nhau, tiện lợi cho nhiều người. Lô đất nhà phố chợ phải thuận tiện trong giao thông và sinh hoạt của người dân.

Các thông số kỹ thuật chủ yếu

- Tiêu chuẩn giao thông : $15,6\text{m}^2/\text{người}$
- Nước sinh hoạt : 100-250 lít /ngày /người
- Điện sinh hoạt : 700 - 1000 kwh/người /năm
- Cấp công trình chợ : Công trình cấp III (Theo bản phân cấp công trình ban hành kèm theo nghị định số 209/NĐ-CP ngày 16/12/2004).
- Cấp công trình nhà phố : Cấp IV

Đối tượng sử dụng :

Chợ - khu nhà ở thương mại ấp 1 - xã Khánh Bình mang tính đô thị với cơ sở kỹ thuật đồng bộ sẽ cung cấp nhiều khả năng chọn lựa cho hầu hết các đối tượng xã hội trong tỉnh Bình Dương

Tính chất Khu Nhà Ở Thương Mại Khánh Bình:

Là nơi định cư, trao đổi, buôn bán hàng hóa phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt của cư dân trong xã Khánh Bình và khu vực lân cận.

Về quy mô phát triển:

Tổng diện tích tự nhiên của khu Nhà Ở Thương Mại Khánh Bình là $20.137,9\text{ m}^2$.

Về cơ cấu sử dụng đất quy hoạch Khu Phố Chợ Khánh Bình:

- Đất ở	: $9280,7\text{ m}^2$, chiếm 46,1% DT khu đất.
- Đất giao thông	: $3805,56\text{ m}^2$, chiếm 18,9% DT khu đất.
- Đất sân bãi	: $4440,53\text{ m}^2$, chiếm 22,04% DT khu đất.
- Đất thương mại, dịch vụ	: $1879,03\text{ m}^2$, chiếm 9,33 % DT khu đất.
- Đất công trình kỹ thuật	: $109,85\text{ m}^2$, chiếm 0,56 % DT khu đất.
- Đất cây xanh công viên	: $614,72\text{ m}^2$, chiếm 3,05% DT khu đất.
Tổng cộng	: 100% DT khu đất bằng $20.137,9\text{ m}^2$.

Bố trí tổng thể mặt bằng:

- Trục giao thông chính vào Khu Nhà Ở Thương Mại Khánh Bình là đường D1.
- Bố trí các lô nhà phố ở đầu vào Khu Nhà Ở Thương Mại.
- Bố trí nhà lồng chợ ở phía Nam khu đất.
- Bố trí khu xử lý nước thải ở phía Đông Nam khu đất (địa hình thấp nhất toàn khu và tiếp cận gần nguồn thoát nước).
- Tạo các mảng cây xanh, công viên tập trung tại những vị trí thích hợp theo đặc điểm của khu đất.

- Dạng lô nhà phố có kích thước mặt bằng $\geq 5\text{m}$. Chiều dài lô đất $\leq 30\text{m}$.
- Lô đất khu nhà phố có diện tích trung bình từ 80m^2 - 150m^2

Tổ chức không gian qui hoạch kiến trúc :

Quy hoạch không gian kiến trúc được tổ chức theo dạng phân lô. Các mảng cây xanh bố trí theo dọc các tuyến đường và một khu cây xanh tập trung tạo cảnh quan xanh sạch đẹp cho khu phố.

Các tiêu chuẩn xây dựng và tầng cao xây dựng:

- Khối công trình công cộng có tầng cao: 1 tầng.
- Khối công trình thương mại có tầng cao: 1 tầng.
- Các nhà lô phố có tầng cao: 2-4 tầng, diện tích xây dựng đạt trên 90% diện tích lô đất.

Về quy hoạch giao thông:

Đường giao thông được thiết kế theo tiêu chuẩn đường trong khu dân cư, đường cấp 4, tốc độ 40 Km/h. Kết cấu mặt đường là bê tông nhựa nóng. Vĩa hè bằng gạch -tự chèn.

Bình đồ tuyến:

Bình đồ tuyến theo trục quy hoạch khu dân cư. Tổng chiều dài đường giao thông là 547m, trong đó:

- | | | |
|----------------|-------------------|-----------|
| - Đường số D1: | Mặt cắt ngang 1-1 | dài 251m. |
| - Đường số D2: | Mặt cắt ngang 2-2 | dài 43m. |
| - Đường số D3: | Mặt cắt ngang 3-3 | dài 155m. |
| - Đường số D4: | Mặt cắt ngang 4-4 | dài 98m. |

Trắc dọc tuyến:

Cao độ san nền là bằng phẳng, nên cao độ thiết kế trắc dọc đường $i = 0.2 - 0.4\%$

Trắc ngang:

a/ Mặt cắt đường số 1: Mặt đường rộng 8m, lề đường (kể cả bó vỉa) rộng 3 m x 2 bên. Độ dốc ngang mặt đường 2%.

b/ Mặt cắt đường số 2: Mặt đường rộng 6m, lề đường (kể cả bó vỉa) rộng 3 m x 2 bên. Độ dốc ngang mặt đường 2%.

c/ Mặt cắt đường số 3: Mặt đường rộng 6m, lề đường (kể cả bó vỉa) rộng 3 m x 2 bên. Độ dốc ngang mặt đường 2%.

d/ Mặt cắt đường số 4: Mặt đường rộng 6m, lề đường (kể cả bó vỉa) rộng 3 m x 2 bên. độ dốc ngang mặt đường 2%.

Kết cấu nền, mặt đường:

- Nền đường được san lấp, đắp bằng đất cấp phối chọn lọc đến cao độ thiết kế nền.

- Đắp đất cấp C3(sỏi đỏ) dày 20cm, $K \geq 0.98$, $E_{dh} \geq 850\text{Kg/cm}^2$.

- Trãi cán đá 0x4 dày 20cm, $K \geq 0.98$, $E_{dh} \geq 1450 \text{Kg/cm}^2$.
- Bê tông nhựa chặt C20(BTNC20) dày 4cm, $K = 0.99$, trên lớp nhựa tưới lót tiêu chuẩn $1,0 \text{ Kg/m}^2$, $E_{dh} \geq 1550 \text{Kg/cm}^2$
- Bê tông nhựa chặt C10(BTNC10) dày 3cm, $K = 0.99$, Trên lớp nhựa tưới lót tiêu chuẩn 0.5Kg/m^2 .

Kết cấu vỉa hè và bó vỉa:

- Hè đường lát gạch bê tông tự chèn (gạch Block).
- Lớp đệm cát dày 04cm.
- Lớp sỏi đỏ dày 15cm, $K \geq 0.98$
- Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M200.

Cung cấp biển báo:

- Cung cấp và trồng biển báo phản quang tại các ngã ba, ngã tư, giao nhau với đường ưu tiên.

Quy hoạch chuẩn bị đất xây dựng:

San nền:

- Khu đất nằm trong vùng địa chất tốt, hiện trạng khu đất không bằng phẳng. Tuy nhiên, do khu đất có độ cao, cao hơn mặt đường ĐH 418 nên san nền chủ yếu là đào, tạo độ dốc từ Bắc sang Nam với dốc 0.2 – 0.4% hướng thoát nước tự nhiên ra trục đường ĐH 418. Cao độ san nền trung bình là 28.70m trở lên.
- Khối lượng đất đào san nền là: 11298.8m^3 .
- Khối lượng đắp đất: 2418.7m^3 .

Thoát nước mưa:

Nước mưa được thu theo đường các hồ ga và thoát theo các ống bê tông cốt thép đổ ra hệ thống thoát nước chung theo trục đường ĐH 418.

Hệ thống thoát nước mưa cho khu nhà ở thương mại Khánh Bình chủ yếu là hệ thống cống kín tròn bằng BTCT đặt dưới hè đường, tùy theo các vị trí có đường kính $D = 500$; $D = 600$.

Quy hoạch cấp nước:

a/ Hệ thống cấp nước sinh hoạt

Nhu cầu dùng nước của Chợ và Khu Nhà Ở Thương Mại Khánh Bình khoảng $154.7 \text{m}^3/\text{ngày}$. Nguồn nước, trước mắt sử dụng từ nguồn nước giếng khoan công nghiệp, khi nhà máy nước Tâm Vĩnh Hiệp đi vào hoạt động thì sẽ sử dụng từ nguồn nước này.

Mạng lưới đường ống cấp nước chung cho Khu phố chợ Khánh Bình là tuyến ống $D = 42-114$ khép kín và cấp liên tục trong toàn khu.

b/ Hệ thống cấp nước chữa cháy:

Dựa vào các tuyến ống cấp nước sinh hoạt cho cả khu. Bố trí 6 trụ lấy nước chữa cháy cho toàn khu. Ngoài ra, khi có sự cố cháy cần phải gọi xe chuyên dùng hỗ trợ. Riêng khu nhà lồng chợ có hệ thống chữa cháy riêng để đảm bảo xử lý nhanh nhất và có hiệu quả nhất.

Quy hoạch nước thải và vệ sinh môi trường:

- Tổng lượng nước thải khoảng $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Tất cả các khu vệ sinh trong mỗi hộ và các khu khác đều phải có bể tự hoại 3 ngăn theo đúng qui cách và xử lý trước khi cho chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Yêu cầu nước thải sau khi xử lý, trước khi thoát vào hệ thống chung phải bảo đảm loại A theo tiêu chuẩn TCVN 5945-1995 và nồng độ các chất bẩn không được vượt quá giới hạn cho phép ghi trong cột B bảng 1-TCVN 5945-1995.
- Tổng lượng rác thải toàn chợ và khu nhà phố là: $760\text{kg}/\text{ngày}$.
- Rác thải phải được phân loại trong từng căn hộ trước khi cơ quan có chức năng đến thu gom mỗi ngày và vận chuyển đến nơi xử lý. Mật độ thu gom 100%.

Quy hoạch cấp điện:

- Tổng công suất điện yêu cầu cho khu nhà ở thương mại Khánh Bình khoảng 150KVA.
- Nguồn điện được lấy từ đường dây đã lắp đặt dọc trục đường ĐH 418.
- Bố trí một trạm hạ thế 180KVA để cung cấp điện cho toàn khu vực quy hoạch.

Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nhu cầu thông tin liên lạc khoảng 100 máy cố định.
- Mạng lưới thông tin liên lạc của khu phố chợ Khánh Bình được bố trí trên cột điện bê tông ly tâm của hệ thống chiếu sáng.

4. Tổ chức không gian kiến trúc nhà ở

Quy định chung:

Chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ: tính từ trục đường đến chân công trình. Không có bộ phận nào của nhà vượt quá chỉ giới đường đỏ (kể cả bộ phận ngầm dưới mặt đất).

Độ vượn ban công: 1m tính từ chỉ giới xây dựng.

Bậc thềm, vệt dẫn xe: không được nhô ra quá 1m so với chỉ giới xây dựng.

Đường ống đứng thoát nước mưa: không được nhô ra quá 0,2m so với chỉ giới xây dựng, đồng thời phải làm hộp gain.

Quy định cụ thể:

- Đường ĐH 418: 17,2m
- Đường D 1: 8,2m
- Đường D 2: 7,2m

- Đường D 3: 7,2m

- Đường D 4: 7,2m

Tầng cao xây dựng: Tầng cao xây dựng: 1 trệt + 1 lầu đến 3 lầu

Cao độ nền: +0,450 tính từ mặt vỉa hè đã hoàn thiện đến mặt nền tầng trệt.

Cao độ tầng lầu: +3.800 tính từ nền tầng trệt đến sàn lầu 01.

Cao độ sàn mái: +7.600 tính từ nền đến sàn mái.

Về giải pháp kết cấu xây dựng nhà ở:

Để xử lý phần móng công trình không vượt quá chỉ giới đường đỏ, giải pháp móng được chọn theo dọc con-sole hoặc móng "chân vịt".

Các nhà liên kế phải thi công dạng móng chân vịt, móng bè, móng băng, hoặc móng con-sole. Trường hợp có móng cọc, chỉ được sử dụng cọc ép hoặc cọc khoan nhồi.

Biện pháp chống sạt lở khi thi công móng: Trường hợp hai nhà liên kế không xây dựng cùng lúc, nhà thi công sau phải có biện pháp xử lý nền móng thật tốt để tránh tình trạng làm sạt lở nhà liên kế. Có thể tham khảo giải pháp thi công như sau: gia cố vách nền nhà liên kế bằng cừ tràm, mép ngoài móng cách ranh 0,5m và đưa con-sole ra ngoài cột.

Quy định về cấp nước và PCCC:

Chủ hộ có trách nhiệm liên hệ Công ty Cấp thoát nước của tỉnh Bình Dương để hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt. Trong trường hợp chưa có hệ thống cấp nước chung khu vực, chủ hộ có trách nhiệm xin với sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để sử dụng nguồn nước ngầm trong khu vực quy hoạch.

Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đào, đấu nối hệ thống nước trong khu dân cư.

Vị trí đặt sump trên mái nhà buộc phải đặt ở vị trí $\frac{1}{2}$ chiều dài phía sau nhà.

Chủ đầu tư khu dân cư có trách nhiệm lắp đặt các họng cứu hỏa dọc theo các trục đường giao thông chính để phòng và chữa cháy cho toàn khu dân cư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thoát nước:

Thoát nước mưa: nước mưa không được xả trực tiếp lên vỉa hè, đường phố mà phải theo hệ thống ống, cống ngầm từ nhà ra hố ga và chảy về hệ thống thoát nước đô thị.

Thoát nước thải: nước thải từ các khu vệ sinh của các hộ dân trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung phải được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn theo đúng quy cách.

Bể tự hoại: xây dựng đúng quy cách và phải đủ dung tích để xử lý chất thải cho từng hộ gia đình.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại sẽ được đấu nối vào hệ thống cống thoát nước thải sinh hoạt; nước mưa phải được tách riêng và đấu nối vào hệ thống đường cống thoát nước mưa. Trường hợp chưa có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, toàn bộ nước thải sinh hoạt của hộ gia đình phải qua bể tự hoại rồi mới cho thấm tại hố

thấm riêng. Việc xây dựng hồ thấm phải lưu ý đến việc đầu nối nước thải từ bể tự hoại vào cống thoát nước sau này.

Cấp điện và an toàn điện:

Chủ hộ phải liên hệ với Công ty Điện lực để được hợp đồng cung cấp điện. Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý đầu nối với hệ thống điện trong khu dân cư.

Khoảng cách tối thiểu từ mép ngoài dây điện trung thế đến mép ngoài công trình là 2,0 m.

Khoảng cách tối thiểu từ mép ngoài dây điện hạ thế đến mép ngoài công trình là 1,0 m.

Dây dẫn (dây bọc) đặt hở dọc theo công trình phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu như sau:

Cao hơn ban-công, mái nhà 2,5 m.

Cách ban-công 1,0 m.

Trường hợp chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ, khi xây dựng công trình phải đảm bảo khoảng cách an toàn lưới điện hạ thế:

Dây bọc: Cách 1,0 m tính từ mép ngoài của dây đến mép ngoài công trình theo chiều thẳng đứng.

Dây trần: Cách 2,0 m tính từ mép ngoài của dây đến mép ngoài công trình theo chiều thẳng đứng.

Điện chiếu sáng, cây xanh đường phố, vỉa hè

Điện chiếu sáng:

Chủ đầu tư khu dân cư phối hợp với cơ quan quản lý điện đảm bảo cung cấp hệ thống điện chiếu sáng theo quy hoạch khu dân cư. Trường hợp hư hỏng, chủ hộ lân cận phải báo ngay cho cơ quan chức năng để sửa chữa. Nghiêm cấm các hành vi tự ý leo trèo hoặc sử dụng trụ điện chiếu sáng vào mục đích khác.

Cây xanh đường phố:

Cây xanh đường phố trong khu dân cư do chủ đầu tư khu dân cư trồng, chăm sóc, bảo quản và hưởng lợi. Người dân có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đường phố. Không được chặt phá cây; khi có kẻ gian phá hoại, cần phải báo ngay với chủ đầu tư để xử lý kịp thời.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc đốn mé, tỉa cành cây xanh để bảo vệ an toàn nhà cửa và các công trình kỹ thuật.

Nghiêm cấm các trường hợp sau đây làm thiệt hại đến cây xanh khu dân cư:

- Đào bới, đốt rác ở gốc cây.
- Tiêu tiện ở gốc cây.
- Bẻ cành, lột vỏ cây, đóng đinh, đóng bảng quảng cáo vào cây xanh.
- Đốn hạ cây xanh.

- Và những hành vi khác làm thiệt hại hoặc ảnh hưởng đến sự phát triển của cây.

Khuyến khích các hộ trồng cây xanh trên ban công, lô gia, sân trước, sân sau, ... nhằm cải thiện môi trường và cảnh quan.

Via hè:

Via hè trong khu dân cư dùng để đi bộ và bố trí các công trình kỹ thuật đô thị.

Via hè do chủ đầu tư thực hiện, bảo quản và hưởng lợi.

Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm hoặc sử dụng sai mục đích.

Về an toàn giao thông đô thị:

Công trình xây dựng, cây xanh không được hạn chế tầm nhìn và che khuất các biển báo, tín hiệu điều khiển giao thông. Cây trồng trong sân phải là cây xanh thấp.

Vật góc tại ngã 3, ngã 4: kích thước vật góc là 4 m x 4 m tính từ giao điểm của hai chỉ giới đường đỏ. Kể từ tầng 2 trở lên có thể dùng đường cong tiếp xúc thay cho đường thẳng.

Xử lý rác và vệ sinh môi trường:

Rác thải:

Toàn khu sẽ bố trí các thùng chứa rác tại các vị trí thích hợp thu gom rác thải.

Các hộ trong khu dân cư có trách nhiệm hợp đồng với cơ quan vệ sinh đô thị để vận chuyển rác thải sinh hoạt của từng hộ gia đình đến nơi hợp lý.

Nghiêm cấm mọi hành vi đổ rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan khu dân cư.

Môi trường:

Không được thường xuyên xả khói, khí thải gây khó chịu cho cư dân xung quanh. Miệng xả ống khói, ống thông hơi không được hướng ra đường phố, nhà xung quanh. Ống thoát hơi có đường kính tối thiểu 160 mm, vị trí miệng ống thoát hơi phải đặt phía sau nhà, cách vị trí cao nhất của mái nhà tối thiểu 1,0 m.

Máy lạnh, nếu đặt ở mặt tiền, phải đặt ở độ cao trên 2,7 mét và không xả nước trực tiếp lên vỉa hè, mặt đường.

Quy định các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường khi thi công

Lựa chọn thiết bị thi công thích hợp để tránh rung động, khói bụi và tiếng ồn đối với các hộ cư dân xung quanh.

Trong quá trình thi công phải trang bị hệ thống che chắn công trình, tránh bụi và vật rơi từ trên cao xuống, tránh xả khói bụi vào môi trường xung quanh.

Thầu xây dựng phải tổ chức các bãi tập kết vật tư, không được đổ tràn lan trên vỉa hè và đường phố, phải bảo vệ vỉa hè tại các khu vực nhà xây dựng.

Các loại đất, cát, xà bần phát sinh trong quá trình thi công phải được vận chuyển ngay đến nơi tập kết.

Trong quá trình vận hành máy móc thiết bị thi công phải hạn chế tiếng ồn, không cho phép vượt quá quy định tiếng ồn trong khu dân cư.

Mỹ quan đô thị
Mặt tiền nhà, biển quảng cáo không được sử dụng vật liệu có độ phản quang lớn hơn 70%.

Không sử dụng hình thức kiến trúc chắp vá, vật liệu tạm, vật liệu thô sơ.

Mặt ngoài nhà không được sơn quét các màu đen, màu tối sẫm và trang trí các chi tiết phản mỹ thuật.

Mặt tiền không được bố trí sân phơi quần áo.

Hàng rào trước nhà phải có hình thức kiến trúc gọn nhẹ, thoáng, mỹ quan.

Khoảng lùi công trình không được tận dụng xây dựng bất cứ công trình nào ngoại trừ sân, vườn hoa, tiểu cảnh.

5. Tổ chức thực hiện :

Nguồn vốn đầu tư :

vốn 100% của Công ty TNHH Quang Vinh.

Mốc thời gian thực hiện :

+ Tháng 05/2007- tháng 11/2007 khảo sát lập và trình duyệt quy hoạch chi tiết.
+ Tháng 11/2007 hoàn chỉnh thủ tục pháp lý về đất; lập trình duyệt thiết kế cơ sở.
thi công cơ sở hạ tầng

+ Tháng 05/2008 hoàn thành cơ sở hạ tầng và giao đất cho các hộ xây dựng.

Hồ sơ thiết kế đô thị của khu vực quy hoạch được quy định, cụ thể hóa, minh họa bằng các bản vẽ, hình ảnh và trong Quy chế quản lý đầu tư xây dựng khu dân cư Công ty TNHH Quang Vinh, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương kèm theo hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng.

Điều 2. Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện theo quy hoạch chi tiết và quy chế quản lý xây dựng, báo cáo đánh giá tác động môi trường của toàn khu nhằm đưa ra biện pháp xử lý thích hợp, đảm bảo điều kiện vệ sinh cho cả khu vực bên trong lẫn bên ngoài, thỏa thuận với cơ quan phòng cháy chữa cháy trang bị hệ thống chữa cháy đúng quy định, tiến hành triển khai thực hiện dự án “khu nhà ở thương mại” đúng theo trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng huyện, HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Quản lý Đô thị huyện, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường, Chủ tịch UBND xã Khánh Bình, Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.



Võ Văn Danh

Cty Quang Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *3073*/UBND-KTTH

Tân Uyên, ngày 31 tháng 8 năm 2016

V/v điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Chợ và Khu nhà ở Thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên).

Kính gửi:

- Phòng Quản lý đô thị;
- UBND phường Khánh Bình;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư 07/2008/TT-BXD ngày 09/04/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/08/2010 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Xét Tờ trình số 135/TTr-QLĐT ngày 29/8/2016 của Phòng Quản lý đô thị về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở Thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình,

Chủ tịch UBND thị xã có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh được điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Chợ và Khu nhà ở Thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình. Đề nghị Công ty liên hệ với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo để trình thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án theo đúng quy định.

2. Giao Phòng Quản lý đô thị, UBND phường Khánh Bình theo dõi, quản lý việc thực hiện dự án trên của Công ty TNHH Quang Vinh theo quy định. *me*

Nơi nhận: *h*

- CT, PCT;
- Như trên;
- LĐVP;
- Lưu: VT, (D).



NGUYỄN THỊ KIM MAI

Số: 7064 /QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 15 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét Tờ trình số 70/TTr-QV ngày 11/08/2017 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc trình phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương,

Xét Báo cáo số 116/BC-QLĐT ngày 30/8/2017 và Tờ trình số 165/TTr-QLĐT ngày 30/8/2017 của Phòng Quản lý đô thị về việc thẩm định và phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án và Chủ đầu tư:

- Tên dự án: Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quang Vinh.

- Địa điểm xây dựng: phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch phát triển đô thị Bình Dương.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất:

Khu đất đầu tư xây dựng tọa lạc tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, tứ cận như sau:

- Bắc giáp: đường Khánh Bình 66 (đường đất đỏ lộ giới 10m).

- Nam giáp: đường ĐH 418 (lộ giới 13m).

- Đông giáp: xí nghiệp sản xuất.

- Tây giáp: xí nghiệp sản xuất.

Quy mô diện tích điều chỉnh: 20.023,40 m².

Dân số: khoảng 392 người.

Tính chất khu vực quy hoạch: Là nơi trao đổi, buôn bán hàng hóa phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt của cư dân trong phường Khánh Bình và khu vực lân cận.

3. Nội dung điều chỉnh:

Tuân theo Quy hoạch đã được UBND huyện Tân Uyên (trước đây) phê duyệt tại Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007, chỉ điều chỉnh lại một số nội dung phù hợp với thực tế như sau:

3.1 Ranh giới:

Tổng diện tích đất theo quy hoạch được duyệt là: 20.137,9 m². Diện tích điều chỉnh quy hoạch 20.023,40 m² (giảm 114,50 m² so với quy hoạch được duyệt).

3.2 Sử dụng đất:

a. Đất ở:

Điều chỉnh giảm tổng quy mô diện tích toàn khu so với quy hoạch được duyệt do cập nhật quy định về hành lang an toàn đường bộ và ranh giới có sự thay đổi.

b. Đất thương mại dịch vụ:

Cập nhật đoạn mái che nhà lồng chợ đã được đầu tư trên đất thương mại dịch vụ.

Điều chỉnh diện tích đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Nam khu quy hoạch thành đất thương mại dịch vụ.

c. Đất cây xanh:

Điều chỉnh giảm quy mô diện tích so với quy hoạch được duyệt nhưng vẫn

đảm bảo chỉ tiêu cây xanh trong nhóm ở $\geq 1\text{m}^2/\text{người}$.

d. Đất hạ tầng kỹ thuật:

Điều chỉnh thay đổi vị trí trạm xử lý nước thải trên đoạn đường D4 chuyển về vị trí đất cây xanh trên đoạn đường D3 phía Đông Bắc khu đất, đồng thời giảm diện tích đất bãi xe do cập nhật đất hành lang an toàn đường bộ (đường ĐH 418). Bố trí khu tập kết rác kế bên trạm xử lý nước thải.

Bảng 1. Bảng cơ cấu sử dụng đất sau điều chỉnh

STT	LOẠI ĐẤT	CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT				HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO XD (tầng)	TỶ LỆ (%)	
		Diện tích (m ²)	Số thửa	Dân số (người)	Chỉ tiêu (m ² /ng)					
A	ĐẤT DÂN DỤNG	18.393,61			46,92				100	91,86
1	Đất ở (phổ chợ)	9.088,35	98	392	23,18				49,41	45,39
	Lô A	1.217,52	10	40		$\leq 3,5$	≤ 95	2-4		
	Lô B	3.959,15	42	168		$\leq 3,5$	≤ 88	2-4		
	Lô C	3.911,68	46	184		$\leq 3,5$	≤ 92	2-4		
2	Đất thương mại dịch vụ	2.228,70			5,69				12,12	
	Đất nhà lồng chợ	1.608,25				$\leq 1,2$	≤ 60	≤ 2		
	Đất bãi xe trong chợ	224,08								
	Đất kiot	396,37				$\leq 0,9$	≤ 40	$\leq 1,5$		
3	Đất cây xanh	416,77			1,06				2,27	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	205,02			0,52		≤ 40		1,11	
	Trạm điện	26,06								
	Trạm xử lý nước thải	178,96								
5	Đất hạ tầng giao thông	6.454,78			16,47				35,09	
	Đất giao thông	6.036,59								
	Đất hành lang sau nhà	418,19								
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	1.629,79							100	8,14
	Đất HLA T đường bộ	1.629,79							100	
	TỔNG CỘNG	20.023,40	98	392	51,08					100

-Đất ở: số người bình quân/thửa:

4 người

3.3 Hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông:

- Đường ĐH 418: cập nhật lộ giới là 41m theo quy hoạch phân khu phường Khánh Bình.

Đường Khánh Bình 66 (hiện tại là đường đất đỏ): cập nhật lộ giới là 17m theo quy hoạch phân khu phường Khánh Bình.

- Đường D1 (đoạn qua nhà lồng chợ): Điều chỉnh mặt cắt ngang (3m-8m-3m) thành (3m-8m-2m) lộ giới 13m.

- Đường D4 (đoạn qua nhà lồng chợ): Điều chỉnh mặt cắt ngang (3m-6m-2m) thành (2m-6m-2m) lộ giới 10m.

Quy định khoảng lùi xây dựng dãy nhà phố liền kề:

Cập nhật theo “Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Khánh Bình đến năm 2030 và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc thị xã Tân Uyên số 234/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương” còn lại giữ nguyên so với quy hoạch được duyệt cụ thể.

Khoảng lùi xây dựng đường ĐH418 là 0m với đất ở Đô thị và 6m với đất thương mại dịch vụ.

Lô A: Khoảng lùi xây dựng: đường D4 là 1,2m.

Lô B: Khoảng lùi xây dựng: đường Khánh Bình 66 là 0m, đường D1 lùi 1,2m, mặt sau của dãy nhà liền kề lùi 1,2m.

Lô C: Khoảng lùi xây dựng: đường Khánh Bình 66 là 0m, đường D1, D2, D3 từ thửa số 1 đến thửa 40 mặt trước lùi 1,2m.

Việc điều chỉnh không ảnh hưởng đến khung giao thông chính và tuân theo quy hoạch được duyệt đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành, (xem thêm bản đồ Quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng - QH 03).

Bảng 2. Bảng thống kê tổng hợp hệ thống giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng

BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG GIAO THÔNG, CGĐĐ, CGXD ĐIỀU CHỈNH														
STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	HƯỚNG TUYẾN		MẶT CÁT	CHIỀU RỘNG (m)					CGĐĐ (m)		CGXD (m)	
			TỪ	ĐẾN		HỆ TRÁI	PHÂN CÁCH	LÒNG ĐƯỜNG	HỆ PHẢI	LỘ GIỚI	BÊN TRÁI	BÊN PHẢI	BÊN TRÁI	BÊN PHẢI
I	GIAO THÔNG ĐÔ THỊ													
1	ĐƯỜNG ĐH 418		Đ.ĐT 747A	Đ.ĐT 747B	1-1	8,0	3,0	22,0	8,0	41,0	20,5	20,5	20,5	20,5
2	ĐƯỜNG KHÁNH BÌNH 66		Đ.KB 68	Đ.ĐT 406	7-7	5,0		7,0	5,0	17,0	8,5	8,5		
II	GIAO THÔNG TRONG KHU	547,0												
1	ĐƯỜNG D1	245,0	Đ. ĐH 418	Đ.D2	2-2	3,0		8,0	2,0	13,0	7,0	6,0	8,2	
			Đ.D2	Đ.KB 68	3-3	3,0		8,0	3,0	14,0	7,00	7,00	8,20	8,20
2	ĐƯỜNG D2	38,0	Đ. SỐ 1	Đ. KB 26	6-6	2,0		6,0	3,0	11,0	5,0	6,0		7,2
3	ĐƯỜNG D3	158,0	Đ.D2	Đ.KB 68	4-4	3,0		6,0	2,0	11,0	6,0	5,0	7,2	
4	ĐƯỜNG SỐ 4	106,0	Đ. ĐH 418	Đ.D2	5-5	2,0		6,0	2,0	10,0	5,0	5,0		
	TỔNG CỘNG	547,0												

b. Thoát nước mưa:

Cống thoát nước của khu vực quy hoạch sử dụng loại cống tròn bê tông cốt thép đường kính D500 và mương BTCT B400 có nắp đậy thu nước khu nhà lồng chợ.

Nước mưa sau khi được thu gom thoát ra tuyến mương bê tông có nắp đan B1000 ở ngoài đường ĐH 418 sau đó theo tuyến mương này thoát ra suối Bà Tô.

c. Cấp nước:

Nguồn cấp nước cho khu được đầu nối từ tuyến ống cấp nước hiện hữu D150 trên đường ĐH 418 từ nhà máy nước Nam Tân Uyên công suất 30.000m³/ng.đ.

Điều chỉnh tổng nhu cầu sử dụng nước toàn khu là 253,6 m³/ngày.đêm.

Mạng lưới cấp nước sử dụng ống uPVC D60-D100, các tuyến ống D100 được bố trí thành mạch vòng.

Đảm bảo khả năng cấp nước an toàn và liên tục. Bố trí 5 trụ chữa cháy D100 với bán kính phục vụ 120m.

d. Thoát nước thải:

Điều chỉnh tổng lưu lượng thoát nước toàn khu là 119,2 m³/ngày.đêm, do đó đề nghị nâng công suất trạm xử lý (có tính dự phòng) thành 150 m³/ngày.đêm đảm bảo xử lý nước thải cho toàn khu.

Chuyển trạm xử lý nước thải từ phía Nam khu vực quy hoạch (đường D4) sang phía Bắc khu vực quy hoạch (cuối đường D3). Hiện tại cao độ nền tại vị trí trạm xử lý mới là 29.3m thấp hơn cao độ nền tại vị trí cũ là 29.8m đảm bảo khả năng thu gom xử lý khi thay đổi.

Thay đổi cục bộ mạng lưới nước thải do chuyển vị trí trạm xử lý.

Sử dụng cống HDPE D200, D300 và cống BTCT D300 hiện hữu để thoát nước thải.

e. Cấp điện – chiếu sáng:

Điều chỉnh tổng công suất cấp điện toàn khu là 308 KVA.

Nguồn cấp điện được đầu nối từ tuyến 22kv hiện hữu trên đường Khánh Bình 66.

Nâng cấp trạm biến áp hiện hữu từ 180 kVA lên 320 KVA để đảm bảo cấp điện theo nhu cầu sử dụng mới.

f. Thông tin:

Điều chỉnh tổng nhu cầu thuê bao toàn khu là 137 thuê bao.

4. Thành phần hồ sơ:

- Thuyết minh tổng hợp.
- Thành phần bản vẽ:
 - + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/500.
 - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; tỷ lệ 1/500.
 - + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; tỷ lệ 1/500.

- + Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan; tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch chia lô, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch san nền, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống chiếu sáng, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống, tỷ lệ 1/500.
- + Bản vẽ thiết kế đô thị.
- Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.
- Đĩa CD lưu toàn bộ thành phần hồ sơ.

Điều 2: Sau khi Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên được phê duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

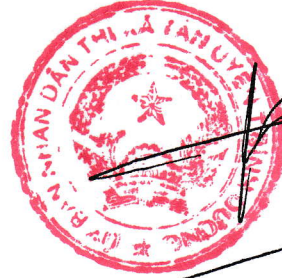
- Triển khai thực hiện dự án đúng theo trình tự xây dựng cơ bản hiện hành, chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày ký Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.
- Đảm bảo tính chính xác trong việc định vị hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được thể hiện trong các bản đồ của đồ án điều chỉnh quy hoạch.
- Tiến hành công bố, công khai quy hoạch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đồ án điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.
- Đầu tư xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đồng bộ với hệ thống hạ tầng khu vực xung quanh, phù hợp với tiến độ thực hiện dự án. Đảm bảo cốt san nền, hệ thống thoát nước mưa và nước thải.
- Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng thuộc dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Quản lý và có trách nhiệm đối với việc kiểm tra, báo cáo về các hoạt động xây dựng của người dân tại dự án.
- Triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự thủ tục về xây dựng phát triển nhà ở.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng TN-MT, Chủ tịch UBND phường Khánh Bình, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /: mal

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, (D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng Tươi



Số: 6862 /QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 06 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét Tờ trình số 69/TTr-QV ngày 11/08/2017 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc trình phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương,

Xét Báo cáo số 116/BC-QLĐT ngày 30/8/2017 và Tờ trình số 164/TTr-QLĐT ngày 30/8/2017 của Phòng Quản lý đô thị về việc thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án và Chủ đầu tư:

- Tên dự án: Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quang Vinh.

- Địa điểm xây dựng: phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch phát triển đô thị Bình Dương.

2. Nội dung quy hoạch:

2.1 Phạm vi, ranh giới

a. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nghiên cứu bao gồm ranh giới trong khu vực quy hoạch. Đồng thời với các khu vực khác có tác động trực tiếp đến khu vực quy hoạch.

b. Ranh giới lập quy hoạch:

Khu đất đầu tư xây dựng tọa lạc tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, tứ cận như sau:

- Bắc giáp: đường Khánh Bình 66 (đường đất đỏ lộ giới 10m).

- Nam giáp: đường ĐH 418 (lộ giới 13m).

- Đông giáp: xí nghiệp sản xuất.

- Tây giáp: xí nghiệp sản xuất.

2.2 Diện tích khu vực lập quy hoạch:

Theo quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND huyện Tân Uyên, diện tích khu quy hoạch: 20.137,9m².

Tổng diện tích khu đất điều chỉnh theo ranh đo đạc thực tế là: **20.023,40 m²** (theo bản đồ Sở Tài nguyên Môi trường).

2.3 Mục tiêu đồ án:

- Điều chỉnh theo đúng thực trạng và nhu cầu thực tế của khu quy hoạch.

- Đáp ứng nhu cầu kinh doanh mua bán, sinh hoạt và ở của dân cư trong phường và khu vực lân cận.

- Xác lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đúng tiêu chuẩn của các khu chức năng và đấu nối với hệ thống khu vực xung quanh.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2.4 Tính chất:

Là nơi ở, trao đổi, buôn bán hàng hóa phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt của cư dân trong phường Khánh Bình và khu vực lân cận.

2.5 Quy mô dân số dự kiến:

Quy mô dân số theo quy hoạch được duyệt khoảng 392 người.

2.6 Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật:

Căn cứ theo Nghị Quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị; Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

Khu đất quy hoạch áp dụng theo tiêu chí đô thị loại III, với các chỉ tiêu cơ bản sau:

a. Các chỉ tiêu sử dụng đất

- Các chỉ tiêu áp dụng cho toàn khu

+ Đất dân dụng : $\leq 50 \text{ m}^2/\text{người}$.

+ Mật độ xây dựng (brut-tô) : $\leq 60 \%$.

+ Tầng cao: ≤ 4 tầng.

+ Tầng hầm: không sử dụng tầng hầm.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất dự kiến

+ Đất ở

Tiêu chuẩn: Căn cứ theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 về việc quy định diện tích tối thiểu đối với đất ở được phép tách thửa trên đại bàn tỉnh Bình Dương áp dụng theo Điều 3 tại các phường là 60m^2 .

Tầng cao: 2-4 tầng.

Mật độ xây dựng thuần (net-tô): áp dụng cụ thể đối với từng lô nhà theo QCVN 01: 2008/BXD, Bảng 2.6: Mật độ xây dựng thuần (net-tô) tối đa của thửa đất xây dựng nhà ở liên kế và nhà ở riêng lẻ (nhà vườn, biệt thự...).

Diện tích lô đất ($\text{m}^2/\text{căn nhà}$)	≤ 50	75	100	200	300	500	≥ 1.000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	80	70	60	50	40

+ Đất dịch vụ thương mại

Nhà lồng chợ: Công trình xây dựng cải tạo.

Kiốt: hiện trạng đã xây mới.

* Tầng cao xây dựng: ≤ 2 tầng.

* Hệ số sử dụng đất: $\leq 1,2$.

* Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$ (đối với các công trình công cộng trong khu vực quy hoạch cải tạo _ theo Quy chuẩn 01-2008-BXD).

* Nhà lồng chợ kết hợp dãy kiot bên đường giao thông D4 tạo thành không gian kinh doanh linh động.

* Đất thương mại dịch vụ sử dụng có kinh doanh.

* Dự kiến bố trí khoảng 88 quầy sạp trong nhà lồng chợ, (giữ nguyên theo Quyết định số 4949/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2007 của UBND huyện Tân Uyên).

+ Đất cây xanh

* Chỉ tiêu: $\geq 1,0 \text{ m}^2/\text{người}$.

* Mật độ xây dựng: không xây dựng công trình.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật

Hành lang kỹ thuật sau nhà: đảm bảo khoảng cách kỹ thuật sau lưng các dãy nhà tối thiểu 2m.

Trạm xử lý nước thải, trạm rác: áp dụng theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b. Các chỉ tiêu thiết kế về hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: đất giao thông trên dân số: $\geq 11 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Cấp nước:

+ Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: $\geq 150 \text{ lít/người/ngày đêm}$.

+ Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch: 100%.

- Thoát nước mưa: mật độ đường cống thoát nước mưa chính $\geq 4,0 \text{ km/km}^2$.

- Thoát nước thải sinh hoạt: tỷ lệ thoát nước thải sinh hoạt được xử lý 100%.

- Cấp điện: tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt 3 kW/căn hộ/ngày.

- Chiếu sáng: tiêu chuẩn chiếu sáng cho đường phố chính 100%.

- Chất thải rắn: $\geq 1,0 \text{ kg/người/ngày đêm}$.

- Chỉ tiêu thu dọn được: $\geq 90\%$.

2.7 Các yêu cầu và nguyên tắc về không gian kiến trúc cảnh quan

a. Yêu cầu

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng.

- Đặc điểm điều kiện tự nhiên.

- Đánh giá hiện trạng kiến trúc và xây dựng.

- Hiện trạng xã hội.

- Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

- Đánh giá chung.

b. Các nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Để không gian tổng thể của khu quy hoạch điều chỉnh Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên được đồng bộ, các yêu cầu về giao thông: chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng phải được tuân thủ chặt chẽ nhằm tạo nên một tổng thể hài hoà, phù hợp với quy hoạch định hướng.

Các công trình nhà phố liền kề, công trình dịch vụ thương mại cần đảm bảo đúng các yêu cầu về quy hoạch, bảo đảm tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế hiện hành. Bên cạnh đó các hình thức kiến trúc của các công trình phải phù hợp với chức năng, bố cục công trình phải chú ý các giải pháp thích hợp với khí hậu Việt Nam.

Đưa ra các nguyên tắc thiết kế cho công trình (*mật độ xây dựng, tầng cao, tầng hầm, khoảng lùi công trình...*) và thiết kế mẫu nhà cho dự án.

2.8 Yêu cầu về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật: cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải...trên cơ sở khảo sát, đánh giá, phân tích hiện trạng để có phương án đầu tư hợp lý với các khu vực lân cận.

2.9 Danh mục và các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch dự kiến bao gồm:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San lấp mặt bằng; Xây dựng đường giao thông; Xây dựng hệ thống thoát nước mưa; Xây dựng hệ thống cấp nước; Xây dựng hệ thống thoát nước thải; Xây dựng hệ thống cấp điện; Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc.

- Xây dựng công trình:

- + Công trình nhà ở: ≤ 4 tầng.

- + Công trình dịch vụ thương mại: ≤ 2 tầng.

3. Thành phần hồ sơ đồ án:

- Thuyết minh nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết.

- Bản vẽ thu nhỏ A3 đính kèm:

- + HT - 01/02: Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất.

- + HT - 02/02: Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi lập quy hoạch chi tiết.

- Đĩa CD chứa các file bản vẽ, thuyết minh và các hồ sơ liên quan.

Điều 2: Sau khi nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân

Uyên được phê duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng TN-MT, Chủ tịch UBND phường Khánh Bình, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. Nxue

Nơi nhận: lv

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, (D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng Tươi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 5903/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 31 tháng 12 năm 2007.

QUYẾT ĐỊNH

V/v: giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Quang Vinh để đầu tư xây dựng Chợ và Khu nhà ở thương mại tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tại tờ trình số: 949 /TT-TNMT ngày 28 / 12 /2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG-768874 ngày 09/01/2007 với diện tích 20.137 m² của Ông Nguyễn Văn Hiệp- Bà Huỳnh Thị Hoàng do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp.

Điều 2. Giao đất cho Công ty TNHH Quang Vinh; khu đất có đặc điểm như sau:

1. Tổng diện tích : 20.137,9 m².

2. Mục đích sử dụng:

- Đất ở : 9.280,7 m² (trong đó HLLG: 10,6 m²).

- Đất thương mại dịch vụ: 1.879,03 m².

- Đất công trình kỹ thuật: 109,85 m².

- Đất cây xanh công viên: 614,72 m² (trong đó HLLG: 100,8 m²).

- Đất giao thông : 3.813,07 m² (trong đó HLLG: 392,1 m²).

- Đất sân bãi : 4.440,53 m² (trong đó HLLG: 962,5 m²).

3. Vị trí, địa điểm khu đất: tại thửa số 693- tờ bản đồ 39 thuộc xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Ranh giới, tứ cận khu đất:

+ Phía Bắc giáp : đường đất .

+ Phía Nam giáp : đường ĐH- 418.

- + Phía Đông giáp : Công ty TNHH Thép Vinh Đa.
 - + Phía Tây giáp : Công ty TNHH CBG Hòa Nguyên.
5. Thời gian sử dụng: Đến ngày / /2057.

Điều 3. Căn cứ vào Điều 2 của quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho chủ sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;
2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa;

Điều 4. Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm:

1. Tổ chức thi công xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt tại quyết định số: 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của Chủ tịch UBND huyện Tân Uyên.
2. Nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
3. Thỏa thuận phòng cháy chữa cháy, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
4. Sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới theo bản đồ đã được thiết lập. Đồng thời đến UBND xã Khánh Bình để đăng ký biến động đất đai theo quy định hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Giám đốc Công ty TNHH Quang Vinh và thủ trưởng các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận: ✓
- Như điều 5.
- LĐVP, Lâm, ✓
- Lưu VT. ✓



Trần Thị Kim Văn

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh thời gian sử dụng đất của Công ty TNHH Quang Vinh tại Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 và Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 515/TTr-TNMT ngày 10/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thời gian sử dụng đất cho Công ty TNHH Quang Vinh tại khoản 4 Điều 2 Quyết định 3452/QĐ-UBND ngày 9/8/2007 và khoản 5 Điều 2 Quyết định 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đất ở: lâu dài.
2. Các loại đất khác: đến ngày 09/8/2057.

Điều 2. Các điều khoản khác của Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 và Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Giám đốc Công ty TNHH Quang Vinh và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 2

- Sở TNMT;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Công ty TNHH Quang Vinh;
- LĐVP (Trúc), Lâm, TH;
- Lưu VT. 12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3698/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất và điều chỉnh hình thức sử dụng đất, diện tích, vị trí các loại đất thuộc dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên do Công ty TNHH Quang Vinh làm chủ đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 842/TTr-STNMT ngày 20/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi khu đất có diện tích 125,3m² do Ủy ban nhân dân phường Khánh Bình quản lý.

Điều 2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất 125,3m² cho Công ty TNHH Quang Vinh để thực hiện dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại với mục đích như sau:

1. Đất khu vui chơi giải trí công cộng (đất cây xanh công viên): 7,3m².
2. Đất giao thông: 118m² (trong đó: Đất giao thông 4,1m²; đất hành lang an toàn đường bộ: 113,9m²).
3. Vị trí, địa điểm khu đất: Tại phường phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên (các thửa đất theo phụ lục đính kèm).
4. Thời gian thực hiện dự án: Đến ngày 09/8/2057.

Điều 3. Cho phép Công ty TNHH Quang Vinh được điều chỉnh hình thức sử dụng đất, điều chỉnh diện tích, vị trí các loại đất thuộc dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên với tổng diện tích 19.829,71m² cụ thể như sau:

1. Giao đất có thu tiền sử dụng đất là 9.088,35m²; để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị.



2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất là 8.581,06m²; để sử dụng vào các mục đích:

- a) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (đất cây xanh công viên): 409,47m².
- b) Đất công trình năng lượng (trạm điện): 26,06m².
- c) Đất thủy lợi (trạm xử lý nước thải): 178,96m².
- d) Đất giao thông: 7.966,57m² (trong đó: Đất giao thông 6.450,68m²; đất hành lang an toàn đường bộ: 1.515,89m²).

3. Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê với là 2.160,30m²; để sử dụng vào mục đích đất thương mại dịch vụ.

4. Vị trí, địa điểm khu đất: Tại phường phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên (các thửa đất theo Phụ lục đính kèm).

5. Thời gian thực hiện dự án: Đến ngày 09/8/2057.

Điều 4. Căn cứ Điều 2, Điều 3 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo Công ty TNHH Quang Vinh nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Quang Vinh sau khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa.

4. Chính lý hồ sơ địa chính.

Điều 5. Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm:

1. Tổ chức thi công xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch chi tiết đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên phê duyệt.

2. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí và lệ phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Quản lý dự án của mình đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ đã đăng ký, sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích.

4. Định kỳ 06 tháng, phải báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên.

5. Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ

thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên; Giám đốc Công ty TNHH Quang Vinh; Thủ trưởng các ban ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận: *đi*

- Như Điều 6;
- Website tỉnh;
- LĐVP (Lg, Th), Tn;
- Lưu: VT. *m* *p*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN^y
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT DỰ ÁN CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CỦA
CÔNG TY TNHH QUANG VINH TẠI PHƯỜNG KHÁNH BÌNH, THỊ XÃ TÂN UYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN LÔ	TỜ BẢN ĐỒ	THỪA CỬ	THỪA MỚI	TỔNG DIỆN TÍCH LÔ (M2)	DIỆN TÍCH (M2)	LOẠI ĐẤT	LOẠI ĐẤT CŨ
ĐẤT DÂN DỤNG								
1	A	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND	1921	1.217,50	5,10	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
2	A	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			5,70	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
3	A	39	845			981,60	Đất ở (phố chợ)	Đất ở
4	A	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			1,30	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
5	A	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			7,60	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
6	A	39	844			216,20	Đất ở (phố chợ)	Đất ở
7	B	39	849	1922	3.959,10	3.817,30	Đất ở (phố chợ)	Đất ở
8	B	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			141,80	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
9	C	39	837	1923	848,10	710,60	Đất ở (phố chợ)	Đất ở
10	C	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			60,30	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
11	C	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			25,40	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
12	C	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			51,80	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
13	C	39	840	1924	1.194,60	1.123,80	Đất ở (phố chợ)	Đất ở
14	C	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			70,80	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
15	C	39	839	1925	1.147,50	1.080,40	Đất ở (phố chợ)	Đất ở
16	C	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			67,10	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
17	C	39	841	1926	721,50	693,20	Đất ở (phố chợ)	Đất ở
18	C	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			28,30	Đất ở (phố chợ)	Đất sân bãi
19	TMDV1 (lồng chợ)	39	842	1927	1.608,20	406,80	Đất thương mại dịch vụ	Đất ở
20	TMDV1 (lồng chợ)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			21,40	Đất thương mại dịch vụ	Đất sân bãi
21	TMDV1 (lồng chợ)	39	843			1.180,00	Đất thương mại dịch vụ	Đất ở
22	Sân bãi	39	843	1928	224,10	12,60	Đất thương mại dịch vụ	Đất ở
23	Sân bãi	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			35,00	Đất thương mại dịch vụ	Đất sân bãi
24	Sân bãi	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			176,50	Đất thương mại dịch vụ	Đất giao thông
25	TMDV2 (kiot)	39	844	1929	328,00	0,60	Đất thương mại dịch vụ	Đất ở
26	TMDV2 (kiot)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			24,00	Đất thương mại dịch vụ	Đất cây xanh
27	TMDV2 (kiot)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			72,10	Đất thương mại dịch vụ	Đất sân bãi
28	TMDV2 (kiot)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			121,50	Đất thương mại dịch vụ	Đất cây xanh
29	TMDV2 (kiot)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			109,80	Đất thương mại dịch vụ	Đất công trình kỹ thuật
31	Đất cây xanh	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND	1930	416,80	143,00	Đất cây xanh	Đất sân bãi
32	Đất cây xanh	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			273,80	Đất cây xanh	Đất cây xanh
33	1 (Trạm điện)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND	1931	26,00	5,90	Đất hạ tầng kỹ thuật	Đất sân bãi
34	1 (Trạm điện)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			20,10	Đất hạ tầng kỹ thuật	Đất cây xanh
35	2 (Trạm XLNT)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND	1932	179,00	61,90	Đất hạ tầng kỹ thuật	Đất sân bãi
36	2 (Trạm XLNT)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			12,80	Đất hạ tầng kỹ thuật	Đất sân bãi
37	2 (Trạm XLNT)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			84,60	Đất hạ tầng kỹ thuật	Đất cây xanh
38	2 (Trạm XLNT)	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			12,40	Đất hạ tầng kỹ thuật	Đất cây xanh
39	2 (Trạm XLNT)	39	Đường đất			7,30	Đất hạ tầng kỹ thuật	
40	Hành lang sau nhà	39	845	1933	125,10	19,90	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
41	Hành lang sau nhà	39	845			11,10	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
42	Hành lang sau nhà	39	844			0,90	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
43	Hành lang sau nhà	39	844			9,30	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
44	Hành lang sau nhà	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			83,90	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
45	Hành lang sau nhà	39	840	1934	293,10	65,50	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
46	Hành lang sau nhà	39	839			13,30	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
47	Hành lang sau nhà	39	841			36,70	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
48	Hành lang sau nhà	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			177,60	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi

STT	TÊN LÔ	TỜ BẢN ĐỒ	THỪA CỬ	THỪA MỚI	TỔNG DIỆN TÍCH LÔ (M2)	DIỆN TÍCH (M2)	LOẠI ĐẤT	LOẠI ĐẤT CŨ
49	Giao thông	39	849	1935	6.036,60	107,60	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
50	Giao thông	39	849			1,60	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
51	Giao thông	39	843			136,90	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
52	Giao thông	39	843			72,00	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
53	Giao thông	39	842			56,50	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
54	Giao thông	39	842			14,20	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
55	Giao thông	39	841			4,90	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
56	Giao thông	39	841			13,00	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
57	Giao thông	39	839			95,60	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
58	Giao thông	39	837			46,00	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
59	Giao thông	39	845			5,80	Đất hạ tầng giao thông	Đất ở
60	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			381,20	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
61	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			714,00	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
62	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			173,90	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
63	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			128,10	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
64	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			459,10	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
65	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			471,90	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
66	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			4,70	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
67	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			22,20	Đất hạ tầng giao thông	Đất sân bãi
68	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			36,80	Đất hạ tầng giao thông	Đất giao thông
69	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			1.274,50	Đất hạ tầng giao thông	Đất giao thông
70	Giao thông	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND	1.812,00	Đất hạ tầng giao thông	Đất giao thông		
71	Giao thông	39	Đường đất	4,10	Đất hạ tầng giao thông			
ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG								
72	HLAT đường bộ	39	849	1936	1.629,80	40,80	Đất HLAT đường bộ	Đất ở
73	HLAT đường bộ	39	849			7,30	Đất HLAT đường bộ	Đất ở
74	HLAT đường bộ	39	849			75,70	Đất HLAT đường bộ	Đất ở
75	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			37,20	Đất HLAT đường bộ	Đất cây xanh
76	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			41,10	Đất HLAT đường bộ	Đất cây xanh
77	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			107,20	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
78	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			243,10	Đất HLAT đường bộ	Đất giao thông
79	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			417,50	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
80	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			14,50	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
81	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			93,40	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
82	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			147,10	Đất HLAT đường bộ	Đất giao thông
83	HLAT đường bộ	39	845			99,30	Đất HLAT đường bộ	Đất ở
84	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			15,60	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
85	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			13,70	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
86	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			6,10	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
87	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			116,60	Đất HLAT đường bộ	Đất sân bãi
88	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			1,70	Đất HLAT đường bộ	Đất giao thông
89	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			19,60	Đất HLAT đường bộ	Đất giao thông
90	HLAT đường bộ	39	QĐ Số 5903/QĐ-UBND			15,70	Đất HLAT đường bộ	Đất giao thông
91	HLAT đường bộ	39	837			2,70	Đất HLAT đường bộ	Đất ở
92	HLAT đường bộ	39	Đường đất			113,90	Đất HLAT đường bộ	
Tổng					19.955,00	19.955,00		

Tân Uyên, ngày 11 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 880/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Quang Vinh.
 - Địa chỉ: Số 199/F, tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
2. Được phép xây dựng các hạng mục thuộc công trình: Hạ tầng kỹ thuật Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.
 - Tổng số hạng mục: 05 hạng mục.
 - + Hạng mục số 1: Cấp nước, phòng cháy chữa cháy: CN01/06-06/06.
 - + Hạng mục số 2: Trạm xử lý nước thải: TXL01/07-07/07.
 - + Hạng mục số 3: Chiếu sáng: CS01/07-07/07.
 - + Hạng mục số 4: Thông tin liên lạc: TT 01/02-02/02.
 - + Hạng mục số 5: Cây xanh: CX01/02-02/02.
 - Các hạng mục còn lại Công ty TNHH Quang Vinh đã đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, đường D1; D2; D3; D4, hệ thống cấp điện đã nghiệm thu đóng điện vận hành vào ngày 04/12/2008 và bàn giao cho Điện lực Tân Uyên quản lý vào năm 2009: Công ty TNHH Quang Vinh tự chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình đảm bảo theo các nội dung yêu cầu trong Báo cáo kết quả kiểm định xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, hạng mục hạ tầng kỹ thuật (san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, cấp nước, thoát nước thải, đường D1; D2; D3; D4) của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương kiểm định đánh giá chất lượng ngày 31/05/2023; chịu trách nhiệm về tính chính xác khối lượng theo hồ sơ thiết kế được lập).
 - Đơn vị khảo sát, thiết kế:
 - + Nhà thầu khảo sát địa chất: Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương;
 - + Nhà thầu khảo sát địa hình: Viện Quy hoạch phát triển đô thị Bình Dương
 - + Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Kiến Xanh.
 - + Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Trường Lũy.
 - Địa điểm xây dựng công trình: phường Khánh Bình, thành phố Tân



Uyên, tỉnh Bình Dương.

* Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đầu tư mới theo quy hoạch chi tiết được duyệt, cụ thể gồm các nội dung như sau:

2.1 Hạng mục cấp nước, PCCC:

Nguồn nước cấp cho khu quy hoạch được lấy từ ống cấp nước hiện hữu dọc đường ĐH.418 (nay là đường Trịnh Hoài Đức).

Hệ thống cấp nước được thiết kế mới hoàn toàn, dọc theo các dãy nhà.

Tại các vị trí có 2 tuyến ống trở lên đầu nối với nhau phải bố trí các van khóa để có thể cách ly khi cần thiết.

Tại các điểm cao nhất trên tuyến ống phải bố trí van xả khí và điểm thấp nhất phải đặt các van xả cạn.

Khoảng cách từ ống cấp nước đến chân các công trình ngầm khác (đường điện, cáp thông tin liên lạc, cống thoát nước) phải đảm bảo khoảng cách an toàn cho phép theo quy định của bảng 2.11, QCVN 01:2021/BXD.

Hệ thống tiếp nước chữa cháy:

Bố trí các trụ cứu hỏa tại ngã ba, ngã tư hoặc tại những nơi tập trung đông dân với bán kính phục vụ của mỗi trụ là 75m, khoảng cách giữa hai trụ gần nhất không quá 150 m. Tổng số trụ cứu hỏa của khu vực quy hoạch 5 trụ, các trụ cứu hỏa lấy nước từ ống cấp nước D100, trụ cứu hỏa có đường kính DN125mm, trụ cứu hỏa được bố trí trên vỉa hè, cách mép lòng đường 2,5m.

Lưu lượng cấp nước chữa cháy là 10 l/s cho mỗi đám cháy, với 1 đám cháy xảy ra đồng thời, thời gian cấp nước kéo dài 3 tiếng.

2.2 Hạng mục trạm xử lý nước thải:

Công suất xây dựng trạm XLNT được thiết kế theo Công văn 4654/STNMT-CCBVMТ ngày 31/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương là 150m³/ngày đêm. Đảm bảo xử lý hết toàn bộ lượng nước thải phát sinh của dự án.

Hệ thống xử lý nước thải của dự án áp dụng phương pháp xử lý bằng cơ học và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom và xử lý mùi. Cụm bể được xây dựng hợp khối bằng BTCT, có chống thấm đầy đủ đáy bể và thành bể, nhà điều hành được bố trí trên cụm bể. Cụm bể được xây dựng ngầm dưới mặt đất (đỉnh cao hơn mặt đất 20cm để tránh nước mưa tràn vào. Vị trí bố trí trạm XLNT phù hợp theo quy hoạch và ĐTM đã được phê duyệt.

2.3 Hạng mục chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ trạm biến áp T1-III-320kVA. Toàn bộ dự án được bố trí 01 tủ chiếu sáng TCS1T1. Vị trí đặt tủ chiếu sáng theo bản vẽ mặt bằng tuyến.

- Đèn chiếu sáng đường sử dụng loại đèn LED 100W-220V với quang

thông là $\Phi \geq 7.200\text{lm}$

- Trụ, móng trụ: sử dụng trụ BTLT 8,5m song song với điện hạ thế.
- Cần đèn chiếu sáng: Sắt tráng kẽm Ø60 dài 3m, vươn 1,7m, dày 2,5mm.
- Bố trí dây dẫn
 - + Toàn bộ lưới điện chiếu sáng đều được bố trí đi nổi trên các trụ BTLT 8,5m song song với điện hạ thế.
 - + Hình thức bảo vệ: nổi trung tính với vỏ tủ và đóng 03 cọc tiếp địa D16x2400 tại vị trí lắp đặt tủ điều khiển
- Hệ thống cáp
 - + Cấp hạ thế cấp nguồn cho hệ thống đèn đều dùng cáp nhôm bọc loại vặn xoắn LV-ABC-3x16mm².
 - + Tất cả dây dẫn lên đèn dùng dây cáp đồng bọc CVV-3x2,5mm² luôn trong cần đèn và qua cầu chì 5A.

2.4 Hạng mục thông tin liên lạc:

Nguồn cung cấp cho khu được lấy từ đường dây thông tin hiện hữu từ các nhà mạng được treo trên các trụ điện dọc đường DH 418.

Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc đi nổi, trên các trụ hạ thế. Hệ thống cáp quang được sử dụng cho mạng lưới viễn thông toàn khu để đảm bảo nhu cầu sử dụng đường truyền băng thông lớn, và mở rộng quy hoạch sau này.

Hệ thống đường dây phân phối thông tin cho khu vực quy hoạch được bố trí theo các trục đường giao thông đi đến các hộ liên tục với chỉ tiêu tối thiểu 1 đôi cáp / hộ.

2.5 Cây xanh:

Cây xanh được bố trí 2 bên đường đối với tất cả các tuyến đường của khu dự án.

Vị trí hố trồng cây bố trí ở giữa ranh các lô đất. Khoảng cách giữa các cây được bố trí theo kích thước của các lô đất. Dao động từ 8 ÷ 15m.

Chủng loại cây trồng trên đường được sử dụng: cây kèn hồng, bằng lăng hoặc tương đương.

Khu vực công viên cây xanh tạo đường dạo đi xung quanh, trồng các loại cây cây rẻ quạt, cây cọ dầu, cây bông giấy..., phía dưới trồng cỏ lá gừng để tạo mảng xanh.

3. Giấy tờ về đất và các giấy tờ khác có liên quan:

3.1. Giấy tờ về Quyền sử dụng đất:

- Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

Công ty TNHH Quang Vinh để đầu tư xây dựng Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh;

- Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao đất và điều chỉnh hình thức sử dụng đất, diện tích, vị trí các loại đất thuộc dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh.

3.2. Các văn bản pháp lý có liên quan:

- Công văn số 1660/UBND-KTTH ngày 10/04/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng chợ và khu khổ chợ tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên;

- Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND huyện Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên) về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên;

- Công văn số 3073/UBND-KTTH ngày 31/08/2016 của UBND thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên) về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên;

- Quyết định số 6862/QĐ-UBND ngày 06/09/2017 của UBND thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên) về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình;

- Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 của UBND thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên) về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên;

- Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên) về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên;

- Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 18/06/2008 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng Chợ và Khu nhà ở Thương mại, tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quang Vinh;

- Công văn số 4654/STNMT-CCBVM ngày 31/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xin điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại (chợ Quang Vinh 2);

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 252/TD-PCCC ngày 03/05/2018 do Công an PCCC tỉnh Bình Dương cấp;

- Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh thời gian sử dụng đất của Công ty TNHH Quang Vinh tại Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 09/08/2007 và Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Bình Dương;

- Thông báo số 3757/SXD-QLN ngày 21/11/2017 của Sở Xây dựng về việc thông báo việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh;

- Công văn số 2744/SKHĐT-KTĐN ngày 11/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình;

- Công văn số 939/UBND-KTTH ngày 19/04/2017 của UBND thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên) về việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa, giao thông của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, tại phường Khánh Bình;

- Công văn số 29/CNTU-KD ngày 14/03/2023 của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương - Chi nhánh cấp nước Tân Uyên về việc chấp thuận đấu nối cấp nước cho dự án.

- Văn bản số 43/UBND-KT ngày 25/04/2023 của UBND Phường Khánh Bình về việc chấp thuận đấu nối thoát nước mưa của Dự án vào đường Khánh Bình 66.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 171/QĐ-XPVPHC ngày 27/12/2019 của Thanh tra Sở Xây dựng về việc xử phạt hành chính hạng mục hạ tầng kỹ thuật Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh của Công ty trách nhiệm hữu hạn Quang Vinh.

- Báo cáo kết quả kiểm định xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật dự án hạ tầng kỹ thuật Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương.

4. Ghi nhận các hạng mục công trình đã khởi công (đã hoàn thành thi công xây dựng được kiểm định chất lượng xây dựng):

Chủ đầu tư (Công ty TNHH Quang Vinh) đã đầu tư các hạng mục gồm: San nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, đường D1; D2; D3; D4, hệ thống cấp điện đã nghiệm thu đóng điện vận hành vào ngày 04/12/2008 và bàn giao cho Điện lực Tân Uyên quản lý vào năm 2009: Công ty TNHH Quang Vinh tự chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình đảm bảo theo các nội dung yêu cầu trong Báo cáo kết quả kiểm định xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, hạng mục hạ tầng kỹ thuật (san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, cấp nước, thoát nước thải, đường D1; D2; D3; D4) của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương kiểm định đánh giá chất lượng ngày 31/05/2023; chịu trách nhiệm về tính chính xác khối lượng theo hồ sơ thiết kế được lập).

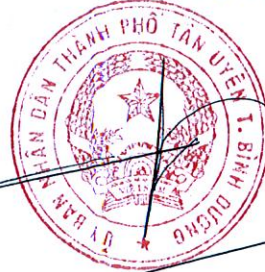
5. Giấy phép xây dựng này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên phải gia hạn giấy phép xây dựng.

Lưu ý: Chủ đầu tư phải thực hiện theo nội dung ở mặt sau./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Công ty TNHH Quang Vinh;
- Phòng QLĐT;
- Phòng TN-MT;
- UBND P. Khánh Bình;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đoàn Hồng Tươi

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Xây dựng tuyến cống dẫn; đấu nối thoát nước mưa và nước thải sau khi xử lý của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh theo quy định. Tổ chức thi công, hoàn thiện đảm bảo kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của dự án.
6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

.....

.....

.....

Tân Uyên, ngày..... tháng năm

CHỦ TỊCH



Số: 1816 /QĐ - UBND

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án xây dựng Chợ và Khu nhà ở Thương mại, tại ấp 1, xã Khánh Bình,
huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quang Vinh.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 404/TTr-STNMT-MT ngày 12 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng Chợ và Khu nhà ở Thương mại, tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quang Vinh.

Điều 2. Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau đây :

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải công nghiệp riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn thải TCVN 6772-2000, mức III;

- Khí thải phải được xử lý đạt các tiêu chuẩn TCVN: 5937 - 2005, TCVN : 5938 - 2005, TCVN : 5939 - 2005, TCVN : 5940 - 2005;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo TCVN 5949:1998, TCVN 6962: 2001 và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát các nguồn thải định kỳ 03 tháng/lần và chất lượng môi trường không khí xung quanh định kỳ 6 tháng/lần, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Công ty TNHH Quang Vinh phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu theo điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Giám đốc Công ty TNHH Quang Vinh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận :

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở Tài nguyên & Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tân Uyên;
- LĐVP (Cư, Trú). L, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thị Kim Vân

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 4654/STNMT-CCBVM

V/v xin điều chỉnh nội dung

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại

(Chợ Quang Vinh 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 31 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 82/TTr-QV2 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc xin điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Chợ và Khu nhà ở thương mại (Chợ Quang Vinh 2), theo đó Công ty đề nghị điều chỉnh công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải và thay đổi phương án thoát nước thải. Về vấn đề này, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời đến Công ty như sau:

- Công ty TNHH Quang Vinh đã lập Báo cáo ĐTM cho dự án xây dựng Khu phố chợ Khánh Bình tại ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên) và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 18 tháng 06 năm 2008. Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Công ty cam kết đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 300 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Chợ và Khu nhà ở thương mại với quy mô diện tích 20.137,9 m² (quy mô dân số 400 người) đạt quy chuẩn, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn sẽ được đầu nối vào tuyến thoát nước dọc theo đường ĐH 418 (trong khi chờ đợi tuyến cống trên đường Tỉnh lộ 418 xây dựng, Công ty sẽ xây dựng một tuyến cống nước thải từ Trạm xử lý nước thải dẫn ra suối con, nằm ở phía Đông Bắc dự án để đổ ra suối Cái và thoát vào sông Đồng Nai).

- Theo giải trình của Công ty thì lưu lượng nước thải phát sinh thực tế của toàn dự án chỉ 119,2 m³/ ngày (theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Chợ và Khu nhà ở thương mại của Công ty TNHH Quang Vinh tại Quyết định số 7064/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên). Do đó, Công ty đề nghị điều chỉnh công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải xuống còn 150 m³/ ngày cho phù hợp với lưu lượng nước thải của Dự án. Ngoài ra, tuyến đường ĐH 418 đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên xây dựng hoàn chỉnh đường thoát nước ven đường bằng tuyến cống D1000 đi qua dự án và Công ty đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên chấp thuận đầu nối nước thải tại văn bản số 939/UBND-KTTH ngày 19 tháng 4 năm 2017 nên Công ty đề nghị thay đổi phương án thoát nước thải của dự án, theo đó nước thải sẽ

được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn và đầu nối vào tuyến cống D1000 trên đường DH 418.

Căn cứ giải trình của Công ty và xem xét cho thấy việc điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải từ 300 m³/ngày xuống 150 m³/ngày và việc thay đổi phương án thoát nước như trên trong giai đoạn hiện nay là phù hợp. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với việc điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải và phương án thoát nước như đề xuất của Công ty. Đồng thời, yêu cầu Công ty khẩn trương xây dựng hệ thống xử lý nước thải để thu gom và xử lý toàn bộ nước thải của chợ và khu nhà ở đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường. Trong quá trình hoạt động nếu lượng nước thải tăng quá 150 m³/ ngày thì Công ty phải có phương án xây dựng mở rộng Trạm xử lý nước thải để đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Khu chợ và khu nhà ở thương mại phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Quang Vinh để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TĐ, Trăn5.

14.09.2019

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

Số: 529/TD-PCCC (.....)

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 30/2007 ngày 16 / 8 / 2007 của: **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**

Người đại diện là ông/bà: LÊ QUANG VINH Chức danh GIÁM ĐỐC
(1) **Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.**

CHỨNG NHẬN:

(2) CHỢ, KHU PHỐ CHỢ KHÁNH BÌNH
Địa điểm: Ấp I Khánh Bình - Tân Uyên - Bình Dương
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Quang Vinh
Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH TV-TK Lắp đặt PCCC Phú Thịnh

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Hệ thống cấp nước chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

- Loại trụ chữa cháy phải theo TCVN 6379-1998.
- Thi công theo bản vẽ thiết kế đã thẩm duyệt (Điều 17 Nghị định 35/NĐ-CP)
- Nghiệm thu trước khi công trình vào hoạt động (Điều 16 Luật PCCC).

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo).
- Công ty TNHH Quang Vinh.
- Lưu CS PCCC Bình Dương.

Thủ Dấu Một, ngày 20 tháng 8 năm 2007

TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

(4)

(Ký tên, đóng dấu)



THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Số: 252 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 08/TTr... ngày 24/4.../2018 của: Công ty TNHH Quang Vinh.....

Người đại diện là Ông/Bà:..... Vương Thế Hùng..... Chức danh: P. Giám đốc.....

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH BÌNH DƯƠNG.

CHỨNG NHẬN:

KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI

Địa điểm xây dựng: Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Quang Vinh.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH MTV Xây dựng Nhất Tân.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.....
-
-
-
-
-
-
-
-

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2/.....

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Quang Vinh;
- Phòng CS.PCCC số 5;
- Lưu: Phòng 2 (TH, TDKT).

Bình Dương, ngày 03 tháng 5 năm 2018



GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Văn Đạt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 939 /UBND-KTTH

Tân Uyên, ngày 19 tháng 11 năm 2017

V/v đầu nối hệ thống thoát nước mưa, giao thông của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, tại phường Khánh Bình.

Kính gửi:

- Phòng Quản lý đô thị;
- UBND phường Khánh Bình;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Xét Báo cáo số 34/BC-QLĐT ngày 07/4/2017 của Phòng Quản lý đô thị về việc khảo sát đầu nối thoát nước mưa, giao thông dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, tại phường Khánh Bình,

Chủ tịch UBND thị xã có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương, thống nhất vị trí đầu nối hệ thống thoát nước mưa, đầu nối giao thông của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh, tại phường Khánh Bình ra đường ĐH 418 và đường Khánh Bình 66, cụ thể:

- Vị trí đầu nối thoát nước mưa: Toàn bộ nước mưa trong dự án được thu gom và thoát ra hệ thống cống hộp trên đường ĐH 418 tại 03 vị trí (02 vị trí tại nút giao lộ giữa đường D1 của dự án với đường ĐH 418 và 01 vị trí tại nút giao lộ giữa đường D4 của dự án với đường ĐH 418).

- Vị trí đầu nối giao thông: Đầu nối ra đường ĐH 418 và đường Khánh Bình 66 tại 04 vị trí .

+ Vị trí đầu nối 1: Tại nút giao lộ giữa đường D1 của dự án với đường ĐH 418.

+ Vị trí đầu nối 2: Tại nút giao lộ giữa đường D4 với đường ĐH 418.

+ Vị trí đầu nối 3: Tại nút giao lộ giữa đường D1 với đường Khánh Bình 66.

+ Vị trí đầu nối 4: Tại nút giao lộ giữa đường D3 với đường Khánh Bình 66.

Khi tiến hành thi công đầu nối hạ tầng kỹ thuật nêu trên Công ty TNHH Quang Vinh phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt và đảm bảo an toàn giao thông, lắp đặt các biển báo hiệu theo quy định. Đồng thời đảm bảo việc lưu thông trên đoạn đường ĐH 418 và đường Khánh Bình 66.

2. Giao Phòng Quản lý đô thị, UBND phường Khánh Bình theo dõi, kiểm tra Công ty TNHH Quang Vinh thực hiện việc đấu nối hạ tầng cũng như thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐVP;
- Lưu: VT, (D).



Doãn Hồng桂

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG KHÁNH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 43 /UBND-KT
V/v chấp thuận chủ trương đầu
nối thoát nước mưa dự án Chợ
và khu nhà ở thương mại Công
ty TNHH Quang Vinh.

Khánh Bình, ngày 15 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Quang Vinh

Ủy ban nhân dân phường Khánh Bình có nhận được văn bản số: 050/ĐNDA2-QV, ngày 19/4/2023 của Công ty TNHH Quang Vinh về việc xin đầu nối thoát nước mưa dự án Chợ và khu nhà ở thương mại công ty TNHH Quang Vinh tại phường Khánh Bình.

Ngày 24/4/2023 UBND phường Khánh Bình tiến hành khảo sát vị trí đầu nối cống thoát nước mưa của dự án chợ và khu nhà ở thương mại công ty TNHH Quang Vinh ra đường Khánh Bình 66 tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình. Qua khảo sát UBND phường có ý kiến như sau:

- Chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh được đầu nối hệ thống thoát nước mưa từ dự án chợ và khu nhà ở thương mại công ty TNHH Quang Vinh vào đường Khánh Bình 66 tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình theo đúng hồ sơ thiết kế.

- Trong quá trình thi công phải đảm bảo an toàn trong lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường. Nếu việc thi công có ảnh hưởng đến tài sản của tổ chức, cá nhân thì công ty tự thỏa thuận giải quyết.

- Nếu sau này chủ trương nhà nước có thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Khánh Bình 66 mà ảnh hưởng hoặc phải tháo dỡ hệ thống thoát nước do công ty đầu tư sẽ không hỗ trợ, bồi thường.

- Giao cán bộ GT-TMDV-KHCN-HTX giám sát quá thi công theo đúng nội dung được chấp thuận, đảm bảo đúng quy trình và theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành thi công, UBND phường Khánh Bình yêu cầu công ty báo cáo kết quả thi công cho UBND phường thông qua cán bộ GT-TMDV-KHCN-HTX của phường.

Trên đây là ý kiến của UBND phường Khánh Bình về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh được thi công đầu nối hệ thống thoát nước mưa từ dự án chợ và khu nhà ở thương mại công ty TNHH Quang Vinh ra đường Khánh Bình 66./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Học

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4937 /UBND-KTTH

Tân Uyên, ngày 27 tháng 9 năm 2024

V/v đấu nối nước thải sau xử lý của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh vào hệ thống thoát nước đường ĐH 418, phường Khánh Bình.

Kính gửi:

- Phòng Quản lý đô thị;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Khánh Bình;
- Công ty TNHH Quang Vinh.

Qua xem xét Báo cáo số 348/BC-QLĐT ngày 23/9/2024 của Phòng Quản lý đô thị về việc khảo sát đấu nối nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh phường Khánh Bình vào đường ĐH 418,

Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty TNHH Quang Vinh được đấu nối nước thải sau xử lý đạt chuẩn theo quy định của dự án Chợ và Khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh vào hệ thống thoát nước đường Trịnh Hoài Đức (ĐH 418) tại Km1+900 bên phải đường ĐH 418 (hướng từ đường ĐT 747A đến đường ĐT 747B), phường Khánh Bình (tọa độ chi tiết theo Báo cáo số 348/BC-QLĐT ngày 23/9/2024 của Phòng Quản lý đô thị).

- Thời gian sau, hệ thống thoát nước mưa tuyến đường Trịnh Hoài Đức (ĐH 418) quá tải không đảm bảo thoát nước cho khu vực, UBND thành phố đề nghị Công ty TNHH Quang Vinh hỗ trợ kinh phí đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước mưa tuyến đường Trịnh Hoài Đức (ĐH 418) theo Bản cam kết số 56/CK-QV2 ngày 26/8/2024 của Công ty.

- Công ty TNHH Quang Vinh có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời công trình đã đầu tư từ nguồn kinh phí của đơn vị khi tuyến đường Trịnh Hoài Đức (ĐH 418) được đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

2. Giao Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Khánh Bình theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Công ty TNHH Quang Vinh thực hiện việc đấu nối hệ thống thoát nước thải nêu trên đảm bảo các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT; các PCT;
- LĐVP;
- Lưu: VT, (D).

CHỦ TỊCH



Đoàn Hồng Tươi

Đoàn Hồng Tươi

Bình Dương, ngày 01 tháng 08 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU MÁY MÓC, THIẾT BỊ
Số : CA/NTMMTB

Dự án : Chợ Và Khu Nhà Ở Thương Mại Công TNHH Quang Vinh

Công trình: Hệ Thống Hạ Tầng Kỹ Thuật

Hạng mục: Trạm Xử Lý Nước Thải

Địa điểm xây dựng : Phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

1/ Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải

2/ Các thành phần tham gia nghiệm thu.

- **Đại diện Chủ Đầu Tư: Công ty TNHH Quang Vinh.**

+ Ông : Lê Quang Vinh

Chức vụ : Giám Đốc

+ Ông :

Chức vụ :

- **Đại diện Đơn vị tư vấn giám sát: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Trường Lũy**

+ Ông : Đặng Văn Tiến.....

Chức vụ : ...Giám Đốc.....

+ Ông :

Chức vụ :

- **Đại diện Đơn vị thi công: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng QVG**

+ Ông : Phạm Văn Tiệp

Chức vụ : Giám Đốc

+ Ông : Võ Thành Nền

Chức vụ : CBKT

3/ Nội dung biên bản :

Căn cứ trên thực tế thi công, nay Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng QVG lập bảng khối lượng chi tiết máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải như sau:

TT	Hạng mục	Mô tả chi tiết	Xuất xứ	Đơn vị	SL	Ghi chú
1	Bể thu gom - TK01					
1.1	Bơm nước thải hồ gom	Thông số kỹ thuật: - Q = 12,0 m ³ /h - Cột áp H = 8m - Nhiệt độ chất bơm: 0 ~	HCP Đài Loan	Cái	2	

		40°C. - Vật liệu: Thân Gang / INOX - Bồn bơm gang. - Điện áp: 3pha, 380V, 50Hz, hoặc 220V, 50Hz - Công suất : 0.75kW. - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đài Loan				
1.2	Thiết bị tách rác tinh	- Kiểu: giỏ tách rác, khe lược 2,0-6,0mm - Vật liệu: Thép không gỉ SS304	Việt Nam	Cái	1	Gia công khi lắp đặt
2	Bể tách mỡ, điều hòa - TK02, TK03					
1.2	Bơm nước thải điều hòa	Thông số kỹ thuật: - Công suất : 0.375kW ; - Điện áp: 1pha- 220V; 50Hz hoặc 3pha- 380V; 50Hz. - Q = 6-8 m3/h; - H = 4-6 m - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đài Loan	HCP Đài Loan	Cái	2	
3	Bể thiếu khí & hiếu khí Aeortank - T04, T05					
3.1	Máy khuấy	Thông số kỹ thuật: - Máy khuấy phi giảm tốc : 1/100 - 1/50 - Trục và cánh khuấy vật liệu : INOX 201. - Công suất : 1.0Hp - Điện áp: 380V/220 - Xuất xứ : Gia công chế tạo	Gia công chế tạo	bộ	2	Gia công khi lắp đặt
3.2	Máy thổi khí	Thông số kỹ thuật:	Longtech Đài Loan	Cái	2	

		- Máy thổi khí cột áp: 45 kPa - Công suất: 3.75 kW = 5Hp - Số lượng : 02 máy - Xuất xứ : Longtech hoặc tương đương.				
3.3	Đĩa khuếch tán khí	Thông số kỹ thuật: - Đĩa khuếch tán bọt khí mịn - Kích thước: 240mm - Vật liệu màng: EPDM; - Đầu nối ren 27mm - Lưu lượng: 2 - 4,5 m³/h	Đài Loan	Cái	30	
3.4	Bơm tuần hoàn Nitrat	Thông số kỹ thuật: - Công suất : 0.375kW ; - Điện áp: 1pha- 220V hoặc 3pha- 380V; 50Hz. - Q = 6-8 m³/h; H=4-6 m - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đài Loan	HCP Đài Loan	Cái	1	
4	Bể lắng sinh học - TK06					
4.1	Bơm bùn sinh học	Thông số kỹ thuật: - Công suất : 0.375kW ; - Điện áp: 1pha- 220V hoặc 3pha- 380V; 50Hz. - Q = 6-8 m³/h; H=4-6 m - Lắp trực tiếp không coupling - Xuất xứ : HCP - Đài Loan	HCP Đài Loan	Cái	1	
4.2	Máy khuấy chậm 1/1000 - 1/5000	- Máy giảm tốc, giảm 2 cấp - Công suất : 1/8-1/4Hp. - Điện áp: 380V/220 . - Giảm tốc : 1/1000 – 1/5000 . - Xuất xứ : Gia công chế tạo	Gia công chế tạo	bộ	1	Gia công khi lắp đặt

0591
 CÔNG
 ÁCH
 HỮU
 QUAN
 /YÊN

4.3	Thanh gạt bùn đáy	- Kích thước: D/H : 3200/3500 - Vật tư : INOX 201 - Thép định hình cố định, và các phụ kiện,... - Xuất xứ : Gia công chế tạo	Gia công chế tạo	bộ	01	Gia công khi lắp đặt
4.4	Tấm chắn bùn, máng răng cưa	- Vật liệu: SS304, dày 1.2mm - Gia công chế tạo	Việt Nam	Hệ	01	Gia công khi lắp đặt
4.5	Ống trung tâm	- Kích thước (D & H) - Đường kính D = 300mm - Chiều cao H = 1,5m. - Vật liệu: SS304; dày 1.0mm	Việt Nam	Cái	01	Gia công khi lắp đặt
4.6	Thiết bị hút bùn nổi	- Vật liệu: nhựa - Gia công chế tạo	Việt Nam	Hệ	01	Gia công khi lắp đặt
5	Bể trung gian & khử trùng - TK07/08					
5.1	Thiết bị đo lưu lượng	- Đồng hồ đo lưu lượng - Dạng cơ - DN100 - Vật liệu: gang	Asia	Cái	01	
5.2	Bồn lọc áp lực	- Kích thước: D x C = 0,75 x 1,8 m - Đường kính D = 0,75m - Chiều cao tổng H = 1,8m - Vật liệu: composite - Bao gồm cát sỏi lọc - Xuất xứ : Gia công chế tạo	Gia công chế tạo	Cái	01	
5.3	Bơm lọc áp lực	Thông số kỹ thuật: - Q = 8,0 -15m3/h - Cột áp : H = 8,0 - 15 m - Điện áp: 3pha 380V, 50Hz hoặc 1pha 220V,	HCP Đài Loan	Cái	02	

		50Hz - Công suất : 1.0 - 1.5Hp - Xuất xứ : HCP - Đài Loan				
6	Hệ thống hóa chất & khử mùi					
6.1	Bơm hóa chất Chlorine	- Lưu lượng: 18-20 lít/giờ - Công suất điện: 200W - Điện áp : 220V / 50Hz - Xuất xứ: Hanna - Rumania	Hanna Rumania	cái	01	
6.2	Bồn pha hóa chất	- Dạng bồn đứng - Thể tích: 500lit - Vật liệu: nhựa	Việt Nam	cái	01	
6.3	Quạt hút	- Vật liệu: nhựa - Gia công chế tạo	Việt Nam	cái	01	
6.4	Ống thoát mùi	- Vật liệu: nhựa - Gia công chế tạo	Việt Nam	Hệ	01	

4/ Thời gian nghiệm thu.

Bắt đầu: 08 h00 ngày 01 tháng 08 năm 2024.

Kết thúc: 10 h30 cùng ngày.

5/ Địa điểm nghiệm thu: Tại Dự án Chợ Và Khu Nhà Ở Thương Mại Công TNHH Quang Vinh

6/ Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế được chấp thuận.
- Hợp đồng thi công xây dựng số 06/2024/QV-QVG
- Biện pháp thi công được duyệt.
- Nhật ký thi công.
- Biện pháp thi công được duyệt.
- Nhật ký thi công.
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu .
- Bản vẽ hoàn công
- Các tiêu chuẩn, Nghị định được áp dụng:
 - + Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
 - + TCVN 4055 – 2012: Tổ chức thi công
 - + TCVN 5637 – 1991: Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng

+ TCVN 5639:1991 : Về nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong

7/ **Kết luận** : Đạt yêu cầu. Cho phép đơn vị thi công đưa vào sử dụng

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ



Lê Quang Vinh

ĐD TƯ VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Dặng Văn Tiên

ĐD ĐƠN VỊ THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Liệp



Hợp Tác Xã Dịch Vụ Môi Trường Khánh Bình.
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu Phố Bình
Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh
Bình Dương
Tel: 035 777 7770
E-mail: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 112KB/HĐ-KB/2024

Bình Dương, ngày 01 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính Phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3702626964 do UBND thị xã Tân Uyên – phòng Tài chính kế hoạch cấp thay đổi lần 01, ngày 05 tháng 11 năm 2018

Căn cứ yêu cầu của **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ: 199/F tổ 4C, khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Số điện thoại : 0274.3653 368

Mã số thuế : 3700596880

Email nhận hóa đơn chứng từ: bdsquangvinhd@gmail.com

Do ông (bà) : **LÊ QUANG VINH** Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

BÊN B : HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH.

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu Phố Bình Chánh, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 035 777 7770 (Mr Thành - Giám đốc điều hành) ; 0985 787 915 (Mr Điện PGĐ điều xe); 0961 020 517 (Mr Tuấn Anh - PGĐ tài chính); 0274 246 1577 (văn phòng - kế toán)

Mã số thuế : 3702626964

Người đại diện : **LÝ GIA THÀNH** Chức vụ: **Giám Đốc.**

Tài khoản số : 6501 0002 453 051 tại BIDV chi nhánh Bình Dương

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

- 2.1 Khối lượng của từng loại chất thải:** là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Danh mục	ĐVT	Đơn giá xử lý	Ghi chú
1	Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt	Tháng	1.000.000 VNĐ	thu gom 2 lần/tuần

Số tiền bằng chữ: Một triệu đồng.

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- Hàng tháng sẽ có biên bản bàn giao chất thải sinh hoạt cho công ty, biên bản sẽ được giao mỗi quý 1 lần. (Ngày giao là ngày 15 tây của tháng đầu tiên quý tiếp theo)
- Đơn giá trên áp dụng với thùng rác để chỗ có mái che, thùng rác không bị ướt, không bị nước vào trong thùng.

2.4 Thời gian – Địa điểm thu gom:

- Thời gian thu gom: 02 lần/tuần

Địa điểm giao nhận: tại **CÔNG TY TNHH QUANG VINH**

Địa chỉ thu gom: Chợ Quang Vinh 2, khu phố Khánh Lộc, Khánh Bình, Tân Uyên, Bình Dương.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Vào cuối mỗi tháng Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A. Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản bên A chịu) cho Bên B chậm nhất trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải sinh hoạt thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời hạn còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 3. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng BIDV Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục 3.2 Điều 3 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại Xí nghiệp xử lý chất thải (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải sinh hoạt của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng.

- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
 - + Do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Do bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
 - + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 5). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- Trong thời gian hợp đồng của bên A còn hiệu lực nếu có biến động về khối lượng rác sinh hoạt thì hai bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh hợp đồng. Nếu có thay đổi về giá (theo Quyết định của UBND tỉnh) hợp đồng sẽ được thông báo điều chỉnh theo đơn giá mới.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



...the ...
...the ...
...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...
...the ...
...the ...



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
SEN VÀNG**

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC
Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình
Dương
Tel/Fax: 0274.246.1222
E-mail: moitruongsenvang@gmail.com
Web: moitruongsenvang.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 826 HD/SV - 2024

Bình Dương, ngày 25 tháng 11 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 5-6.038.VX (Cấp lần 02) của Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng ngày 07 tháng 06 năm 2021;
- Căn cứ theo nhu cầu của hai bên.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ : Số 199/F, tổ 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên,
Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274.365.3368

Mã số thuế : 3700596880

Người đại diện : **LÊ QUANG VINH**

Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thành phố
Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274.246.1222

Fax: 0274.371.5754

Mã số thuế : 3701224331

Người đại diện : **NGUYỄN VĂN HÒA**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Tài khoản số : 0711010293098 tại NH ABBANK – PGD Thuận An - Bình Dương.

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: 01(một) năm kể từ ngày ký hợp đồng.

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải: là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Hình Thức	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Thuế VAT (8%) (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Khoán	Năm	12.000.000	960.000	12.960.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06					
3	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04					
4	Các loại động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04					
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06					
6	Bao bì mềm thải	18 01 01					
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02					
8	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03					
9	Mỡ thải	17 07 04					
10	Chất thải công nghiệp	-					

Ghi chú:

- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom và xử lý.
- Thời gian thu gom chất thải nguy hại: 01 lần/năm. Với khối lượng không vượt quá 200 kg/năm. Ngoài số lượng vượt sẽ được tính là 6.000 đ/kg.
- Đơn giá trên đã bao gồm 8% thuế GTGT.
- Bao bì, thùng phuy chứa chất thải Bên B không hoàn trả lại sau xử lý.

2.4 Thời gian – Địa điểm thu gom:

- Thời gian thu gom: 01 lần/năm. Ngày thu gom cụ thể (trừ ngày lễ và chủ nhật) bên A thông báo trước 10 ngày cho Bên B thực hiện thu gom.
- Địa điểm giao nhận: Dự án Chợ và khu nhà ở thương mại Công ty TNHH Quang Vinh (Quang Vinh 2) tại Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Số điện thoại liên hệ thu gom: 0274 246 1222 Hotline: 0913 521 144.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- **Phương thức :** Bằng chuyển khoản.
- **Thanh toán:**
- Trong vòng 10 (ngày) làm việc kể từ ngày Bên A thông báo cho bên B về thời gian thu gom. Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng và kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B.
- Phần khối lượng vượt (nếu có) hoặc thu gom phát sinh bên B sẽ xuất hóa đơn cho bên A khi thu gom thực tế.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải nguy hại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải theo quy định tại Điều 2, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất thải, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và thanh toán chi phí vận chuyển cho bên B là 2.000.000 đ/lần.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải khác thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Khi bàn giao chất thải nguy hại Bên A phải cử người cân xác nhận khối lượng chất thải chuyển giao.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 3. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng ABBANK – PGD Thuận An – Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục 3.2 Điều 3 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng. Nếu không, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu trữ quá hạn chất thải nguy hại của bên A, và xem như là đã vi phạm hợp đồng (trừ khi hai bên có thỏa thuận khác).
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 336436

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chợ Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, tổ 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060081560

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 28/05/2024 đến ngày 07/06/2024	kWh	29	-	58.481
	(kèm theo bảng kê số 1396155214 ngày 13 tháng 06 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					58.481
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.678
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			63.159
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi ba nghìn một trăm năm mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/06/2024 15:16:56



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 392911

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chợ Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, tổ 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060081560

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 08/06/2024 đến ngày 07/07/2024	kWh	83	-	169.712
	(kèm theo bảng kê số 1406658131 ngày 13 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					169.712
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			13.577
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			183.289

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi ba nghìn hai trăm tám mươi chín đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/07/2024 13:53:51

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 449046

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chợ Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, lô 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060081560

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 08/07/2024 đến ngày 07/08/2024	kWh	65	-	132.635
	(kèm theo bảng kê số 1417504995 ngày 13 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					132.635
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.611
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			143.246
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/08/2024 09:49:23

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 508087

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chợ Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, tổ 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060081560

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 08/08/2024 đến ngày 07/09/2024	kWh	1.558	-	2.996.787
	(kèm theo bảng kê số 1428176022 ngày 13 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.996.787
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			239.743
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			3.236.530
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/09/2024 10:38:32

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 561624

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chợ Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, tổ 4C, Khu phố 1, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060081560

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 08/09/2024 đến ngày 07/10/2024	kWh	1.876	-	3.602.234
	(kèm theo bảng kê số 1438945903 ngày 10 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					3.602.234
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		288.179
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		3.890.413

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 10/10/2024 15:47:26

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 40138

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tổ 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB0406003770 CSV 2

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 08/12/2023 đến ngày 07/01/2024	kWh	4.862	-	14.811.925
	(kèm theo bảng kê số 1342369130 ngày 11 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					14.811.925
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.184.954
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			15.996.879
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/01/2024 11:21:55

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 93373

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tổ 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB0406003770

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 08/01/2024 đến ngày 07/02/2024	kWh	4.917	-	15.017.754
	(kèm theo bảng kê số 1352807214 ngày 12 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					15.017.754
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.201.420
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			16.219.174
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/ 02/ 2024 13:06:51

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 154782

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tổ 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060038770

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 08/02/2024 đến ngày 07/03/2024	kWh	5.227	-	16.007.517
	(kèm theo bảng kê số 1363713898 ngày 12 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					16.007.517
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.280.601
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			17.288.118
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu hai trăm tám mươi tám nghìn một trăm mười tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/03/2024 08:58:19

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 214769

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tò 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PBO4060038770

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 08/03/2024 đến ngày 07/04/2024	kWh	6.126	-	18.603.305
	(kèm theo bảng kê số 1374454007 ngày 12 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					18.603.305
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.488.264
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			20.091.569
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu không trăm chín mươi một nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/ 04/ 2024 16:58:30

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 336421

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tổ 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB0406003770

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 08/05/2024 đến ngày 07/06/2024	kWh	7.583	-	23.206.932
	(kèm theo bảng kê số 1396155242 ngày 13 tháng 06 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					23.206.932
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.856.555
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			25.063.487

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/06/2024 15:16:56

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 392896

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tò 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060038770

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 08/06/2024 đến ngày 07/07/2024	kWh	4.784	-	14.795.538
	(kèm theo bảng kê số 1406658178 ngày 13 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					14.795.538
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.183.643
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			15.979.181
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn một trăm tám mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/ 07/ 2024 13:53:52

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 449031

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tò 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060038770

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 08/07/2024 đến ngày 07/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1417505025 ngày 13 tháng 08 năm 2024)	kWh	4.945	-	15.157.514
Cộng tiền hàng (Total amount):					15.157.514
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.212.601
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 16.370.115
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn một trăm mười lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/ 08/ 2024 09:49:23

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THG

Số (No): 508072

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Quang Vinh

Mã số thuế (Tax code): 3700596880

Địa chỉ (Address): Số 199/F, Tổ 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04060038770

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 08/08/2024 đến ngày 07/09/2024	kWh	5.746	-	16.723.965
	(kèm theo bảng kê số 1428176069 ngày 13 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					16.723.965
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.337.917
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 18.061.882
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm tám mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/09/2024 10:38:32

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006-19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện Lực Tân Uyên - Số TK: 0031000663002 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)****Ngày (Date)** 10 tháng (month) 10 năm (year) 2024**Ký hiệu (Serial):** 1K24THG**Số (No):** 561609**Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** Công Ty TNHH Quang Vinh**Mã số thuế (Tax code):** 3700596880**Địa chỉ (Address):** Số 199/F, Tò 4C, Kp.1, P. Hội Nghĩa, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04060038770**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 08/09/2024 đến ngày 07/10/2024	kWh	5.155	-	14.983.275
	(kèm theo bảng kê số 1438945921 ngày 10 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					14.983.275
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.198.662
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			16.181.937
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu một trăm tám mươi một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 10/10/2024 15:47:26



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/12/2023 đến ngày: 5/1/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 69062

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 84451

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÔ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		01/2024	0	28.963	29.066	103
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 103	21.000	2.163.000				
				Tiền nước: 2.163.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 108.150		
				Phí BV môi trường 10%: 216.300		
Tổng số tiền phải trả: 2.487.450				Ngày 06 tháng 01 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/01/2024 09:15:28		



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 464451

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÒ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/1/2024 đến ngày: 5/2/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 417982

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		02/2024	0	29.066	29.199	133
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 133	21.000	2.793.000				
				Tiền nước: 2.793.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 139.650		
				Phí BV môi trường 10%: 279.300		
Tổng số tiền phải trả: 3.211.950				Ngày 06 tháng 02 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Ba triệu hai trăm mười một ngàn chín trăm năm mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/02/2024 09:43:24		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/2/2024 đến ngày: 5/3/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 815929

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 830394

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÒ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ÁP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		03/2024	0	29.199	29.322	123
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 123	21.000	.2.583.000				
				Tiền nước: 2.583.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 129.150		
				Phí BV môi trường 10%: 258.300		
Tổng số tiền phải trả: 2.970.450				Ngày 06 tháng 03 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Hai triệu chín trăm bảy mươi ngàn bốn trăm năm mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/03/2024 12:06:49		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/3/2024 đến ngày: 5/4/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 1207217

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1195297

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÒ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		04/2024	0	29.322	29.446	124
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 124	21.000	2.604.000				
				Tiền nước: 2.604.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 130.200		
				Phí BV môi trường 10%: 260.400		
Tổng số tiền phải trả: 2.994.600				Ngày 06 tháng 04 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Hai triệu chín trăm chín mươi tư ngàn sáu trăm đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/04/2024 12:51		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/5/2024 đến ngày: 5/6/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1936335

Số BL: 1947286

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÔ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04 QVL		06/2024	85	29.455	29.455	85
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 85	21.000	1.785.000				
				Tiền nước: 1.785.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 89.250		
				Phí BV môi trường 10%: 178.500		
Tổng số tiền phải trả: 2.052.750				Ngày 06 tháng 06 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Hai triệu không trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/06/2024 10:37:15		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/6/2024 đến ngày: 5/7/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2318026

Số BL: 2326353

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÔ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		07/2024	0	0	194	194
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 194	21.000	4.074.000				
				Tiền nước: 4.074.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 203.700		
				Phí BV môi trường 10%: 407.400		
Tổng số tiền phải trả: 4.685.100				Ngày 06 tháng 07 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn một trăm đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/07/2024 09:13:03		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/7/2024 đến ngày: 5/8/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694
Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN Số: 2697811

Số BL: 2709432

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÔ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		08/2024	0	194	430	236
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 236	21.000	4.956.000				
				Tiền nước: 4.956.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 247.800		
				Phí BV môi trường 10%: 495.600		
Tổng số tiền phải trả:				Ngày 07 tháng 08 năm 2024		
5.699.400				TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm đồng				Signature Valid		
				Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG		
				Ký ngày: 07/08/2024 10:47:42		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/8/2024 đến ngày: 5/9/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 3063197

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 3078693

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÒ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		09/2024	0	430	586	156
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 156	21.000	3.276.000				
				Tiền nước: 3.276.000		
				Tiền thuế GTGT 5% : 163.800		
				Phí BV môi trường 10%: 327.600		
Tổng số tiền phải trả: 3.767.400				Ngày 07 tháng 09 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Ba triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 07/09/2024 09:03:25		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/9/2024 đến ngày: 5/10/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694
Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN Số: 3446821

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 3481156

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÔ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ 8802.0500.04		Kỳ/Năm 10/2024	Khoán 0	Chi số cũ 586	Chi số mới 634	M ³ Tiêu thụ 48
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 48	21.000	1.008.000		Tiền nước: 1.008.000 Tiền thuế GTGT 5% : 50.400 Phí BV môi trường 10%: 100.800		
Tổng số tiền phải trả: 1.159.200 Bằng chữ: Một triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm đồng				Ngày 08 tháng 10 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 08/10/2024 10:38:35		

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/10/2024 đến ngày: 5/11/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 3819557

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 3809133

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÔ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		11/2024	0	634	636	2
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 2	21.000	42.000		Tiền nước: 42.000 Tiền thuế GTGT 5% : 2.100 Phí BV môi trường 10%: 4.200		
Tổng số tiền phải trả: 48.300 Bằng chữ: Bốn mươi tám ngàn ba trăm đồng				Ngày 06 tháng 11 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/11/2024 08:18:22		

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 6/11/2024 đến ngày: 5/12/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 4185389

Số BL: 4194233

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

Địa chỉ KH: SỐ 199/F, TÒ 4C, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG HỘI NGHĨA, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: ẤP LONG BÌNH ĐH418, P.KHÁNH BÌNH, TP.TÂN UYÊN, BD

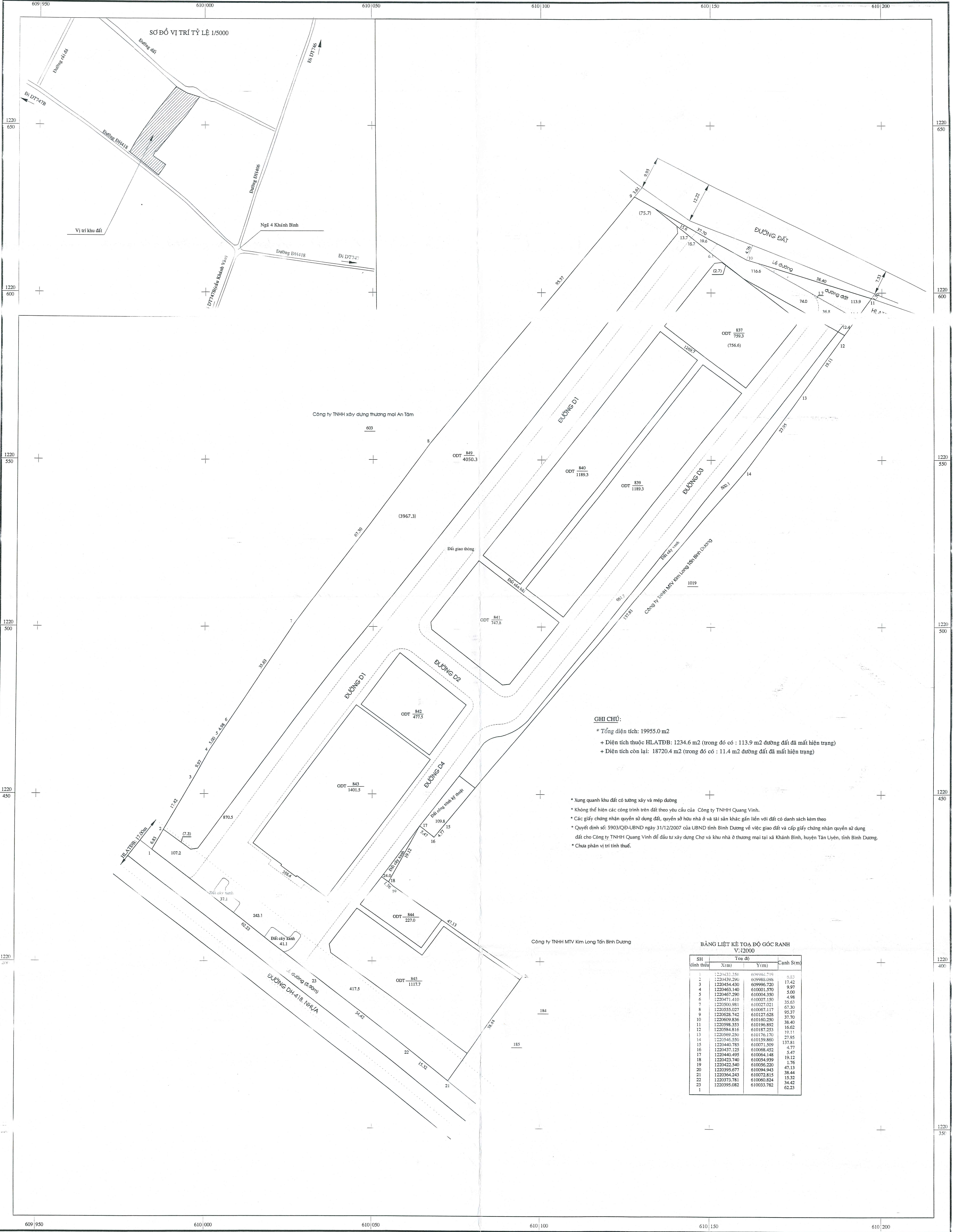
Mã số thuế KH: 3700596880

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8802.0500.04		12/2024	0	636	636	0
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 2	21.000	42.000		Tiền nước: 42.000 Tiền thuế GTGT 5% : 2.100 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 44.100				Ngày 06 tháng 12 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/12/2024 08:25:21		
Bằng chữ: Bốn mươi tư ngàn một trăm đồng						

PHƯỜNG KHÁNH BÌNH
MẢNH TRÍCH LỤC ĐỊA CHÍNH CÓ ĐO ĐẠC CHÍNH LÝ SỐ 110- 2017
HỆ TOẠ ĐỘ VN-2000, TỜ SỐ 39
ĐƠN VỊ YÊU CẦU: CÔNG TY TNHH QUANG VINH

TỈNH BÌNH DƯƠNG - TX. TÂN UYÊN

TL/110-2017



GHI CHÚ:
* Tổng diện tích: 19955.0 m²
+ Diện tích thuộc HLAĐB: 1234.6 m² (trong đó có : 113.9 m² đường đất đã mất hiện trạng)
+ Diện tích còn lại: 18720.4 m² (trong đó có : 11.4 m² đường đất đã mất hiện trạng)

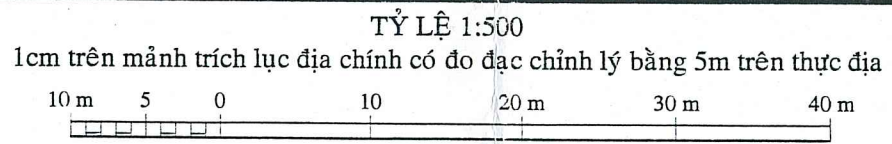
- * Xung quanh khu đất có tường xây và mép đường
- * Không thể hiện các công trình trên đất theo yêu cầu của Công ty TNHH Quang Vinh.
- * Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có danh sách kèm theo
- * Quyết định số: 5903/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Quang Vinh để đầu tư xây dựng Chợ và khu nhà ở thương mại tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- * Chưa phân vị trí tính thuế.

BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH
V.12000

STT	Điểm thứ	X(m)	Y(m)	Cạnh S(m)
1	1	1220433.226	609986.716	6.53
2	2	1220439.290	609986.086	9.97
3	3	1220454.430	609996.720	17.42
4	4	1220463.140	610001.570	5.00
5	5	1220467.290	610004.350	4.98
6	6	1220471.410	610007.150	35.63
7	7	1220500.981	610027.021	67.30
8	8	1220535.027	610027.117	35.63
9	9	1220628.742	610127.628	93.37
10	10	1220609.836	610160.250	37.70
11	11	1220598.353	610196.892	38.40
12	12	1220584.816	610187.253	16.62
13	13	1220569.250	610176.170	19.11
14	14	1220546.550	610159.860	27.95
15	15	1220440.785	610071.509	137.81
16	16	1220437.125	610068.452	4.77
17	17	1220440.495	610064.148	5.47
18	18	1220423.740	610054.939	19.12
19	19	1220422.540	610056.220	1.76
20	20	1220395.677	610094.943	47.13
21	21	1220364.243	610072.815	38.44
22	22	1220373.781	610060.824	15.32
23	23	1220395.082	610033.782	34.42
1	1	1220433.226	609986.716	62.23

Ngày tháng năm 2017
Tổ đo đạc
Bùi Văn Tuyền

Ngày tháng năm 2017
Người kiểm tra
Trần Phú Kim Dung



Ngày 20 tháng 01 năm 2017
Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương
KST. Giám đốc
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Giám đốc
Bùi Văn Tuyền

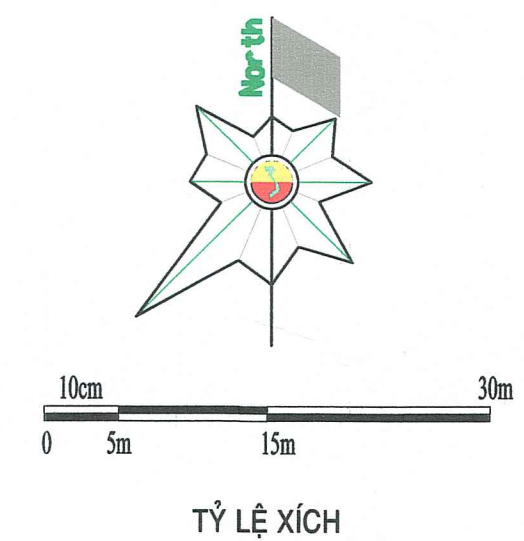
PHƯỜNG KHÁNH BÌNH - THỊ XÃ TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CÔNG TY TNHH QUANG VINH

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẬT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH: 20.023,40 m²



KÝ HIỆU:

- ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ PHỐ CHỢ
- ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- ĐẤT SÂN BÃI
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT SAU NHÀ
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, TRẠM ĐIỆN, TRẠM RÁC
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH
- ĐẤT GIAO THÔNG
- RANH QUY HOẠCH
- HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ
- KHOẢNG LƯỚI XÂY DỰNG
- ① TRẠM ĐIỆN, WC
- ② TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, TRẠM RÁC

GHI CHÚ:

MỖXD TỐI ĐA
DIỆN TÍCH

168 người
LÔ B (ĐẤT Ở)
≤ 88% 02 - 04
3.951,21 m²

DÂN SỐ
KÝ HIỆU LÔ
TẦNG CAO TỐI ĐA

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN

NẰM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: Ngày tháng năm 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ TÂN UYÊN

NẰM THEO TỜ TRÌNH SỐ: Ngày tháng năm 2023

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH QUANG VINH

NẰM THEO TỜ TRÌNH SỐ: Ngày tháng năm 2023

ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CÔNG TY TNHH QUANG VINH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG KHÁNH BÌNH - THỊ XÃ TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẬT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-01 / 13 GHÉP: A1 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: ... / ... / 2023

THỂ HIỆN KTS. NGUYỄN HIẾU THU THẢO

THIẾT KẾ KTS. NGUYỄN HIẾU THU THẢO

CHỦ TRÌ KTS. TRẦN VŨ

CHỦ NHIỆM KTS. TRẦN VŨ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT KTS. NGUYỄN TRƯỜNG THƠ

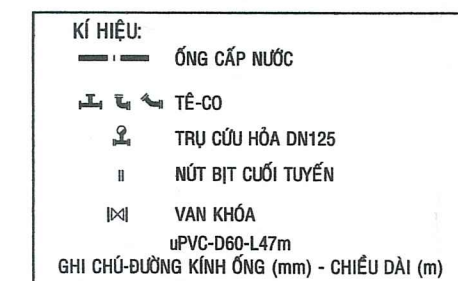
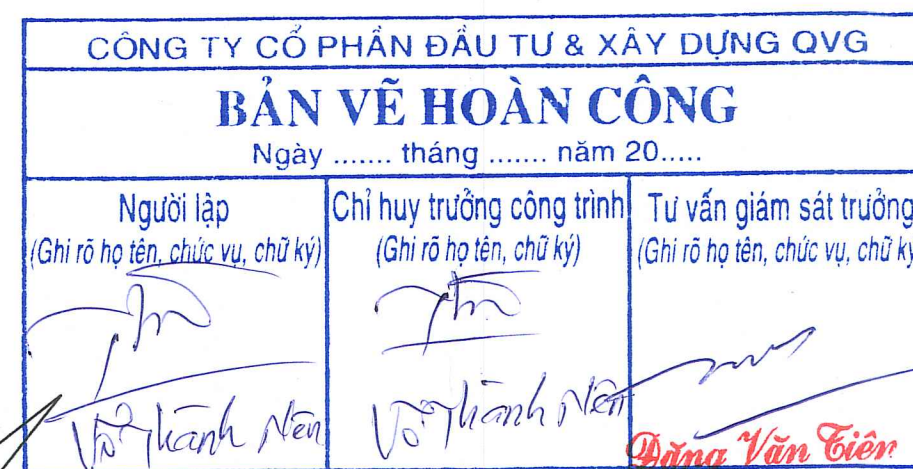
GIÁM ĐỐC KTS. TRẦN VŨ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG KIẾN XANH

05 E2, KDC HIỆP THÀNH 2, P. HIỆP THÀNH, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐT: 0901.698.069

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU									
STT	LOẠI ĐẤT	CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ				HS SDB	MỖXD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO XD (tầng)	TỶ LỆ (%)
		Diện tích (m ²)	Số thửa (thửa)	Dân số (người)	Chỉ tiêu (m ² /ng)				
A	ĐẤT PHÙ HỢP QUY HOẠCH	18.393,6			46,92				100,00
1	Đất ở	9.049,4	98	392	23,09			2-4	49,20
1.1	Lô A	1.217,5	10	40		≤ 3,5	≤ 95,0	2-4	
1.2	Lô B	3.951,2	42	168		≤ 3,5	≤ 88,0	2-4	
1.3	Lô C	3.880,7	46	184		≤ 3,5	≤ 92,0	2-4	
2	Đất thương mại dịch vụ	2.212,7			5,64				12,03
2.1	Lô TMDV1	1.608,2				≤ 1,6	≤ 80,0	≤ 2,0	
2.2	Lô Sân bãi	208,1							
2.3	Lô TMDV2	396,4				≤ 1,6	≤ 80,0	≤ 2,0	
3	Đất cây xanh công viên	416,8			1,06				2,27
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	197,5			0,50		≤ 40,0		1,07
4.1	Trạm điện	26,1							
4.2	Trạm xử lý nước thải	171,4							
5	Đất hạ tầng giao thông	6.517,2			16,63				35,43
5.1	Đất giao thông	6.099,0			15,56				
5.2	Đất hành lang sau nhà	418,2							
B	ĐẤT KHÁC	1.629,8							100,00
1	Đất hành lang an toàn đường bộ	1.629,8							100,00
TỔNG CỘNG		20.023,4	98	392	51,08				100,00

- Đất ở: số người bình quân/thửa 4 người

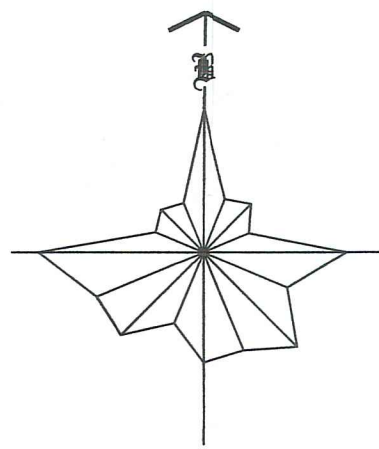


QUY CHUẨN ,TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:

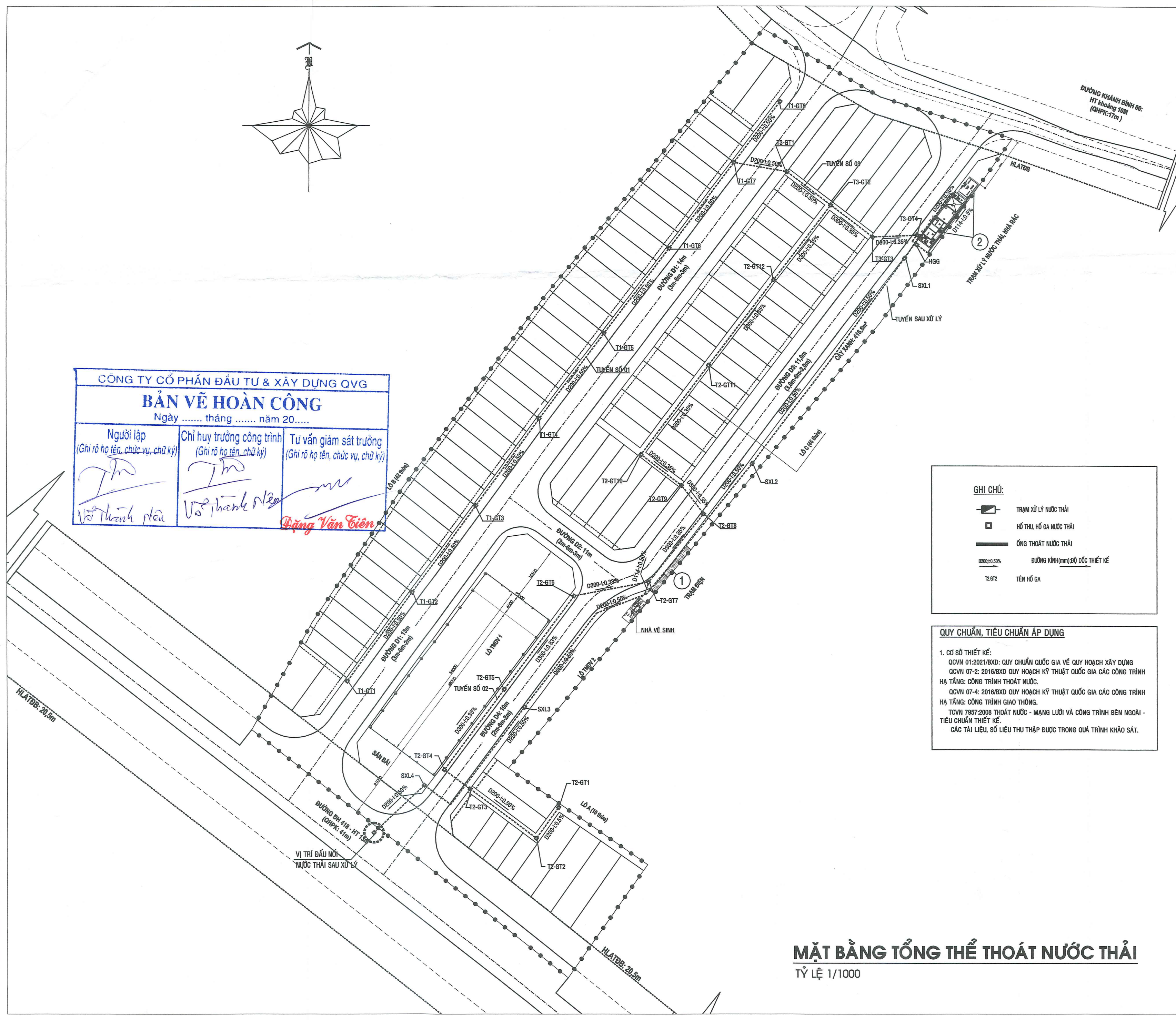
- QCVN 01:2021/BXD: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
- QCVN 01:2021/BXD: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ - CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC
- QCVN 06: 2022/BXD: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH
- TCVN 5578 :1995: QUY PHẠM QUẢN LÝ THỰC HIỆN THỐNG CẬP THOÁT NƯỚC
- TCVN 2822:1995: PHÒNG CHÁY, CHỐNG CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH - YÊU CẦU THIẾT KẾ
- TCVN 6379:1998: THIẾT BỊ CHỮA CHÁY - TRỤ CỨU HỎA - YÊU CẦU THIẾT KẾ
- TCVN 5739:1995: TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ CHỮA CHÁY.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC - PCCC
TỶ LỆ 1/1000

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
DỰ ÁN		
CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CÔNG TY TNHH QUANG VINH		
TÊN CÔNG TRÌNH		
HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
ĐỒXD: P.KHÁNH BÌNH -TP.TÂN UYÊN -T.BÌNH DƯƠNG		
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH QUANG VINH		
GIÁM ĐỐC M.S.D.N: 370096800-C.T.T.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG VINH T.P. TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG ÔNG LÊ QUANG VINH		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG		
GIÁM ĐỐC M.S.D.N: 0318146233-C.I.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG HÀNG THẠCH - T.P. HỒ CHÍ MINH ÔNG PHẠM VĂN TIẾP		
NGƯỜI LẬP BẢN VẼ		
KS VÕ THÀNH NÊN		
HẠNG MỤC		
HỆ THỐNG CẤP NƯỚC -PCCC		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC-PCCC		
TKTT	STT :	CN-PCCC-01
	TBV:	01
HOÀN THÀNH	10/2024	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)



GHI CHÚ:

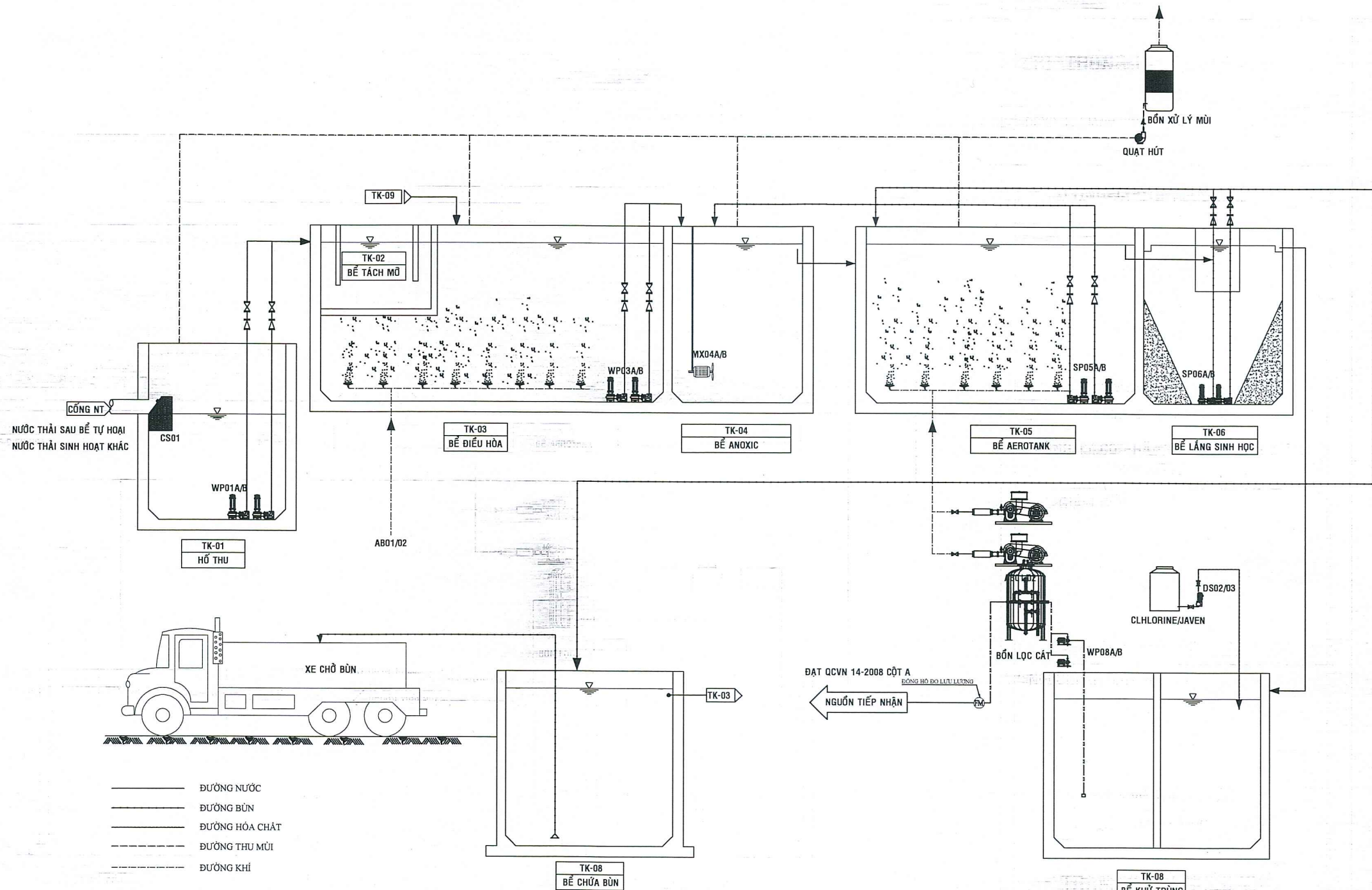
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- HỐ THU HỒ GA NƯỚC THẢI
- ỚNG THOÁT NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG KÍNH(mm);ĐỘ DỐC THIẾT KẾ
- TÊN HỐ GA

QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

1. CƠ SỞ THIẾT KẾ:
QCVN 01:2021/BXD: QUY CHUẨN QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
QCVN 07-2: 2016/BXD QUY HOẠCH KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG: CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC.
QCVN 07-4: 2016/BXD QUY HOẠCH KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG: CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG.
TCVN 7957:2008 THOÁT NƯỚC - MẠNG LƯỚI VÀ CÔNG TRÌNH BÊN NGOÀI - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ.
CÁC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU THU THẬP ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI
TỶ LỆ 1/1000

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
DỰ ÁN		
CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CÔNG TY TNHH QUANG VINH		
TÊN CÔNG TRÌNH		
HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
ĐBXD: P.KHÁNH BÌNH -TP.TÂN UYÊN -T.BÌNH DƯƠNG		
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH QUANG VINH		
GIÁM ĐỐC		
ÔNG LÊ QUANG VINH		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG		
GIÁM ĐỐC		
ÔNG PHẠM VĂN TIẾP		
NGƯỜI LẬP BẢN VẼ		
KS VÕ THÀNH NÊN		
HẠNG MỤC		
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI		
TKTT	STT :	TNT-01
	TBV:	01
HOÀN THÀNH		10/2024



GHI CHÚ:

TK-01 : Hố thu
TK-02 : Bể tách mỡ
TK-03 : Bể điều hòa
TK-04 : Bể anoxic
TK-05 : Bể aerotank

TK-06 : Bể lắng
TK-07 : Bể khử trùng
TK-08 : Bể chứa bùn
CS : GIỎ THU RÁC

WP...: BƠM NƯỚC THẢI
SP...: BƠM Bùn
AB...: MÁY THỔI KHÍ
DS...: BƠM ĐỊNH LƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
<i>Võ Thành Nền</i>	<i>Võ Thành Nền</i>	<i>Đặng Văn Tiên</i>

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
CÔNG TY TNHH QUANG VINH

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐƠN VỊ: P.KHÁNH BÌNH -TP.TÂN UYÊN -T.BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
QUANG VINH
TP.TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG

ÔNG LÊ QUANG VINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG
TP.BÌNH THẠNH - TP. CHÍ MINH

ÔNG PHẠM VĂN TIẾP

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ

KS VÕ THÀNH NỀN

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

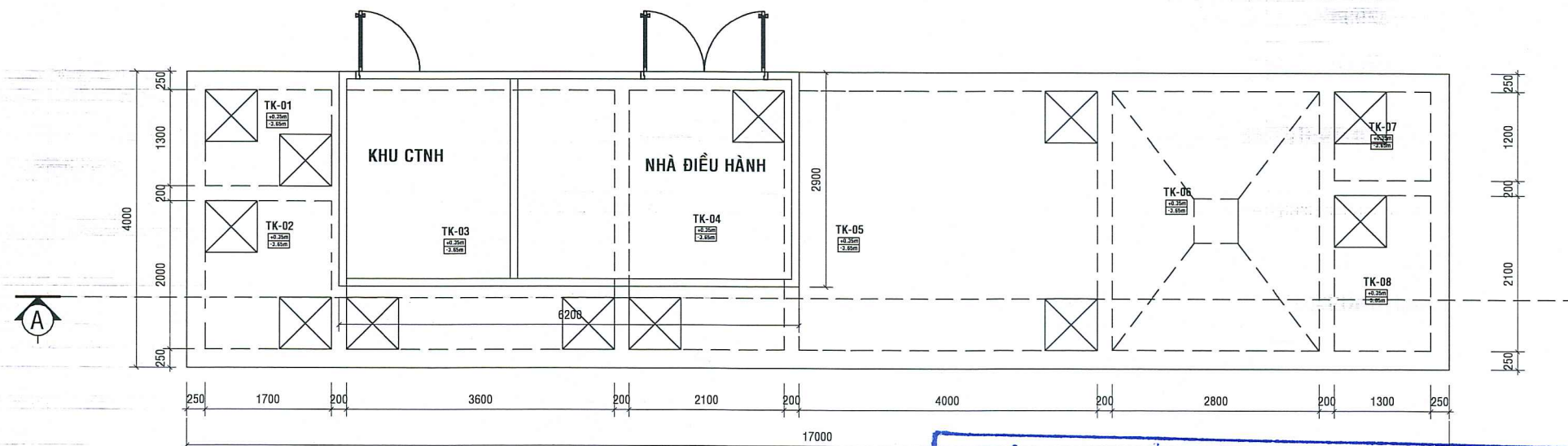
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XLNT
CÔNG SUẤT 150M3/ NGÀY-ĐÊM

TKTT

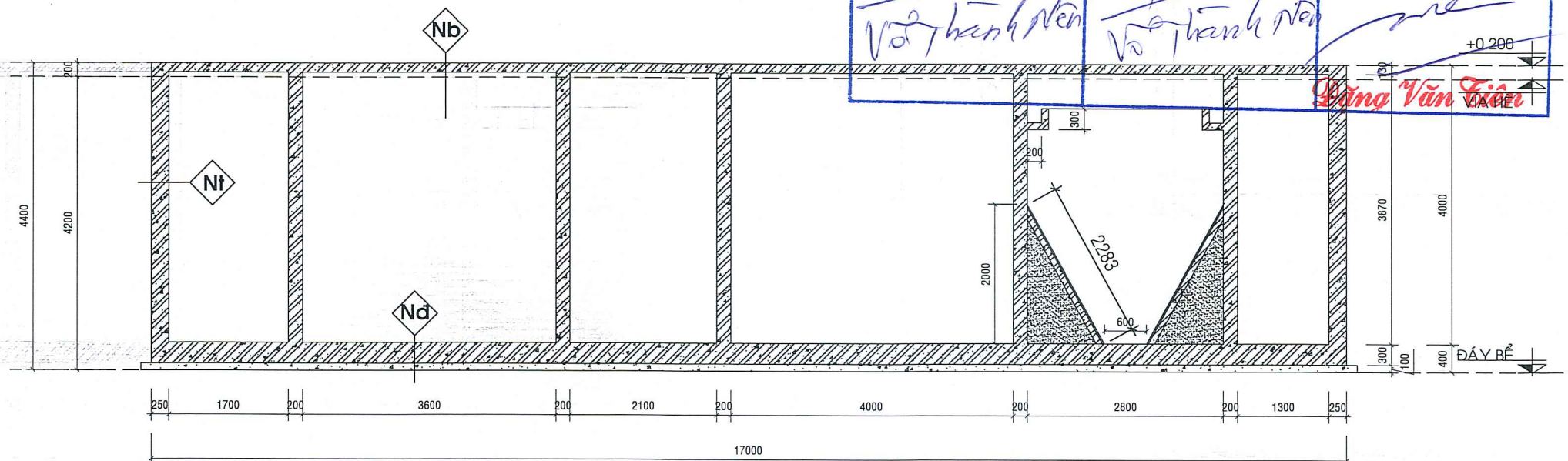
STT : 01

TBV: 03

HOÀN THÀNH 10/2024



MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ CỤM BỂ



MẶT CẮT CỤM BỂ

Nb NẮP BỂ

- CÁN VỮA XI MẮNG TẠO MẶT PHẪNG
- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- ĐẠN BTCT (XEM BVKC)

Nđ ĐÁY BỂ

- NỀN LĂNG HỒ DẦU TẠO MẶT PHẪNG
- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- BT ĐÁ 10x20 D250 M250
- BT LÓT ĐÁ 10x20 M150
- ĐẤT TỰ NHIÊN SAN PHẪNG DỌN SẠCH

Nt THÀNH BỂ

- TRÁT VỮA M75, DÂY 1.5cm
- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- THÀNH BTCT - ĐÁ 10x20 M250 (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)
- 2 LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày tháng năm 20.....		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
<i>Võ Thành Nền</i>	<i>Võ Thành Nền</i>	<i>Đặng Văn Tiến</i>

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
CÔNG TY TNHH QUANG VINH

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐBXD: P.KHÁNH BÌNH -TP.TÂN UYÊN -T.BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH QUANG VINH



ÔNG LÊ QUANG VINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG**



ÔNG PHẠM VĂN TIẾP

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ

KS VÕ THÀNH NỀN

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

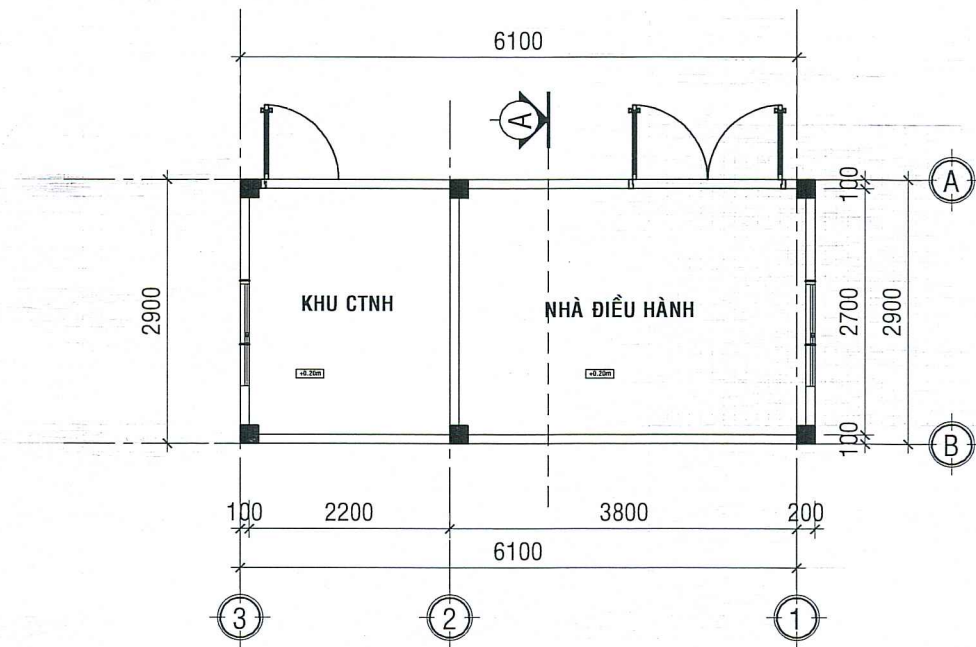
**MẶT BẰNG CỤM BỂ
MẶT CẮT CỤM BỂ**

TKTT

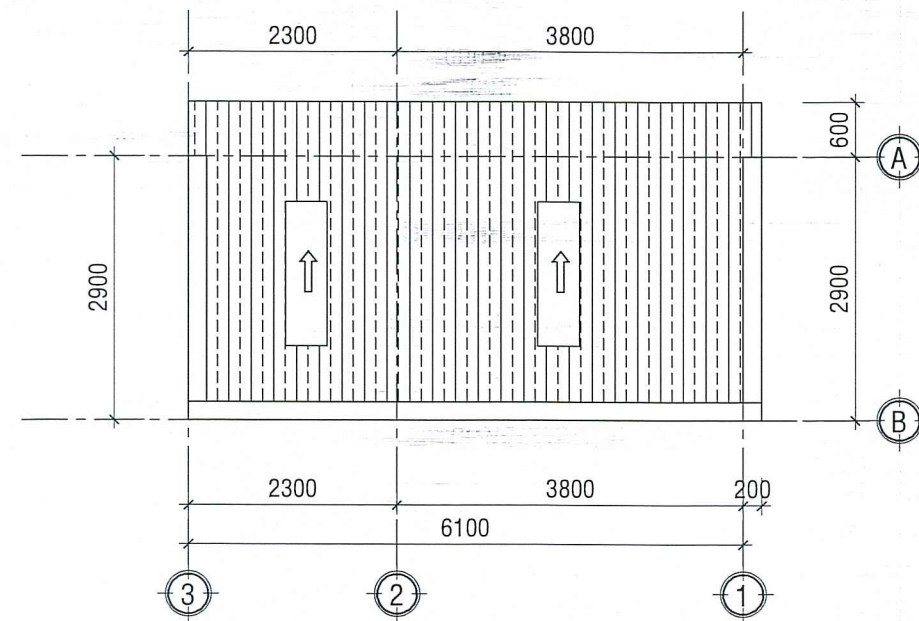
STT : 02
TBV: 03

HOÀN THÀNH

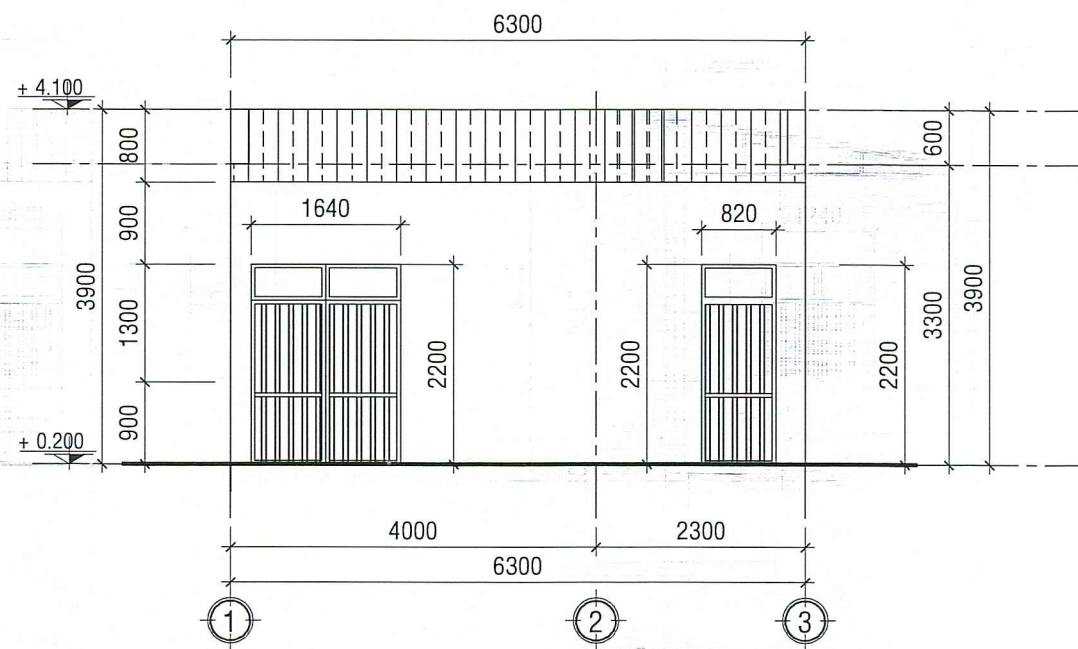
10/2024



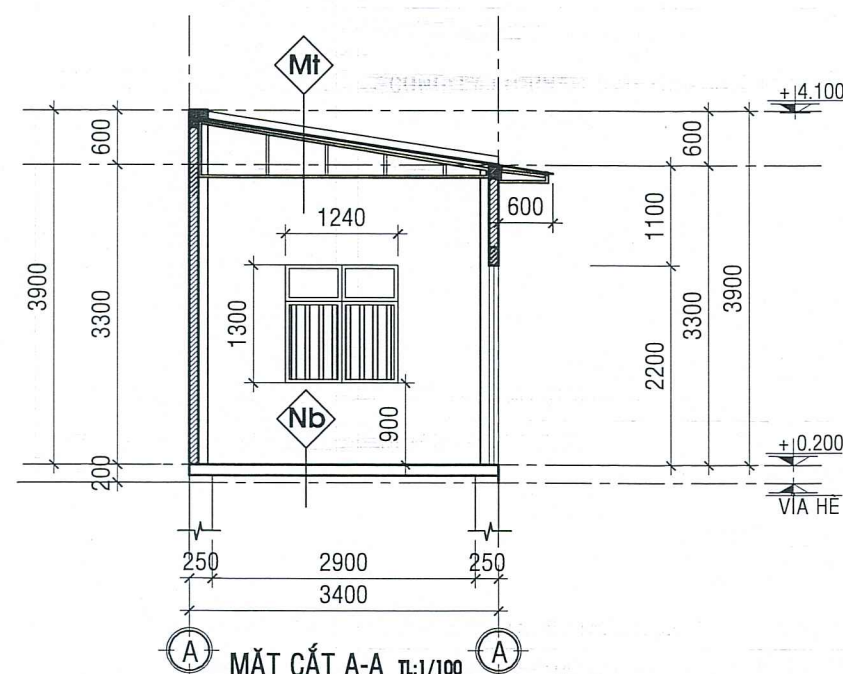
MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH Tỉ lệ: 1/100



MẶT BẰNG MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH Tỉ lệ: 1/100



MẶT ĐỨNG TRƯỚC 3-1 Tỉ lệ: 1/100



MẶT CẮT A-A Tỉ lệ: 1/100

GHI CHÚ CẤU TẠO:

Đb ĐÁY BẾ

- NÉN LĂNG HỒ DẤU TẠO MẶT PHẪNG
- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX
- THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- BT ĐÁ 10x20 D250 M250
- BT LỚT ĐÁ 10x20 M150
- ĐÁT TỰ NHIÊN SAN PHẪNG DỌN SẠCH

Nb NẮP BẾ

- CÁN VỮA XI MĂNG TẠO MẶT PHẪNG
- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX
- THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- ĐÁN DỪNG NẮP GANG KÍN MÙI

Nt THÀNH BẾ

- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX
- THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- THÀNH BTCT - ĐÁ 10x20 M250 (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)
- 2 LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX

Mt MÁI TOLE

- MÁI TOLE SÓNG VUÔNG D4.52m
- XÀ GỖ THÉP HỘP (XEM BVKC)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20....

Người lập
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Võ Thành Nên

Chỉ huy trưởng công trình
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Võ Thành Nên

Tư vấn giám sát trưởng
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Dương Văn Tiên

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
CÔNG TY TNHH QUANG VINH

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐBXD: P.KHÁNH BÌNH - TP.TÂN UYÊN - T.BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

GIÁM ĐỐC



ÔNG LÊ QUANG VINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

GIÁM ĐỐC



ÔNG PHẠM VĂN TIẾP

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ

KS VÕ THÀNH NÊN

HẠNG MỤC

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

NHÀ ĐIỀU HÀNH

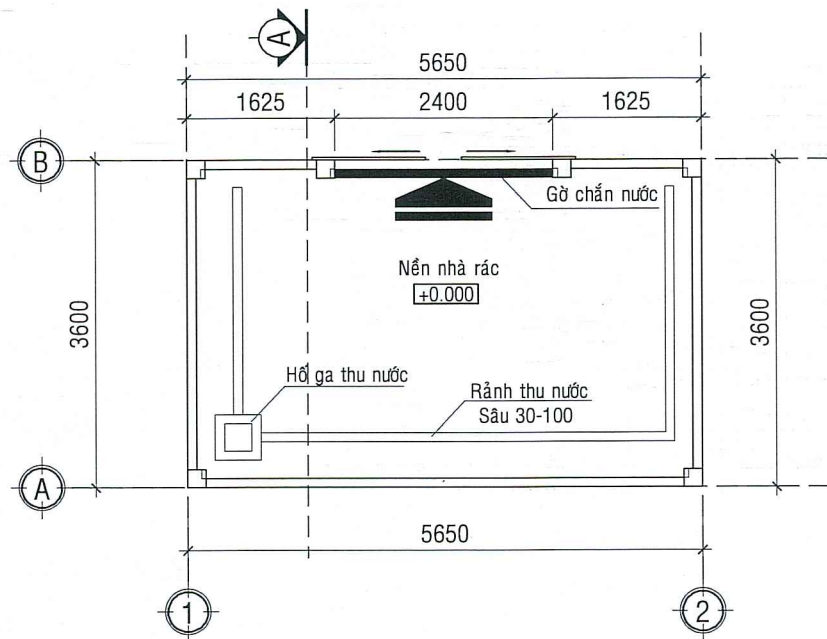
TKTT

STT : 03

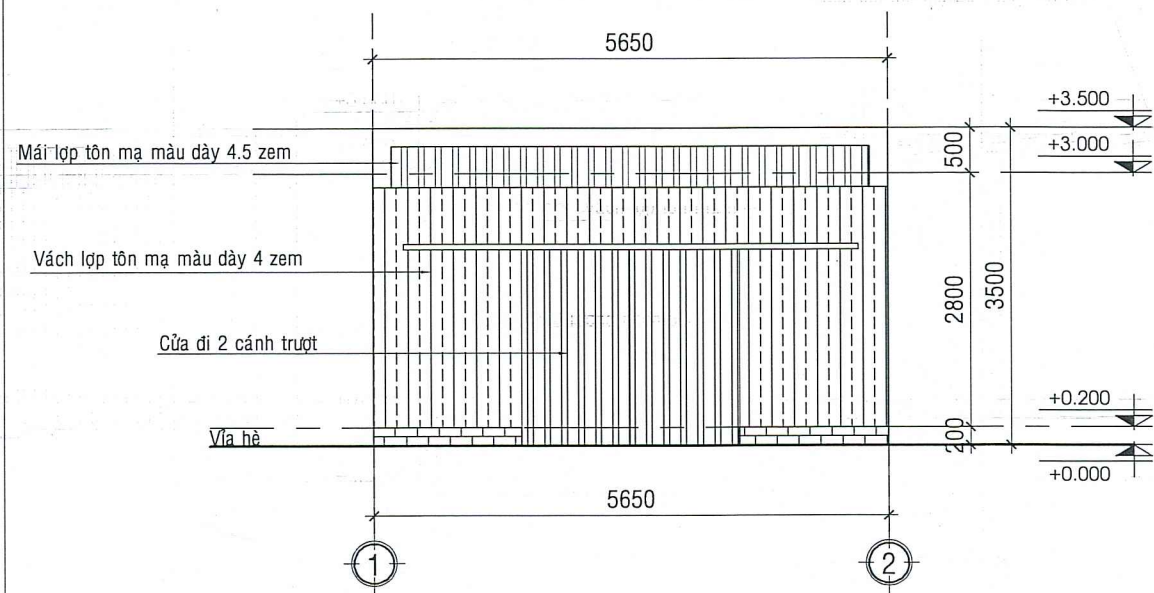
TBV: 03

HOÀN THÀNH

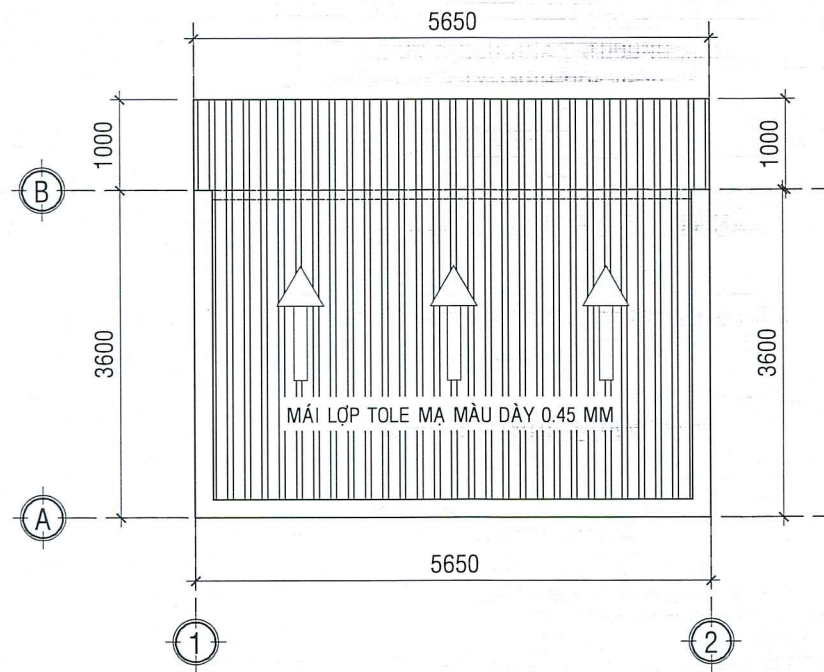
10/2024



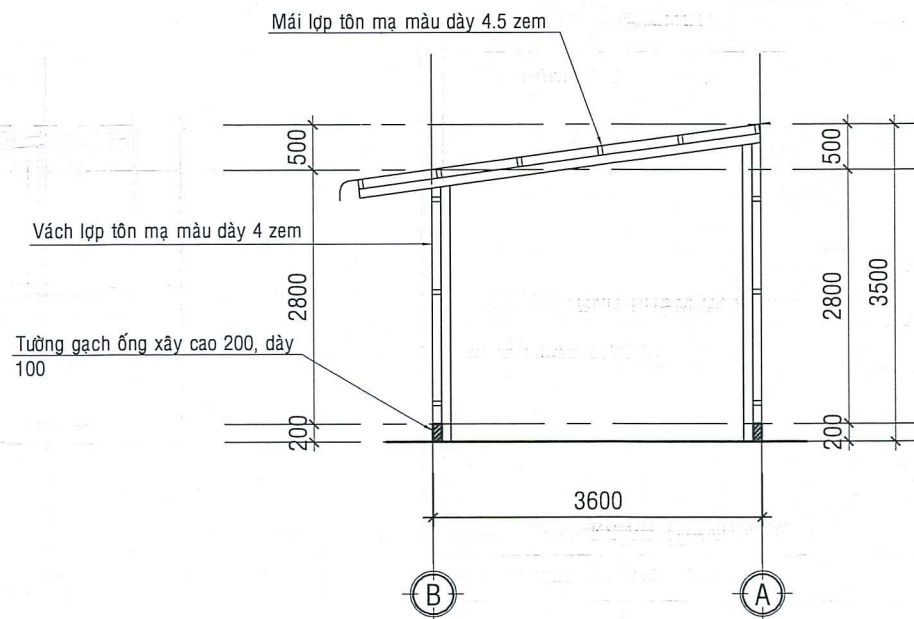
MẶT BẰNG TRỆT NHÀ RÁC TL:1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC 2-1 NHÀ RÁC TL:1/100



MẶT BẰNG MÁI NHÀ RÁC TL:1/100



MẶT CẮT A-A NHÀ RÁC TL:1/100

GHỊ CHÚ CẤU TẠO:

NỀN NHÀ RÁC	CỘT, VÍ KÈO NHÀ RÁC	VÁCH NHÀ RÁC	MÁI NHÀ RÁC
- NỀN LẮNG HỐ ĐẦU TẠO MẶT PHẲNG - BT ĐÁ 10x20, M200, D100 - BAT NHỰA TÀI SINH - ĐẤT TỰ NHIÊN SAN PHẲNG DỌN SẠCH	- CỘT, VÍ KÈO XÀ GỖ THÉP HỘP 50x100x1.4 - LIÊN KẾT VỚI NHAU BẰNG LIÊN KẾT HÀN	- TÔN MẠ MÀU DÀY 4.0 ZEM - XÀ GỖ THÉP HỘP 50x100x1.4	- MÁI LỢP TÔN MẠ MÀU DÀY 4.5 zem - XÀ GỖ THÉP HỘP 50x100x1.4 (XEM BVKC)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
CÔNG TY TNHH QUANG VINH

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐƠXD: P.KHÁNH BÌNH -TP.TÂN UYÊN -T.BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
QUANG VINH

ÔNG LÊ QUANG VINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

ÔNG PHẠM VĂN TIẾP

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ

KS VÕ THÀNH NỀN

HẠNG MỤC

NHÀ RÁC

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TRỆT

MẶT BẰNG MÁI

MẶT ĐỨNG TRỰC 2-1

MẶT CẮT A-A

TKTT

STT :

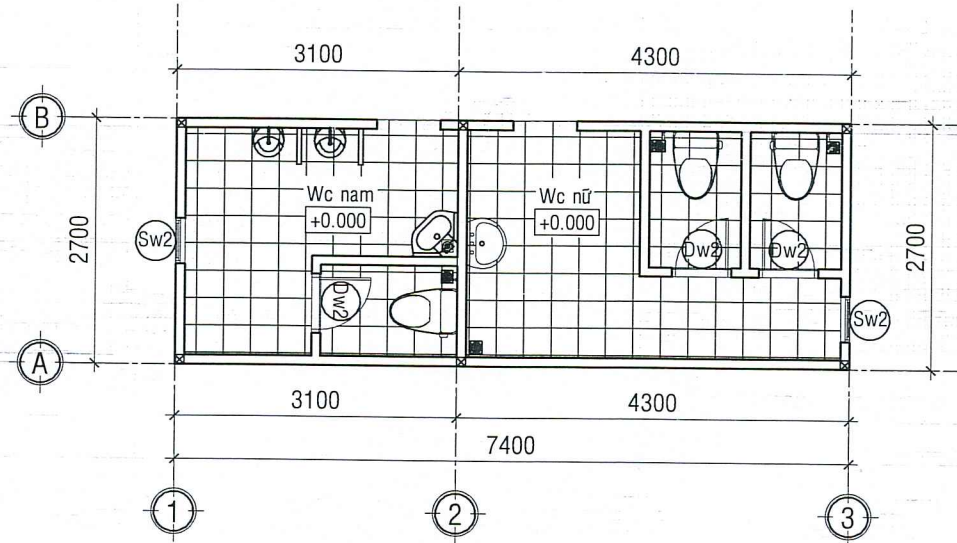
01

TBV:

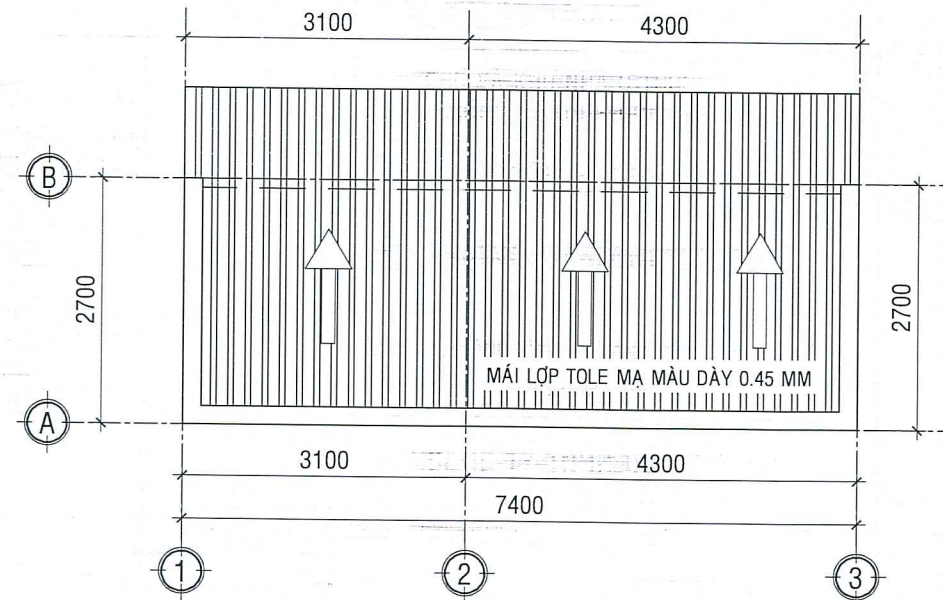
01

HOÀN THÀNH

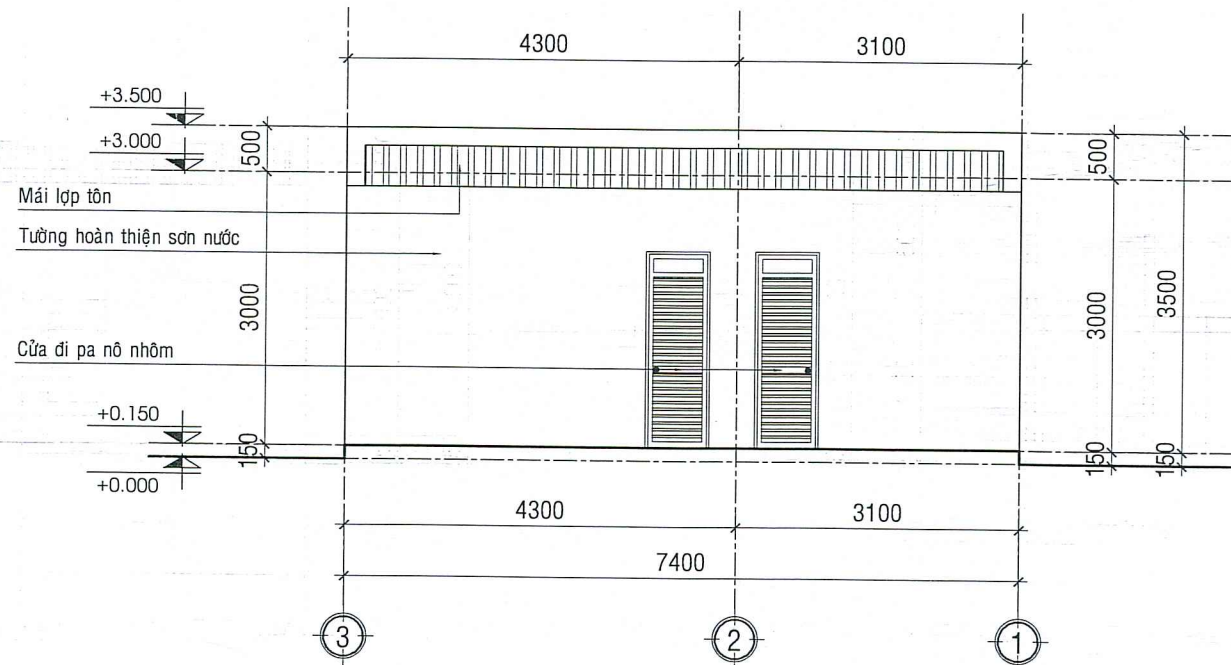
10/2024



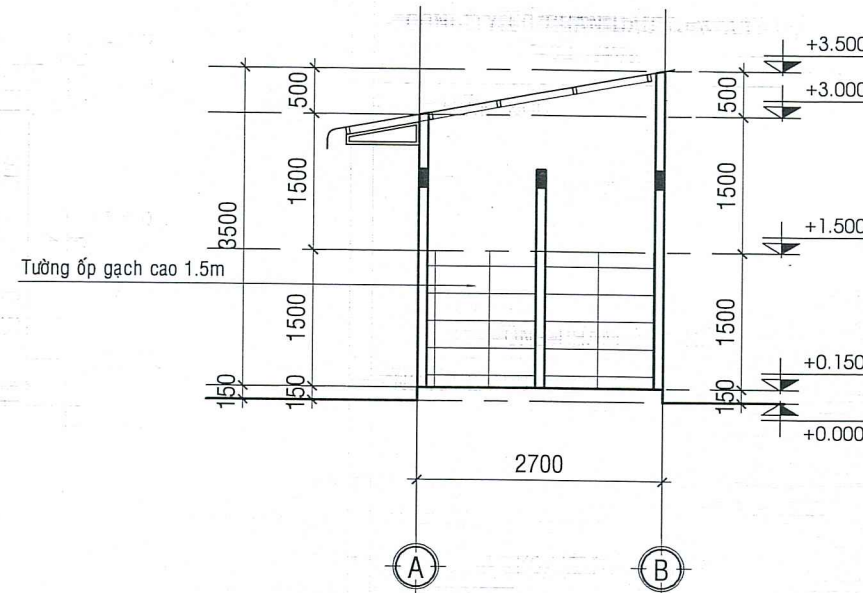
MẶT BẰNG NHÀ VỆ SINH



MẶT BẰNG MÁI NHÀ VỆ SINH



MẶT ĐỨNG TRỤC 3-1 NHÀ VỆ SINH



MẶT CẮT A-A NHÀ VỆ SINH

GHI CHÚ CẤU TẠO:

NỀN NHÀ VỆ SINH	VÁCH NHÀ VỆ SINH	MÁI NHÀ VỆ SINH
- NỀN LÁT GẠCH NHẢM 300x300 - CÁN Vữa NỀN M7.5, DÀY 30 - BÊ ĐÁ 10x20, M200, D60 - BÊ NHỰA TÀI SINH - ĐÁ TỰ NHIÊN SAN PHẪNG DỌN SẠCH	- TƯỜNG HOÀN THIÊN SƠN NƯỚC - TRÁT Vữa TƯỜNG M7.5, DÀY 15 - TƯỜNG GẠCH ỐNG DÀY 100	- MÁI LỢP TÔN MẠ MÀU DÀY 0.45mm - XÀ GỖ THÉP HỘP 40x80x1.4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
CÔNG TY TNHH QUANG VINH

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐBXD: P.KHÁNH BÌNH -TP.TÂN UYÊN -T.BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
QUANG VINH

ÔNG LÊ QUANG VINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

ÔNG PHẠM VĂN TIẾP

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ

KS VÕ THÀNH NÊN

HẠNG MỤC

NHÀ VỆ SINH

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TRỆT

MẶT BẰNG MÁI

MẶT ĐỨNG TRỤC 3-1

MẶT CẮT A-A

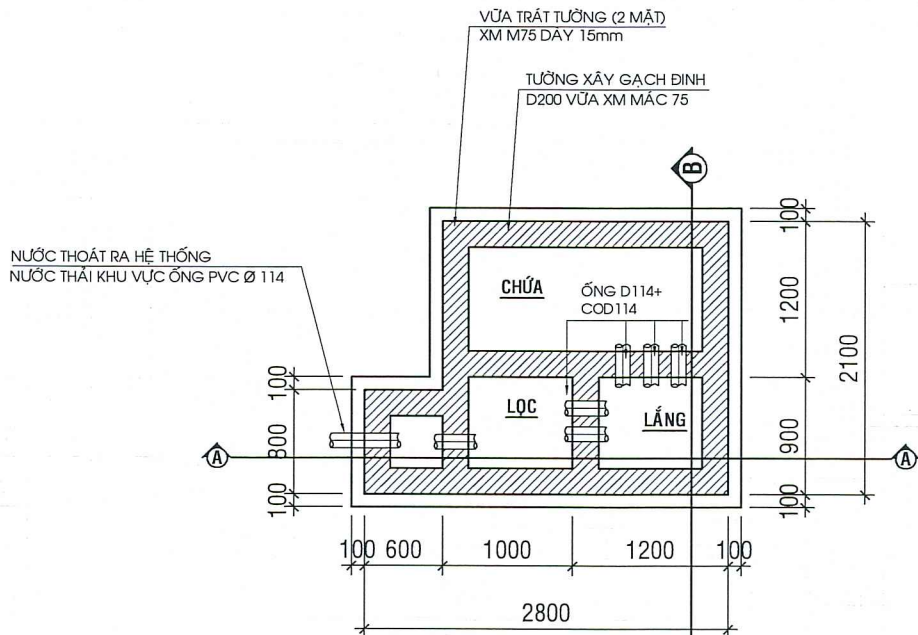
TKTT

STT : 01

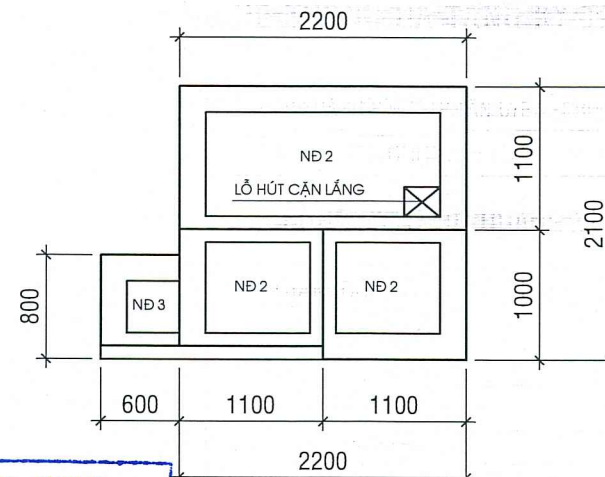
TBV: 01

HOÀN THÀNH

10/2024



MB HẦM TỰ HOẠI (2.8x2.1x1.9)m
Tỷ lệ 1/100

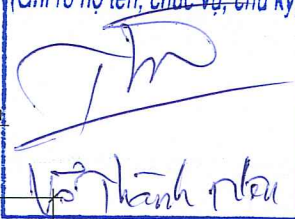
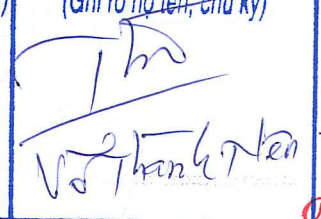
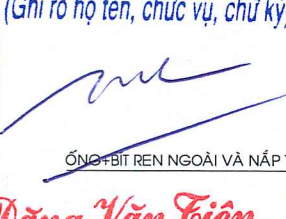


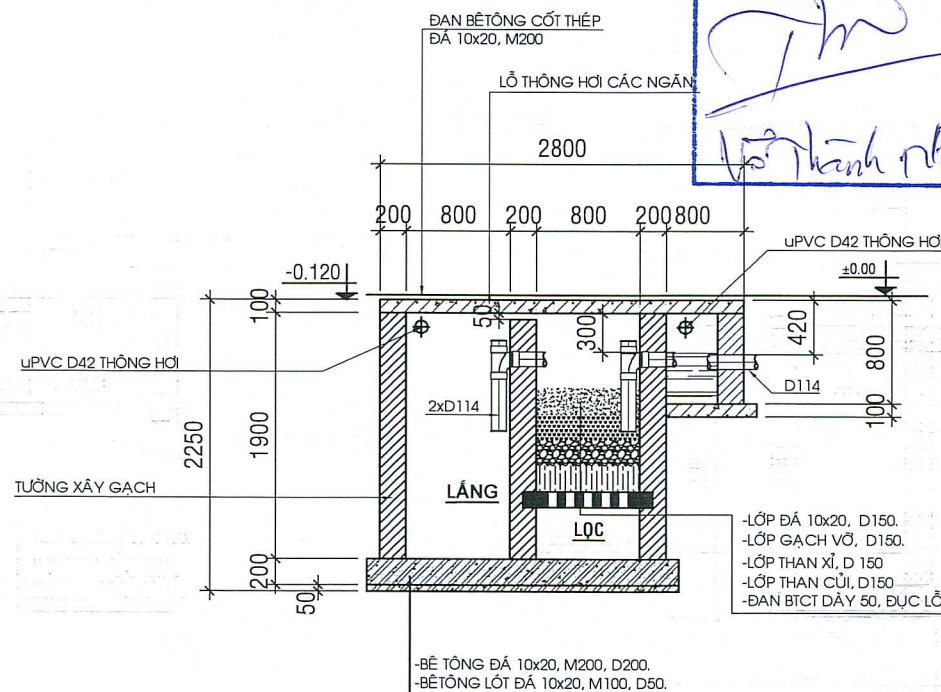
MB NẮP ĐAN HẦM TỰ HOẠI
Tỷ lệ 1/50

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QVG

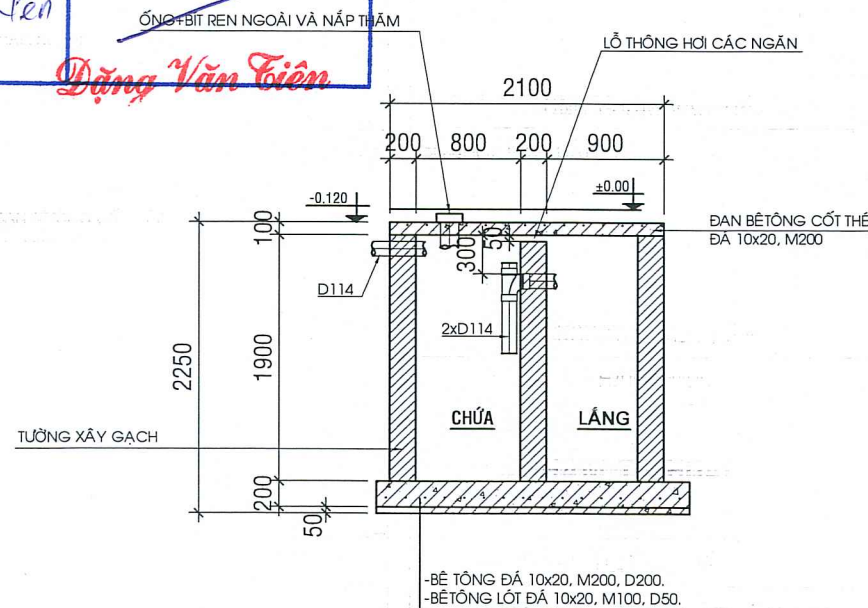
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20....

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
		



MẶT CẮT A-A
Tỷ lệ 1/50



MẶT CẮT B-B
Tỷ lệ 1/50

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN

CHỢ VÀ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
CÔNG TY TNHH QUANG VINH

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐƠN VỊ THI CÔNG: P.KHÁNH BÌNH - TP.TÂN UYÊN - T.BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH QUANG VINH

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
QUANG VINH

ÔNG LÊ QUANG VINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
QVG

ÔNG PHẠM VĂN TIẾP

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ

KS VÕ THÀNH NỀN

HẠNG MỤC

HẦM TỰ HOẠI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI

MB NẮP ĐAN HẦM TỰ HOẠI

MẶT CẮT A-A

MẶT CẮT B-B

TKTT

STT : 01

TBV: 01

HOÀN THÀNH

10/2024